

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ NGUYỆT THU

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ
HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ NGUYỆT THU

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ
HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 62 38 01 01

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. TRƯƠNG HỒ HẢI
2. PGS.TS. NGUYỄN THỊ QUẾ ANH

HÀ NỘI - 2017
LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Hà Thị Nguyệt Thu

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	10
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	10
1.2. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	22
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU	29
2.1. Khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	29
2.2. Tiêu chí hoàn thiện và các điều kiện bảo đảm cho việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	50
2.3. Pháp luật quốc tế và một số quốc gia về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và giá trị tham khảo cho Việt Nam	52
Chương 3: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM	80
3.1. Quá trình hình thành, phát triển của pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	80
3.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam	92
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU	121
4.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam	121
4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	126
KẾT LUẬN	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	152
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	153

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLDS	: Bộ luật Dân sự
BLHS	: Bộ luật Hình sự
ĐU'QT	: Điều ước quốc tế
EVFTA	: Hiệp định thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu
KH&CN	: Khoa học và công nghệ
LSHTT	: Luật Sở hữu trí tuệ
QSHCN	: Quyền sở hữu công nghiệp
QSHTT	: Quyền sở hữu trí tuệ
SHTT	: Sở hữu trí tuệ
SHCN	: Sở hữu công nghiệp
TAND	: Toà án nhân dân
TANDTC	: Toà án nhân dân tối cao
TPP	: Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
TRIPS	: Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
TTDS	: Tố tụng dân sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
TMQT	: Thương mại quốc tế
WIPO	: Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu trong thời đại ngày nay. Đây cũng là chủ trương nhất quán, xuyên suốt và là nội dung trọng tâm trong chính sách đối ngoại, hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước. Từ khi chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (năm 2007), tiến trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng hơn, đạt được nhiều kết quả tích cực, khá toàn diện trên các lĩnh vực [6], Việt Nam đã tham gia hầu hết các tổ chức, định chế quốc tế và khu vực chủ yếu trên thế giới. Riêng lĩnh vực sở hữu trí tuệ, thực ra hoạt động hội nhập quốc tế của Việt Nam đã được bắt đầu sớm hơn nhiều [31]. Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới từ năm 1976, tham gia các điều ước quốc tế (ĐUQT) như Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp từ năm 1949. Mặc dầu vậy, với việc tham gia WTO và nhiều hiệp định hợp tác kinh tế đa phương, song phương và khu vực khác nhau, đặc biệt là việc ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới mà trong đó sở hữu trí tuệ (SHTT) luôn là một trong những nội dung quan trọng và không thể thiếu, đã, đang và sẽ mang lại nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức cho Việt Nam trong đó có việc hoàn thiện chính sách, thể chế pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Trong quá trình đổi mới đất nước, để thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Việt Nam có rất nhiều mục tiêu phải thực hiện mà một trong những mục tiêu trọng tâm là phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (QSHCN) đối với nhãn hiệu - một bộ phận của pháp luật SHTT - được hình thành rõ nét từ những năm 80 của thế kỷ trước, khi Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiến trình đó được đánh dấu bởi sự ra đời của Luật

Sở hữu trí tuệ (LSHTT) năm 2005. Trải qua quá trình phát triển, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT), tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đồng thời góp phần tạo nền tảng đưa hệ thống bảo hộ SHTT của Việt Nam đạt chuẩn mực phổ cập của thế giới theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT (TRIPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tuy nhiên, qua quá trình thi hành, thực tiễn cuộc sống liên quan đến các vụ việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nhiều khi vượt khỏi những dự liệu của nhà làm luật khi đó pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng bộc lộ một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính cũng như để bảo đảm thi hành các cam kết về SHTT trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã và đang đàm phán hoặc ký kết.

Trên thực tế, tuy hệ thống pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã được xây dựng và thực thi một thời gian không ngắn nhưng tình trạng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn không ngừng gia tăng. Việc kiểm soát không hiệu quả tình hình xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu khiến môi trường cạnh tranh méo mó, uy tín doanh nghiệp bị thiệt hại, môi trường đầu tư kém hấp dẫn, người tiêu dùng bị chỉ dẫn sai, không thể sử dụng lợi ích của việc bảo hộ nhãn hiệu phục vụ cho phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế đất nước. Tình trạng xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu diễn ra phổ biến bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó không thể không kể đến hệ thống pháp luật còn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản luật, giữa các văn bản luật với hệ thống văn bản hướng dẫn, giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, các chế tài xử phạt còn chưa đủ sức răn đe; hoạt động của các cơ quan thực thi còn chồng chéo, năng lực của cán bộ có thẩm quyền còn hạn chế, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa hiệu quả; ý thức tự bảo vệ quyền của chủ thể quyền chưa cao; hệ thống cơ quan, tổ chức hỗ trợ cho hoạt động phát hiện và xử lý xâm

phạm quyền còn thiếu và yếu; ý thức chung của xã hội trong việc bài trừ hàng xâm phạm quyền còn thấp. Để có thể góp phần xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải thực hiện đồng bộ nhiều thay đổi trong đó việc hoàn thiện các quy định pháp luật có ý nghĩa quan trọng.

Đề quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT) phát huy vai trò là một công cụ hữu hiệu thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, QSHTT trở thành "thực quyền" mà không phải là sự "thừa nhận/ghi nhận trên giấy" thì hệ thống các quy định pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm QSHTT phải được thường xuyên hoàn thiện. Xây dựng pháp luật là hoạt động thường xuyên, liên tục, đó cũng chính là quá trình hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật thực định [81].

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu chống lại các hành vi xâm phạm, thực tiễn của quá trình thi hành pháp luật, lý luận về hoàn thiện pháp luật, nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, việc nghiên cứu có hệ thống và chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để từ đó đưa ra những quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này là nội dung quan trọng và có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu một mặt là đòi hỏi tất yếu của tiến trình hội nhập quốc tế, mặt khác chính là nhu cầu nội tại của chính nền kinh tế nhằm mục đích không chỉ tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tại Việt Nam mà từ đó còn bảo vệ hiệu quả quyền lợi của người tiêu dùng, tạo sự yên tâm cho các chủ nhãn hiệu trong việc tạo dựng uy tín cho hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh tế đồng thời tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước để các thành tố này cùng tham gia vào quá trình đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế đất nước, để vấn đề bảo hộ QSHTT không còn là rào cản đối với tiến trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam.

Vì những lý do nêu trên, tác giả đã chọn đề tài "**Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam**" làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục đích của luận án là trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đánh giá thực trạng và mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam, từ đó góp phần hình thành những tri thức lý luận và những luận cứ khoa học để đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Để đạt được mục đề ra, luận án cần thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của pháp luật và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên các phương diện sau: khái niệm, nội dung, đặc điểm, vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; phân tích các tiêu chí hoàn thiện, các điều kiện đảm bảo cho việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; tìm hiểu các cam kết quốc tế của Việt Nam có chứa các nội dung liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để rút ra những giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật của Việt Nam.

Hai là, phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, có hệ thống thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay để từ đó rút ra được những ưu điểm, bất cập và nguyên nhân những bất cập đó;

Ba là, trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích thực tiễn trong và ngoài nước đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Đối tượng nghiên cứu* của luận án là vấn đề hoàn thiện pháp luật về xử lý

hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, bao gồm những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của Việt Nam, một số nước trên thế giới và một số cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan đến việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; các quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

- Phạm vi nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia (Việt Nam và một số nước) dưới góc độ khoa học pháp lý và phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu.

Ở góc độ pháp luật quốc tế: luận án nghiên cứu các quy định có liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Đây là những điều ước quốc tế có ảnh hưởng lớn tới Việt Nam trong hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Ở góc độ pháp luật Việt Nam: hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một đề tài rộng, chưa đựng nhiều vấn đề phức tạp về lý luận và thực tiễn. Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tạo cơ sở cho việc đưa ra những quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt tập trung vào Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi năm 2009) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với những vấn đề có liên quan đến thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu quy định trong các văn bản luật chuyên ngành khác, luận án chỉ đề cập ở mức độ nhất định, cụ thể là tập trung vào những quy định pháp luật đặc thù được quy định riêng đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong mối tương quan với các vấn đề chính mà luận án nghiên cứu và trong tương quan tham chiếu với những yêu cầu trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Ở góc độ pháp luật, thực tiễn nước ngoài, luận án tập trung vào việc nghiên cứu pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của một số quốc gia có trình độ phát triển cao trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng như có ảnh hưởng lớn trong quan hệ quốc tế, một số nước có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam, cụ thể là Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Lý do lựa chọn các quốc gia trên làm đối tượng nghiên cứu là các nước đó có hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu (gồm đăng ký xác lập quyền và bảo vệ quyền) rất phát triển đồng thời có ảnh hưởng nhiều tới việc xây dựng pháp luật và thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hoặc là những nước có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khá tương đồng với Việt Nam. Tuy nhiên, việc nghiên cứu pháp luật nước ngoài chỉ tập trung vào một số nội dung: các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu; căn cứ xác định hành vi, đánh giá yếu tố xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu; sự tham gia của các chủ thể có liên quan trong việc xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, cơ chế xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Về thời gian, luận án nghiên cứu pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam từ năm 1981 đến 2016 trong đó giai đoạn 1981 - trước 2005 chỉ giới thiệu một cách khái quát, tập trung chủ yếu vào giai đoạn từ 2005 đến 2016.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Việc nghiên cứu đề tài được tiến hành trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế, cải thiện môi trường kinh doanh.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án là phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, theo đó kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn, sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, lịch sử và logic, so sánh, thống kê.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể được sử dụng trong luận án gồm:

- Chương 1 sử dụng phương pháp lịch sử - cụ thể, phân tích - tổng hợp, quy nạp - diễn dịch để làm rõ các nghiên cứu có liên quan tới đề tài, rút ra những

vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoàn thiện pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã được nghiên cứu trong và ngoài nước, từ đó xác định những nội dung còn chưa được nghiên cứu hoặc đã nghiên cứu nhưng chưa thấu đáo và chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Chương 2 sử dụng phương pháp tổng hợp, quy nạp - diễn dịch, lịch sử nhằm làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề luận án đang nghiên cứu; phân tích, tổng hợp và so sánh các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong pháp luật Việt Nam và trong các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên có quy định về vấn đề này, so sánh quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của một số nước từ đó rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Chương 3 sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh có minh họa từ thực tiễn, phân tích tài liệu thứ cấp để thấy rõ những ưu điểm và bất cập trong các giai đoạn phát triển của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam cũng như nguyên nhân của những ưu điểm, bất cập đó.

- Chương 4 chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích và suy luận từ bối cảnh đã được chỉ ra ở chương 3 để từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, trên cơ sở nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, luận án xác định những vấn đề đã được nghiên cứu, độ sâu nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Kết quả của việc tổng hợp, phân tích, đánh giá những công trình đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Hai là, luận án đã nghiên cứu đưa ra khái niệm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; từ khái niệm đó, luận án phân tích được năm đặc điểm, tám nhóm nội dung của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong việc tạo cơ sở pháp lý đảm bảo tổ chức và

thực thi hiệu lực, hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng, QSHTT nói chung, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút đầu tư, góp phần quan trọng vào việc đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Những vấn đề này có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng lý luận về pháp luật và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Đây cũng chính là đóng góp về mặt lý luận của công trình nghiên cứu.

Ba là, luận án đã phân tích, chỉ rõ được các tiêu chí hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những điều kiện đảm bảo cho việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để phù hợp với hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Ngoài những tiêu chí chung khi hoàn thiện pháp luật, luận án cũng đưa ra những tiêu chí đặc thù nhằm xây dựng các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bảo vệ một cách hài hoà lợi ích chính đáng của chủ thể quyền đối với nhãn hiệu, người tiêu dùng và toàn xã hội, tránh hiện tượng lạm dụng quyền để cản trở hoạt động kinh doanh lành mạnh của các chủ thể khác trong xã hội và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đây là điểm mới chưa được nêu ra trong công trình nghiên cứu nào trước đây, là đóng góp của luận án vào lĩnh vực pháp luật SHTT, có ý nghĩa tham khảo cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện và áp dụng pháp luật.

Bốn là, qua nghiên cứu những điều ước quốc tế Việt Nam ký kết hoặc tham gia có nội dung liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đặc biệt là những hiệp định thương mại thế hệ mới gần đây được ký kết gần đây như Hiệp định TPP, EVFTA luận án đã chỉ ra những điểm còn chưa tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, những nội dung có tác động lớn tới hệ thống pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam; qua nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của một số nước luận án rút ra những giá trị tham khảo có thể vận dụng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Năm là, thông qua việc nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển của các

quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, luận án đã hệ thống hoá được những nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu qua các giai đoạn phát triển tương ứng với những dấu mốc quan trọng của Việt Nam trong phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế; chỉ ra được những ưu điểm, cũng như bất cập của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và nguyên nhân của những bất cập đó. Trên cơ sở đó, luận án đã xác định những vấn đề bất cập cần khắc phục trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay.

Thứ sáu, qua nghiên cứu lý luận và thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, luận án đề xuất được ba quan điểm và hai nhóm giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nhằm đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và các yêu cầu trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các giải pháp đưa ra trong luận án này là kết quả nghiên cứu của tác giả, chưa từng công bố ở những nghiên cứu khoa học trước đó.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Các kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung vào tri thức lý luận về bảo hộ và thực thi QSHTT cũng như pháp luật về SHCN và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Luận án là sự nhìn nhận, đánh giá khoa học về những ưu điểm, hạn chế, bất cập của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Kết quả của luận án cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn có giá trị tham khảo cho quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, góp phần thúc đẩy hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập trong các cơ sở đào tạo luật và nghề tư pháp, các cơ quan và cán bộ thực thi QSHTT, các nhà làm luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ

** Đề tài, tài liệu hội thảo khoa học*

Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp đặc biệt Đại học quốc gia Hà Nội *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế* do Nguyễn Bá Diên làm Chủ nhiệm [36]. Đây là công trình rất đáng chú ý trước khi có Luật SHTT năm 2005. Công trình đã nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện hệ thống pháp luật SHTT của Việt Nam, phân tích, đánh giá thực trạng của các quy định pháp luật cũng như thực trạng thực hiện pháp luật SHCN, quyền tác giả ở phương diện xác lập quyền và bảo vệ quyền; nghiên cứu các hệ thống pháp luật nước ngoài cũng như các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã tham gia và có khả năng sẽ tham gia. Trong công trình này, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thuộc phần pháp luật về bảo vệ QSHTT. Công trình đã nghiên cứu và chỉ ra rằng khung pháp luật về xử lý xâm phạm QSHTT (trong đó có nhãn hiệu) bao gồm cả pháp luật nội dung và pháp luật hình thức, thuộc nhiều chuyên ngành luật khác nhau, việc hoàn thiện khung pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHTT phải được tiến hành đối với cả luật nội dung và luật hình thức, gồm các biện pháp gồm dân sự, hình sự, hành chính và biện pháp kiểm soát biên giới. Tuy đề tài tiếp cận vấn đề ở góc độ tổng thể các loại QSHTT nói chung nhưng những vấn đề được nêu ra trong đề tài có giá trị gợi mở tốt cho nghiên cứu sinh khi trong quá trình tìm hiểu về khung pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ sao cho phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

** Sách*

- Sách chuyên khảo *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn*

đề lý luận và thực tiễn, do Lê Hồng Hạnh và Đinh Thị Mai Phương chủ biên [50]. Cuốn sách được thực hiện vào năm 2004, trước thời điểm Việt Nam gia nhập WTO. Trong cuốn sách các tác giả đã luận giải một cách khoa học vai trò và vị trí của pháp luật SHTT trong sự phát triển của đất nước và trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Theo đó, pháp luật SHTT có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế "việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả sẽ tạo ra một cơ chế tác động qua lại về lợi ích giữa người sáng tạo và lợi ích chung của xã hội"... Cơ chế này góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển.

Nhóm tác giả đã đưa ra các đề xuất tổng thể hoàn thiện pháp luật Việt Nam về SHTT như xây dựng pháp luật SHTT thành một lĩnh vực độc lập tách khỏi Bộ luật Dân sự. Liên quan đến vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhóm tác giả cũng dành riêng một phần để đề xuất các kiến nghị bao gồm: (i) cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống thực thi, (ii) nâng cao nhận thức của công chúng nói chung và chủ thể quyền SHTT nói riêng, (iii) hoàn thiện các biện pháp dân sự trong nhóm các biện pháp thực thi, (iv) tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong thực thi quyền SHTT.

Có thể nói, cuốn sách này là công trình nghiên cứu một cách tổng thể và toàn diện nhất những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam đến thời điểm hiện nay. Cuốn sách có giá trị tham khảo cao cho nghiên cứu sinh trong việc hình thành cơ sở lý luận về bảo hộ QSHCN khi nghiên cứu đề tài hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

- Sách chuyên khảo *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ* của Lê Xuân Thảo do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2005 [100]. Trong cuốn sách này tác giả đã giới thiệu nghiên cứu của mình về cơ sở lý luận của việc đổi mới và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật về bảo hộ quyền SHTT trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Công trình đã gợi mở cho nghiên cứu sinh hướng tiếp cận hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu với tư cách là tiếp cận cơ chế điều chỉnh của pháp luật tới việc thực hiện và bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu.

*** *Bài báo khoa học, tạp chí***

Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát Luật Sở hữu trí tuệ và các kiến nghị do nhóm tác giả Dương Tử Giang, Phạm Vũ Khánh Toàn phối hợp với Công ty luật Baker & Mc Kenzie thực hiện năm 2011 trong khuôn khổ Dự án USAID [46] hỗ trợ thi hành pháp luật về hội nhập kinh tế đã rà soát toàn diện các vấn đề của Luật SHTT năm 2005 sửa đổi năm 2009 đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật SHTT. Các vấn đề được rà soát dựa theo các tiêu chí: tính minh bạch, tính thống nhất, tính hợp lý và tính khả thi. Nhận định chung về Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, nhóm nghiên cứu cho rằng do quá trình thực thi còn quá nhiều vướng mắc, văn bản quy định chưa cụ thể nên mục tiêu này chỉ đạt được ở mức độ kém. Công trình có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu các tiêu chí hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp

**** Đề tài, tài liệu hội thảo khoa học***

- Đề án khoa học cấp Bộ *Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng đề án nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ* Cục SHTT chủ trì [30]. Đây là công trình rất đáng chú ý liên quan đến hoạt động thực thi quyền SHTT. Đề án có nhiệm vụ dựa trên cơ sở thực trạng của tình hình bảo hộ quyền SHTT hiện nay, phân tích các nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm làm thay đổi căn bản tình hình thực thi quyền SHTT, từng bước hạn chế, tiến tới chặn đứng được tệ nạn hàng nhái, hàng giả, nạn sao chép lậu. Nội dung của đề án này có giá trị gợi mở cho nghiên cứu sinh trong việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

- Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ *Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế* do Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện [99]. Đề án nghiên cứu cơ chế thực thi QSHTT với tư cách là tổng thể các yếu tố tạo thành và cách thức nhằm nhằm đảm bảo cho quyền SHTT được tôn trọng và thực hiện trên thực tế (nghĩa rộng) hay những cách thức, biện pháp để phát hiện và xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT theo quy định của pháp luật (bao gồm biện pháp hành chính,

biện pháp tư pháp và biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) (nghĩa hẹp). Công trình có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Đây là công trình được thực hiện tương đối mới, toàn diện, tuy nhiên, các giải pháp hoàn thiện pháp luật được đề xuất liên quan tất cả các đối tượng SHTT và chỉ là một phần nhỏ của công trình nên mới chỉ tập trung được vào một số vấn đề của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hơn nữa, từ năm 2014 đến nay hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng đã có những bổ sung, sửa đổi; Việt Nam đã gia nhập một số hiệp định thương mại thế hệ mới (EVFTA, TPP) có những cam kết liên quan đến thực thi QSHTT nên cần có những giải pháp phù hợp với tình hình mới.

*** Sách**

Sách chuyên khảo *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế: những vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Nguyễn Bá Diễn [37]. Theo quan điểm của tác giả các phương thức thực thi QSHTT bao gồm đăng ký, xác lập QSHTT, hoạt động hỗ trợ thực thi QSHTT và hoạt động đảm bảo thực thi QSHTT. Quan điểm này khác biệt và rộng hơn quan điểm phổ biến về thực thi QSHTT khi coi hoạt động đăng ký, xác lập QSHTT cũng thuộc phạm vi hoạt động thực thi QSHTT. Nghiên cứu sinh có thể tham khảo những nghiên cứu lý luận cơ bản trong nội dung về hoàn thiện cơ chế thực thi QSHTT trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong cuốn sách này để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu.

*** Luận án, luận văn**

- Luận văn Thạc sĩ *Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp hành chính* của Trần Minh Dũng [38]. Những vấn đề lý luận như khái niệm quyền SHCN và thực thi quyền SHCN bằng biện pháp hành chính đã được tác giả luận giải chi tiết. Trên cơ sở khảo sát thực trạng xâm phạm quyền SHCN ở Việt Nam, tác giả đã phân tích, đánh giá, rút ra nhận xét về ưu, nhược điểm trong hoạt động thực thi quyền của các cơ quan hành chính. Kết quả nghiên cứu của công trình này gợi mở cho nghiên cứu sinh những tham khảo hữu ích để tạo cơ sở cho việc đưa ra những đề xuất về việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính.

- Luận án Tiến sĩ luật học *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ* của nghiên cứu sinh Lê Việt Long [71]. Các khái niệm SHTT và tội phạm về SHTT đã được tác giả luận án xây dựng, phân tích rõ ràng. Luận án đưa ra hai nhóm giải pháp nhằm tăng cường hoạt động đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT: *nhóm thứ nhất*, hoàn thiện cơ sở pháp luật hình sự nhằm đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm SHTT; *nhóm thứ hai*, hoàn thiện một số giải pháp khác nhằm đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm SHTT. Luận án có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu biện pháp xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

*** Bài báo khoa học, tạp chí**

Trong bài viết *Hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới*, tác giả Đinh Thị Mai Phương [78] đã phân tích theo kinh nghiệm của nước ngoài như Pháp, Mỹ, Nhật Bản thì việc xử lý xâm phạm QSHCN không chỉ giới hạn ở các hành vi vi phạm trực tiếp mà cả các hành vi vi phạm gián tiếp cũng phải chịu trách nhiệm liên đới. Bàn về những thách thức của Việt Nam khi thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực SHTT tác giả Nguyễn Thị Hải Vân trong bài viết *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Hiệp định TRIPS, TRIPS Cộng và ACTA* [112, tr.39-43,53] đã phân tích rõ khuynh hướng bảo hộ QSHTT cao hơn TRIPS của các nước đang phát triển và Việt Nam khi tham gia các "sân chơi" quốc tế sẽ phải chấp nhận những nghĩa vụ liên quan đến bảo hộ QSHTT ở mức cao trong đó đặc biệt tập trung vào những quy định liên quan đến xử lý xâm phạm QSHTT. Bài viết *Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính* của tác giả Phạm Vũ Khánh Toàn và Lê An trong khuôn khổ Hội thảo quốc tế "Sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: kinh nghiệm của Việt Nam, Lào và Campuchia" năm 2013 [106] đã đưa ra nhận định việc xử lý hành vi xâm phạm QSHTT trước tiên phải xuất phát từ sự chủ động của các chủ thể quyền, biện pháp xử lý xâm phạm QSHTT bằng biện pháp hành chính là một trong những nét rất đặc thù của hệ thống thực thi QSHTT tại Việt Nam nhưng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, việc sử dụng biện pháp hành chính trong xử lý xâm phạm QSHTT hiện vẫn còn nhiều vấn đề cần phải bàn luận và để nâng cao hiệu quả bảo vệ QSHTT, trả quan hệ pháp luật này về đúng

với bản chất dân sự thì nên kết hợp giữa biện pháp hành chính và dân sự trong việc xử lý các xâm phạm QSHTT. Tác giả Đoàn Thị Ngọc Hải trong bài viết *Hoàn thiện quy định của pháp luật về kiểm soát biên giới bảo vệ quyền SHTT của cơ quan Hải quan* [48] đã phân tích hoạt động kiểm soát biên giới đối với QSHTT của cơ quan Hải quan trên cơ sở so sánh, đối chiếu giữa LSHTT và Luật Hải quan từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm soát tại biên giới đối với QSHTT của cơ quan Hải quan. Các công trình này đều rất hữu ích cho tác giả đề tài luận án vì chúng cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn, gợi mở những cho tác giả hướng nghiên cứu để phát triển tiếp nhằm đưa ra những giải pháp có giá trị hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

**** Đề tài, tài liệu hội thảo khoa học***

Đề tài *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng phương pháp xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu* của Viện Khoa học SHTT (Bộ KH&CN) do tác giả Nguyễn Thị Yên chủ trì [113] đã làm rõ cơ sở lý luận của việc xác định yếu tố xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đưa ra những luận điểm khoa học về việc xác định yếu tố xâm phạm quyền là nút then chốt trong quá trình xử lý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong đó vấn đề cơ bản là xác định khả năng tương tự đến mức gây nhầm lẫn giữa dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm và đối tượng cho là bị xâm phạm quyền. Nghiên cứu sinh có thể dựa vào kết quả nghiên cứu của công trình này để tiếp tục nghiên cứu, xây dựng khái niệm về hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như vai trò của việc xác định hành vi xâm phạm khi áp dụng các chế tài để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Đề tài *Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân trong tình hình mới* của Viện Khoa học xét xử của Tòa án nhân dân tối cao, Bùi Thị Dung Huyền làm Chủ nhiệm [114] đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về thủ tục giải quyết tranh chấp QSHTT tại tòa án nhân dân, làm rõ thực trạng, vai trò giải quyết tranh chấp QSHTT của Tòa án nhân dân theo thủ tục tố tụng dân sự, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm

nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại TAND. Kết quả nghiên cứu của công trình này có giá trị để nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhằm đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thông qua con đường tòa án.

*** *Luận án, luận văn***

- Trong luận văn thạc sĩ *Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự* [44] tác giả Vũ Thị Phương Giang đã phân tích nguyên nhân của tình trạng xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu cũng như thực trạng xử lý bằng biện pháp dân. Từ việc phân tích các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng luật, tác giả chỉ ra những điểm tích cực và hạn chế của hoạt động bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự và đề xuất các kiến nghị liên quan các quy định về thủ tục xử lý xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Công trình có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.

- Luận văn thạc sĩ luật học của Nguyễn Thị Pha *Hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam* [74] đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận về hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đánh giá những quy định pháp luật hiện hành đối với hành vi này. Trong phương hướng hoàn thiện pháp luật liên quan đến hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, tác giả đề xuất sửa đổi một số nội dung về tiêu chuẩn bảo hộ nhãn hiệu, quy định rõ ràng hơn về nguyên tắc xác định hành vi xâm phạm, các yếu tố cấu thành hành vi xâm phạm, căn cứ xác định tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một luận án cao học, các kiến nghị trong luận văn mới chỉ dừng lại ở nêu phương hướng chứ chưa có những kiến nghị cụ thể như sửa đổi điều khoản nào, nên sửa đổi nội dung nào.

- Luận văn thạc sĩ luật học *Xử lý xâm phạm nhãn hiệu bằng tài phán Tòa án* của tác giả Tạ Duy Khánh [63] đã luận giải các hành vi bị coi là xâm phạm nhãn hiệu và các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu thông qua tòa án cũng như ưu, nhược điểm của các biện pháp xử lý đó. Trên cơ sở phân tích thực trạng xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu thông qua các bản án, tác giả chỉ ra

những hạn chế của hoạt động xử lý xâm phạm nhãn hiệu tại Tòa án và kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý xâm phạm nhãn hiệu. Đây là công trình nghiên cứu sinh có thể tham khảo khi nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thông qua hệ thống tư pháp.

- Luận văn thạc sĩ *Thực thi pháp luật của Hải quan Việt Nam về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa xuất nhập khẩu* của tác giả Đỗ Thị Anh [1] đã luận giải chức năng bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu của hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải quan Việt Nam; phân tích, đánh giá thực trạng xâm phạm nhãn hiệu trên hàng hóa xuất nhập khẩu và hoạt động thực thi pháp luật của Hải quan Việt Nam để bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu hàng hóa xuất nhập khẩu từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật trong quy trình nghiệp vụ của Hải quan. Công trình có giá trị gợi mở vấn đề về bảo vệ QSHTT đối với nhãn hiệu ở cửa khẩu thông qua hoạt động của cơ quan hải quan để nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu, phát triển, đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tại biên giới.

- Luận văn thạc sĩ khoa học quản lý *Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong môi trường Internet* của tác giả Nguyễn Thị Hương [62]. Vấn đề xử lý xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu được tác giả nghiên cứu ở phương diện khoa học quản lý và tập trung vào hành vi thực hiện trong môi trường internet. Tác giả đã chỉ ra một số nguyên nhân khiến cho việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không hiệu quả như thiếu hướng dẫn cụ thể đối với việc xử lý hành vi xâm phạm thực hiện trên môi trường internet, khó xác định thiệt hại, chưa quy định trách nhiệm của người cho thuê kinh doanh gian hàng trên internet. Công trình gợi mở để nghiên cứu sinh nghiên cứu sâu hơn nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện trong môi trường internet.

- Luận án tiến sĩ luật kinh tế *Xử lý vi phạm nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam* của Nguyễn Xuân Quang [80]. Tác giả tiếp cận vấn đề xử lý vi phạm nhãn hiệu dưới góc độ pháp luật kinh tế. Tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm nhãn hiệu trong mối tương quan so sánh với pháp luật quốc tế nhưng mới chỉ giới hạn ở Hiệp định TRIPS. Trong khi đó,

gần đây Việt Nam tham gia rất nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới có những yêu cầu rất cao về thực thi QSHTT bao gồm thực thi QSHCN đối với nhãn hiệu. Những yêu cầu này đòi hỏi có sự thay đổi lớn trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam nên việc xây dựng các đề xuất hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm nhãn hiệu mà không tính đến đầy đủ những cam kết quốc tế có liên quan thì các đề xuất đó vẫn chưa đầy đủ và toàn diện. Thêm vào đó, vào thời điểm tác giả thực hiện nghiên cứu thì một số văn bản pháp luật có liên quan chưa được sửa đổi, bổ sung (Bộ luật Hình sự, Nghị định 99/2013 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, Nghị định 185/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...) nên các đề xuất của tác giả chưa cập nhật những quy định pháp luật hiện hành. Tác giả đưa ra các đề xuất hoàn thiện pháp luật dựa vào việc đánh giá thực trạng quy định pháp luật nhưng không xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật cũng như chỉ ra được sự cần thiết và quan điểm hoàn thiện pháp luật. Ngoài ra, luận án còn bỏ ngỏ chưa nghiên cứu đến căn cứ để xác định một hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự, hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của các tổ chức giám định SHCN, tổ chức xã hội nghề nghiệp và vấn đề bảo vệ người tiêu dùng khi xử lý hành vi vi phạm nhãn hiệu...

*** Bài báo khoa học, tạp chí**

Ngay sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO (2006), Viện Khoa học xét xử của Tòa án nhân dân tối cao đã xuất bản tờ Thông tin khoa học xét xử số 5/2007 gồm các bài viết về các nội dung liên quan đến việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đối với các hành vi xâm phạm QSHTT như *Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ* [116, tr.1-07] của Thành Vĩnh, *Quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ* [109, tr.8-19] của tác giả Nguyễn Tùng, *Quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ* [77, tr.20-27] của tác giả Nguyễn Thụy Phương, *Yêu cầu của "TRIPS, "BTA" và vấn đề hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ* [54] của tác giả Chí Hiếu. Có rất nhiều nội dung trong các bài viết này liên quan đến việc xử lý hình sự đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Tuy công

trình được thực hiện đã gần 10 năm, ngay sau khi Luật SHTT ra đời, nhưng các nội dung nghiên cứu trong tờ Thông tin này vẫn có giá trị tham khảo trong việc hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHTT đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hình sự ở Việt Nam.

Trong trao đổi *Một vài suy nghĩ về khái niệm hàng giả trong bối cảnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam* tác giả Nguyễn Thị Quế Anh [3, tr.44-53] đã phân tích khái niệm hàng giả theo pháp luật hiện hành và chỉ ra sự khác biệt và mối tương quan giữa một số khái niệm về hàng giả trong các văn bản pháp luật khác nhau trong đó tác giả tập trung vào phân tích mối tương quan giữa hàng giả và hàng xâm phạm QSHTT từ đó chỉ ra những bất cập của các quy định pháp luật hiện hành về xác định căn cứ áp dụng pháp luật nhằm xử lý các hành vi làm hàng giả khác nhau và sự cần thiết phải hoàn thiện khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam. Trong một nghiên cứu khác *Hiệp định TRIPS: Những tác động tới quy định về tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong Bộ luật Hình sự 1999* tác giả Nguyễn Thị Quế Anh [2, tr.1-11] đã phân tích các yêu cầu liên quan đến nghĩa vụ bảo vệ quyền SHTT bằng biện pháp hình sự trong Hiệp định TRIPS để từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về tội phạm liên quan đến quyền SHTT trong Bộ luật Hình sự 1999. Bài viết *Thực trạng bảo vệ quyền bằng biện pháp hành chính và giải pháp hoàn thiện pháp luật sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu* [79] của tác giả Nguyễn Xuân Quang đã thông qua phân tích thực trạng áp dụng các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN để chỉ ra nguyên nhân của tình hình xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ngày càng gia tăng là do những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật như quy định về đối tượng là nhãn hiệu bị giả mạo khó xác định, mức phạt vi phạm hành chính chưa đủ sức răn đe từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hành chính trong bảo vệ nhãn hiệu như tăng mức tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với xâm phạm QSHTT, bỏ quy định xử phạt cảnh cáo, yêu cầu minh bạch thông tin trong quá trình xử phạt. Những nghiên cứu này đều cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn hữu ích, gợi mở cho tác giả hướng nghiên cứu để tiếp tục phát triển và đề xuất những giải pháp phù hợp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Cuốn sách *Lợi ích kinh tế - xã hội của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển* (*Socio-economic benefits of intellectual property protection in developing countries*) của tác giả Shahid Alikhan, Phó Tổng Giám đốc Tổ chức SHTT thế giới [130]. Tác giả đã dành hẳn chương 10 trong tổng số 12 chương của cuốn sách để bàn về việc tầm quan trọng và làm thế nào để thực thi có hiệu quả quyền SHTT góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Theo quan điểm của tác giả, pháp luật về quyền SHTT cần thường xuyên được cập nhật và hoàn thiện để theo kịp sự phát triển quan hệ quốc tế và sự xuất hiện của công nghệ mới; sự bảo hộ mạnh mẽ đối với SHTT bằng pháp luật đầy đủ và hiện đại cũng như việc thực thi có hiệu quả pháp luật là tối quan trọng để đảm bảo tăng trưởng kinh tế; đóng góp quan trọng nhất mà các chính phủ có thể thực hiện được đối với việc nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT là quy định phương thức thực thi các quyền đó một cách nhanh chóng và ít tốn kém. Cuốn sách này có giá trị tham khảo cao trong việc hình thành lý luận về hoàn thiện pháp luật SHTT nói chung, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng.

- Sách chuyên khảo *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ* (*Enforcement of Intellectual Property rights*) của do Christoph Antons chủ biên [121]. Đây là công trình tập hợp một số nghiên cứu so sánh của nhiều tác giả về thực thi QSHTT ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Có thể nói công trình này nghiên cứu khá toàn diện các vấn đề pháp lý liên quan đến xử lý xâm phạm QSHTT nói chung ở bình diện pháp luật quốc tế như việc thực thi QSHTT ở châu Á sau Hiệp định TRIPS, những đổi mới trong thực thi QSHTT ở những nước công nghiệp phát triển và ảnh hưởng của nó tới các hiệp định thương mại tự do cũng như ở bình diện pháp luật quốc gia cụ thể là pháp luật về thực thi QSHTT ở một số nước trong khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc, Sing-ga-po, Phi-lip-pin, In-do-ne-si-a và Việt Nam. Các vấn đề được luận giải, phân tích trong công trình này có giá trị tham khảo cao cho luận án trong quá trình đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xử lý xâm phạm QSHCN nhãn hiệu đảm bảo không đi ngược với xu thế phát triển chung của thế giới nhưng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam.

- Sách chuyên khảo *Các quan điểm quốc tế về thực thi quyền sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Enforcement International Perspectives)* của hai tác giả Xuan Li và Carlos M. Correa biên soạn cùng tập thể tác giả [134]. Theo các tác giả, hiện nay có sự thay đổi trên toàn cầu trong xu hướng thiết lập ra các tiêu chuẩn bảo hộ QSHTT. Các nước phát triển có xu hướng xây dựng những tiêu chuẩn thực thi QSHTT cao, khắt khe hơn các tiêu chuẩn tối thiểu quy định trong TRIPS mà thường được gọi là TRIPS cộng. Vì thế trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thực thi QSHTT nói chung và QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng cần phải tính đến xu hướng này. Cuốn sách này có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi xác định quan điểm hoàn thiện hoàn thiện pháp luật về thủ tục xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

- *Tài liệu hướng dẫn thực thi quyền sở hữu trí tuệ (Guidebook of enforcement of intellectual property)* của Giáo sư Michael Blakeney thuộc Viện nghiên cứu SHTT Queen Mary [125]. Đây là cuốn sách được xuất bản với mục đích hỗ trợ các nước đang và kém phát triển trong nỗ lực thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định TRIPS. Các hoạt động thực thi quyền từ điều tra cho tới việc xử lý hành chính và tư pháp được tác giả đề cập cụ thể và đưa ra những hướng dẫn nhằm đảm bảo việc thực thi đạt được hiệu quả và bảo hộ tốt nhất cho các đối tượng SHTT. Công trình có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh khi đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

- Báo cáo nghiên cứu số 2007-03 *Xâm phạm gián tiếp nhìn từ góc độ luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Indirect infringement from a tort law perspective)* của tác giả Charles W. Adams thực hiện tại Khoa Luật Đại học Tulsa [120]. Trên cơ sở nghiên cứu nguyên tắc quy trách nhiệm pháp lý ngoài hợp đồng rằng trách nhiệm pháp lý sẽ bị quy cho người giúp sức hoặc người xúi giục - những người hỗ trợ hoặc khuyến khích - người khác thực hiện hành vi xâm phạm với điều kiện là người hỗ trợ hoặc giúp sức thực sự biết hành động của người khác đó là sai, tác giả đối chiếu với những trường hợp xâm phạm gián tiếp sáng chế, bản quyền và nhãn hiệu để đưa ra nhận định: mặc dù trách nhiệm pháp lý đối với hành vi gián tiếp xâm phạm quyền SHTT được phát triển bắt nguồn từ các nguyên tắc chịu trách nhiệm pháp lý ngoài hợp đồng nhưng thực tiễn áp

dụng cần cân nhắc đến đặc thù của xâm phạm quyền SHTT. Nghiên cứu sinh có thể tham khảo công trình này cho nội dung đề xuất liên quan đến xác định hành vi xâm phạm gián tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu những công trình khoa học đã được công bố ở trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra một số nhận xét:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trong hai nhóm đầu tiên là công trình liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về SHTT và công trình liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về thực thi QSHTT, QSHCN đều nghiên cứu hoạt động xử lý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong một tổng thể chung của hoạt động bảo hộ quyền SHTT từ xác lập quyền đến thực thi quyền, khai thác và phát triển quyền trong đó pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận cấu thành các thể chế pháp luật nói trên đồng thời là một nội dung cần được hoàn thiện để đảm bảo cho hệ thống pháp luật về SHTT toàn diện, thống nhất, khả thi, đầy đủ và hiệu quả. Do phạm vi nghiên cứu rộng nên nội dung về pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chỉ được nghiên cứu một cách khái quát trong tổng thể pháp luật xử lý xâm phạm quyền SHCN nói chung, các kiến nghị đưa ra mang tính định hướng mà chưa đi sâu nghiên cứu được các vấn đề liên quan đến đối tượng QSHCN cụ thể là nhãn hiệu. Tuy vậy, các công trình đều có giá trị tham khảo tốt, gợi mở cho nghiên cứu sinh những vấn đề lý luận về hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong tổng thể chung của hoạt động hoàn thiện pháp luật SHTT, SHCN.

Thứ hai, nhóm thứ ba - các công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu - là có nội dung gần gũi nhất với đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, các công trình chỉ tập trung nghiên cứu những hợp phần riêng rẽ của pháp luật xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu hoặc nghiên cứu pháp luật và hoạt động xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN nói chung hoặc nghiên cứu mang tính gợi mở vấn đề, do vậy các kiến nghị hoàn thiện pháp luật đưa ra trong nhóm công trình

này chỉ liên quan đến một số nội dung riêng rẽ của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hoặc có ý nghĩa gợi mở để nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu chi tiết và toàn diện hơn. Có nghiên cứu nhằm đến mục tiêu tương tự như đề tài luận án nhưng được tiếp cận từ góc độ pháp luật kinh tế và vẫn còn những khoảng trống chưa được khai thác như xác định thế nào là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, thế nào là sử dụng nhãn hiệu để bị coi là xâm phạm QSHCN của một nhãn hiệu khác, quyền lợi của người tiêu dùng phải được bảo vệ thế nào, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần chuyển dịch theo xu hướng nào để phù hợp với bản chất của quan hệ pháp luật mà nó điều chỉnh, phù hợp với thực tiễn cuộc sống và năng lực của cơ quan có thẩm quyền, cần hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để tuân thủ các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập...

Thứ ba, phần tài liệu khoa học nước ngoài là những nghiên cứu tổng quan về vai trò của pháp luật thực thi QSHTT đối với hệ thống pháp luật SHTT nói chung và sự phát triển kinh tế - xã hội, xu hướng phát triển của pháp luật thực thi QSHTT trong tương lai hoặc những bộ phận nhỏ của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Các nghiên cứu này có giá trị tham khảo cho luận án trong quá trình nghiên cứu lý luận về pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHTT góp phần hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ tư, qua phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy những công trình đã công bố ở trên có những đóng góp quan trọng ở những khía cạnh nhất định, trong những giai đoạn lịch sử nhất định, trong việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu, là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích để nghiên cứu sinh kết thừa có chọn lọc và phát triển trong nghiên cứu của mình. Các công trình này hầu hết đều có nội dung đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền SHTT (trong đó có nhãn hiệu).

Qua các công trình nghiên cứu đã biết, có thể thấy, nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một đề tài còn mới. Mặc dù đã có công trình khoa học bậc tiến sĩ luật kinh tế

nghiên cứu về xử lý vi phạm nhãn hiệu nhưng luận án này vẫn còn để ngỏ nhiều khoảng trống cần nghiên cứu tiếp. Các nghiên cứu liên quan khác nếu có đều chỉ nghiên cứu những khía cạnh, yếu tố của quá trình xử lý hành vi xâm phạm quyền; một hoặc một số biện pháp bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu hoặc là những nghiên cứu đảm bảo thực thi chung quyền SHTT hoặc SHCN thực hiện ở dạng luận án, luận văn thạc sĩ, khoá luận tốt nghiệp hoặc bài nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành... Các kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong các nghiên cứu này chủ yếu riêng rẽ cho từng vấn đề hoặc chỉ mang tính định hướng, chưa mang tính tổng thể.

Hơn nữa, các nghiên cứu còn thiếu vắng các công trình mang tính lý luận về pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHTT, có thể nói đây là một trong những nguyên nhân làm cho pháp luật về xử lý xâm phạm QSHTT thiếu hệ thống lý luận vững chắc làm cơ sở cho hoạt động hoàn thiện pháp luật về xử lý xâm phạm QSHTT.

Thêm vào đó, một phần các công trình được thực hiện ngay sau khi LSHTT ra đời năm 2006, các công trình khác tuy có được thực hiện trong thời gian gần với thời gian thực hiện luận án này hơn nhưng vẫn chưa cập nhật những điều ước quốc tế mà Việt Nam mới tham gia gần đây có chứa đựng những cam kết của Việt Nam trong thực thi QSHTT.

Từ thực tế trên đặt ra yêu cầu cần phải có thêm nhiều công trình nghiên cứu về pháp luật thực thi QSHTT đặc biệt là nghiên cứu về mặt lý luận để đưa ra những quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHTT nói chung, QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam, đáp ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Kết quả của các công trình nghiên cứu có trước đã gợi mở, cung cấp thông tin, hướng tiếp cận, nghiên cứu cho nhiều nội dung của luận án. Tuy nhiên, vấn đề hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu chưa được nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện và cụ thể trong các công trình nghiên cứu có trước. Mặt khác, nhiều công trình đã được thực hiện trước khi luật SHTT ra đời năm 2005, nhiều văn bản pháp luật có liên quan được ban hành thậm chí đã được sửa đổi từ thời điểm đó đến nay, hơn nữa Việt Nam mới ký kết nhiều FTA có chứa đựng những cam kết ảnh hưởng lớn đến hệ thống

pháp luật Việt Nam trong đó có pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Vì lẽ đó, từ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án *"Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam"*, tác giả xác định việc nghiên cứu đề tài luận án là rất cần thiết. Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả xây dựng một số giả thuyết nghiên cứu như sau:

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ hoàn thiện nếu chứa đựng các quy phạm pháp luật xử lý đúng và hiệu quả đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; bảo vệ thỏa đáng quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể quyền đối với nhãn hiệu; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền, người tiêu dùng, xã hội, bên thực hiện hành vi bị cho là xâm phạm quyền; đảm bảo trật tự kinh doanh lành mạnh; khuyến khích, thu hút đầu tư; phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tuân thủ các cam kết quốc tế. Để thực hiện được những nội dung nêu trên thì việc cần thiết phải xác định đúng những hành vi bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, những hành vi được loại trừ, không bị coi là xâm phạm; trả quan hệ pháp luật QSHCN đối với nhãn hiệu về đúng với bản chất là quan hệ pháp luật dân sự; nghiên cứu những cam kết quốc tế mà Việt Nam có tham gia có quy định về việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài.

- Để pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hoàn thiện thì pháp luật phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, ổn định, khả thi, minh bạch, đơn giản, ít tốn kém và phù hợp với pháp luật quốc tế.

- Để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì trong phương hướng, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước phải thể hiện rõ quan điểm về sự thừa nhận và bảo hộ tài sản trí tuệ nói chung, bảo hộ nhãn hiệu nói riêng; chỉ khi các cơ quan nhà nước đủ nguồn lực (năng lực và nhân lực), người dân trong xã hội có ý thức tuân thủ và bảo vệ pháp luật, xã hội phát triển tới một trình độ nhất định với một điều kiện kinh tế tương xứng thì pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu mới đạt được sự hoàn thiện.

Để chứng minh cho những giả thuyết nêu trên, những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển được xác định như sau:

Về mặt lý luận, các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ gồm:

- Khái niệm, đặc điểm, nội dung điều chỉnh và vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu;

- Đề xuất các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện và các điều kiện bảo đảm cho sự hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu;

- Phân tích các cam kết liên quan đến việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong các điều ước quốc tế Việt Nam mới ký kết hoặc tham gia;

- Nghiên cứu, tham khảo pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của một số nước trên thế giới để rút ra những giá trị tham khảo hữu ích phục vụ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Trên cơ sở các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ, luận án sẽ phải trả lời những câu hỏi sau:

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là gì, có đặc điểm, nội dung, vai trò như thế nào?

- Tiêu chí hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là gì?

- Các điều kiện bảo đảm cho việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là gì?

- Các cam kết quốc tế của Việt Nam về vấn đề xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như thế nào? Có thể tham khảo được những gì từ kinh nghiệm lập pháp của các nước trong xử lý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu?

Về mặt thực tiễn, các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ gồm:

- Phân tích, đánh giá toàn diện, có hệ thống quá trình hình thành, phát triển của pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu;

- Phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở nước ta hiện nay và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế đó;

Kết quả nghiên cứu các vấn đề nêu trên nhằm trả lời các câu hỏi:

- Quá trình phát triển của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể hiện sự hoàn thiện như thế nào?

- Những ưu điểm, bất cập của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là gì và nguyên nhân của những bất cập của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của Việt Nam?

Về quan điểm, giải pháp

Luận án cần nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo hộ QSHTT, bảo vệ người tiêu dùng để dựa vào đó làm cơ sở cho việc đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích toàn diện những vấn đề lý luận trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo hộ QSHTT, bảo vệ người tiêu dùng, thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu, tham khảo có chọn lọc pháp luật nước ngoài, đối chiếu với các quy định của các điều ước quốc tế có liên quan, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường kinh doanh lành mạnh, góp phần thu hút đầu tư và đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả các cam kết quốc tế, thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Luận án sẽ trả lời các câu hỏi:

- Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ hài hoà lợi ích của chủ thể QSHTT, người tiêu dùng và xã hội, quan điểm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam là gì?

- Các giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam là gì?

Kết luận Chương 1

Trong Chương 1 luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án "*Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam*" ở ba cấp độ: pháp luật về xử lý hành

vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong các công trình nghiên cứu tổng thể pháp luật và hoàn thiện pháp luật về SHTT; pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong các công trình nghiên cứu về pháp luật và hoàn thiện pháp luật về thực thi QSHTT, QSHCN; các công trình nghiên cứu trực tiếp về pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Có thể thấy, hiện nay, có một số công trình khoa học, bài viết nghiên cứu vấn đề hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đa phần các công trình liên quan mới chỉ đề cập đến những vấn đề chung và khái quát về hoàn thiện pháp luật SHTT, pháp luật về thực thi QSHTT, QSHCN nói chung hoặc nghiên cứu những khía cạnh khác nhau của pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như xử lý phạm bằng biện pháp dân sự, hành chính, hình sự. Trong khoa học pháp lý còn thiếu vắng các công trình mang tính lý luận về hoàn thiện pháp luật trong xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Có những nội dung cần được nghiên cứu, làm sáng tỏ nhưng chưa được đề cập trong các công trình nghiên cứu trước đó như: khái niệm, đặc điểm, nội dung và của pháp luật xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; đặc điểm, nội dung, ý nghĩa, tiêu chí và nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; quyền lợi của người tiêu dùng khi bị thiệt hại bởi hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; hệ thống hỗ trợ cho hoạt động xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu... Đây là một số khoảng trống và đang đặt ra yêu cầu cần phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu và làm rõ trong quá trình nghiên cứu vấn đề hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Qua đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu, có thể nói, đề tài "*Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam*" là công trình nghiên cứu đầu tiên một cách toàn diện, có hệ thống cả về lý luận và thực tiễn để đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, NỘI DUNG, VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.1.1.1. Khái niệm xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong xã hội hiện đại ngày nay, tài sản vô hình đang ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong khối tài sản chung của mỗi doanh nghiệp và của cả nền kinh tế quốc dân. "Đối với doanh nghiệp, giá trị tài sản hữu hình của họ có thể rất ít, nhưng tài sản vô hình của họ (ví dụ danh tiếng của nhãn hiệu và/hoặc quyền sở hữu độc quyền các công nghệ quan trọng, các kiểu dáng hấp dẫn) - những nhân tố chính cho thành công của họ - lại có giá trị rất cao" [65]. Tài sản vô hình tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau mà QSHTT là một dạng trong số đó. Cần phải nhấn mạnh rằng QSHTT không bao gồm tất cả mọi tài sản vô hình mà chỉ gồm những loại là yếu tố để phân biệt các đối thủ cạnh tranh với nhau mà thôi [127]. QSHTT chủ yếu bao gồm hai nhánh, một nhánh là QSHCN (bao gồm có sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu...) và nhánh kia là quyền tác giả [94, tr.10-11]. QSHTT được ghi nhận là một loại quyền tài sản được pháp luật bảo vệ [91, Điều 181]. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau [84] và thuộc nhánh QSHCN. Trong các loại QSHCN, do bản chất "vô hình và đặc tính thông tin" [25] của nhãn hiệu cũng như đặc tính luôn gắn liền chặt chẽ với uy tín của doanh nghiệp và từ đó gắn với cơ hội chiếm lĩnh thị trường nên nhãn hiệu thường là đối tượng bị xâm phạm và dễ bị xâm phạm [49, tr.43-49]. Việc sao chép hoặc lấy nhãn hiệu của người khác đã đạt được uy tín, danh tiếng nhất định trên thị trường để sử dụng cho hàng hoá, dịch vụ của mình đưa vào lưu thông là hiện tượng không hiếm gặp trong thực tiễn kinh doanh. Những hành vi như vậy đã xâm phạm tới QSHCN đối với nhãn hiệu của chủ thể quyền được pháp luật bảo vệ.

Xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một dạng vi phạm pháp luật đối với tài sản vô hình là nhãn hiệu. Mang đặc trưng giống như các vi phạm pháp luật nói chung, xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hiện tượng xã hội, tệ nạn trong xã hội, là những hành vi phản ứng tiêu cực của một số cá nhân hoặc tổ chức đi ngược lại với ý chí của nhà nước được quy định trong pháp luật. Những hành vi có tính chất tiêu cực đó luôn gây hại cho nhà nước, xã hội và nhân dân, do vậy chúng luôn bị nhà nước, xã hội và nhân dân lên án, đấu tranh đòi hỏi phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội [107, tr.105]. Xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải bị xử lý để bảo đảm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu, bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ lợi ích của toàn xã hội.

Như vậy, có thể hiểu *xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là việc chủ thể không phải là người nắm giữ quyền thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật xâm hại đến quan hệ pháp luật về QSHCN đối với nhãn hiệu được pháp luật SHTT xác lập và bảo vệ.*

Từ đó có thể đưa ra khái niệm, *hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hành vi vi phạm pháp luật biểu hiện qua xử sự trái pháp luật của chủ thể hình thành trên cơ sở nhận thức, được thể hiện trên thực tế dưới dạng hành động xâm hại đến quan hệ pháp luật về QSHCN đối với nhãn hiệu được pháp luật SHTT xác lập và bảo vệ.*

Định nghĩa một cách cụ thể thì *hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hành vi của người thứ ba không phải chủ sở hữu nhãn hiệu (hoặc người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép) sử dụng một dấu hiệu cho hàng hoá, dịch vụ theo cách thức xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của chủ sở hữu nhãn hiệu đang được nhà nước thừa nhận và bảo vệ.*

Hành vi xâm phạm QSHCN chính là căn cứ thực tế để tiến hành truy cứu trách nhiệm pháp lý. Điều này có nghĩa, xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hoạt động này được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quy định thế nào là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền xác định tính chất và mức

độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, những thiệt hại thực tế (nếu có) xảy ra do tác động của hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, ý chí của chủ sở hữu nhãn hiệu trong việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu từ đó lựa chọn hình thức và biện pháp xử lý phù hợp. Hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thực chất là hoạt động áp dụng các biện pháp chế tài đã được quy định trong pháp luật của các cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Đây chính là việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hoạt động này thể hiện ở việc các cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền theo trình tự, thủ tục luật định tiến hành các hoạt động cần thiết để yêu cầu chủ thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý giải thích rõ về hành vi của mình và buộc chủ thể vi phạm phải gánh chịu hậu quả bất lợi (về nhân thân, về tài sản, về tự do...) đã được quy định trong các quy phạm pháp luật [107, tr.217]. Căn cứ thực tiễn để xử lý chính là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Như vậy, có thể xây dựng khái niệm xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như sau: *xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền, mang tính cưỡng chế và thể hiện quyền lực nhà nước, nhằm ngăn chặn và truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng những hình thức, biện pháp khác nhau và tổ chức thi hành việc ngăn chặn và truy cứu trách nhiệm hành vi xâm phạm QSHCN đó theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.*

2.1.1.2. Khái niệm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Sử dụng nhãn hiệu là một nhu cầu khách quan để tạo điều kiện cho các nhà sản xuất, kinh doanh cá biệt hóa sản phẩm, dịch vụ của mình, đồng thời nhãn hiệu cũng giúp người tiêu dùng có định hướng khi chọn lựa sản phẩm, dịch vụ phù hợp. "Để người tiêu dùng có thể dùng để phân biệt một sản phẩm, nhãn hiệu

phải chỉ ra được nguồn gốc của hàng hóa" [133, tr.68]. Do đó không thể tồn tại cùng lúc những nhãn hiệu của các chủ thể khác nhau trùng hoặc tương tự nhau sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau hoặc tương tự với nhau hoặc việc sử dụng một dấu hiệu của một chủ thể bất kỳ có thể khiến chủ sở hữu nhãn hiệu bị suy giảm danh tiếng hoặc người tiêu dùng bị định hướng sai về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ. Để đảm bảo được điều này cần có một cơ chế nhất định đảm bảo chức năng phân biệt của nhãn hiệu, chống lại các hành vi gây nhầm lẫn hoặc có nguy cơ gây nhầm lẫn như hành vi sao chép, giả mạo nhãn hiệu. Xuất phát từ vai trò quan trọng của QSHCN đối với nhãn hiệu đối với hoạt động thương mại và buôn bán nên các quốc gia đều xây dựng nên các quy định pháp luật làm cơ sở pháp lý để bảo vệ loại tài sản này.

Do tính vô hình đặc thù của tài sản nhãn hiệu nên QSHCN đối với nhãn hiệu được pháp luật quy định cụ thể bằng một số những quyền nhất định cho chủ thể quyền, phạm vi bảo hộ tương ứng với các quyền đó và cũng có những quy định cụ thể về những hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và các biện pháp xử lý tương ứng. Tuy nhiên, có hành vi được coi là hợp pháp ở quốc gia này nhưng lại là bất hợp pháp ở các quốc gia khác bởi mức độ phân hoá pháp luật của các quốc gia khác nhau là khác nhau [78, tr.36-42].

Khi một chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tức là chủ thể này đã chọn cách xử sự trái với ý chí của nhà nước thể hiện trong quy phạm pháp luật thì chủ thể phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình tức là phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là căn cứ thực tế để tiến hành truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi đó. Điều này có nghĩa, xử lý hành vi xâm phạm QSHCN nhãn hiệu chính là việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hoạt động này được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quy định thế nào là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền xác định tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, những thiệt hại

thực tế xảy ra do tác động của hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, ý chí của chủ sở hữu nhãn hiệu trong việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu từ đó lựa chọn hình thức và biện pháp xử lý phù hợp. Hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Hành vi xâm phạm QSHCN có thể bị xử lý bằng những biện pháp khác nhau là biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự. Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được quy định bởi các quy phạm pháp luật khác nhau thuộc các ngành luật tương ứng. Để bảo vệ các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực QSHCN đối với nhãn hiệu là không chỉ các quy phạm pháp luật SHTT mà còn là các quy phạm pháp luật nội dung và thủ tục của ngành luật dân sự, hành chính, hình sự. Việc xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải xem xét và áp dụng tổng hợp quy phạm pháp luật của nhiều chuyên ngành luật khác nhau. Tổng thể các quy phạm pháp luật đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, thống nhất điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tạo ra một trật tự pháp luật thống nhất đảm bảo lợi ích của chủ thể QSHCN đối với nhãn hiệu, người tiêu dùng và toàn xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, có thể rút ra khái niệm *pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình phát hiện, ngăn chặn và truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.*

2.1.1.3. Đặc điểm của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận của hệ thống pháp luật nói chung nên cũng có đầy đủ những dấu hiệu (đặc điểm) của hệ thống pháp luật nói chung là mang tính quyền lực nhà nước, tính bắt buộc chung, tính quy phạm phổ biến, tính hệ thống và tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. Ngoài ra, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có một số những đặc điểm (dấu hiệu) đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, hệ thống quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phản ánh tính đặc thù trong tổ chức và thực hiện xử lý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Các quan hệ xã hội trong lĩnh vực xử lý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu rất đa dạng và phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, vừa mang tính hành chính, vừa mang tính tố tụng. Tính hành chính thể hiện ở chỗ, việc tiến hành xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một trong các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến vấn đề SHCN của nhiều cơ quan hành chính có liên quan như cơ quan thanh tra khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan hải quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tỉnh. Tính tố tụng thể hiện ở chỗ, hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục nhất định bởi các cơ quan tố tụng có thẩm quyền thể hiện trong việc điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời... với sự tham gia của hệ thống toà án, cơ quan công an cũng như hệ thống các cơ quan thực hiện việc hỗ trợ hoạt động tư pháp. Hơn nữa, do đặc thù của vi phạm pháp luật QSHCN đối với nhãn hiệu, đối tượng, chủ thể được pháp luật bảo vệ mà các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ có những đặc thù riêng. Do vậy, có thể thấy hệ thống các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu khi bao quát hết toàn bộ các nội dung của hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì cũng phản ánh sự đặc thù trong tổ chức và thực hiện xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Thứ hai, nội dung và hình thức của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu rất đa dạng và phong phú, nằm trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các chuyên ngành khác nhau và ở những thứ bậc khác nhau nên tính ổn định không cao, dễ có tình trạng không thống nhất.

Xuất phát từ việc hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể diễn ra ở tất cả các giai đoạn của quá trình kinh doanh từ sản xuất, lưu thông đến mua bán, tiêu dùng; hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không chỉ gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu mà còn ảnh hưởng xấu tới người tiêu dùng và trật tự quản lý của nhà nước; các chủ thể có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm

QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như tham gia hỗ trợ hoạt động xử lý xâm phạm rất đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ có những biện pháp xử lý tương ứng nên hệ thống quy phạm pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu rất đa dạng, phong phú, thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như pháp luật SHTT, pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính, pháp luật thương mại, pháp luật hải quan, pháp luật bảo vệ người tiêu dùng...

Cùng chung lý do khiến nội dung của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đa dạng, phong phú thì hình thức của hệ thống quy phạm pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng rất đa dạng. Các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không chỉ nằm trong các văn bản luật mà còn ở trong các văn bản dưới luật thuộc nhiều ngành luật khác nhau, văn bản liên tịch hay trong các quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan có thẩm quyền.

Bởi lý do các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể nằm trong các văn bản luật thuộc các ngành luật khác nhau, ở những thứ bậc khác nhau nên rất dễ xảy ra tình trạng không thống nhất và không ổn định. Có thể lấy ví dụ: Nghị định số 97/2010/NĐ-CP [20] về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN quy định về các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN nhưng tất cả các nội dung của Nghị định này đều phải tuân thủ quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi năm 2008 [110; 111]. Khi Pháp lệnh này bị thay thế bởi Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 [87] thì Chính phủ đã phải ban hành Nghị định số 99/2013/NĐ-CP [22] để thay thế cho Nghị định số 97 mà một trong những lý do dẫn tới việc thay thế này là để đảm bảo sự phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Thứ ba, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vừa là một bộ phận của pháp luật SHTT vừa là một bộ phận của pháp luật chuyên ngành có liên quan khác

Hệ thống quy phạm pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong tổ chức và thực hiện xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Pháp luật SHTT có điểm đặc thù là vừa chứa đựng những quy phạm nội dung, vừa chứa đựng những quy phạm thủ tục. Những vấn đề đặc thù trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, hành vi không bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, chủ thể QSHCN đối với nhãn hiệu, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, nguyên tắc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền, căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền, việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, giám định QSHCN đối với nhãn hiệu... được quy định trong Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn. Những vấn đề khác liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không được quy định trong pháp luật SHTT thì nằm trong các văn bản pháp luật chuyên ngành như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật tố tụng dân sự, luật hải quan, luật thương mại, luật xử lý vi phạm hành chính... và các văn bản hướng dẫn ví dụ như xác định tội phạm xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm pháp luật nói chung. Như vậy, có thể thấy, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là một bộ phận của pháp luật SHTT và các pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Thứ tư, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu, người tiêu dùng, Nhà nước và toàn xã hội

Bản chất của hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là việc áp dụng các biện pháp chế tài đối với những chủ thể xâm phạm quyền SHCN của chủ nhãn hiệu. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phía trên, một trong những chức năng cơ bản của nhãn hiệu là giúp người tiêu dùng xác định nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ cũng như lựa chọn được đúng sản phẩm, dịch vụ họ mong muốn nên khi một chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu họ không những xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu mà đã xâm phạm đến quyền lợi của người tiêu dùng. Hơn nữa, các hành vi xâm phạm

QSHCN đối với nhãn hiệu còn ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh do việc những chủ thể kinh doanh chân chính bị người khác làm giả, bắt chước nhãn hiệu mình đã dày công tạo dựng uy tín từ đó các nhà đầu tư mất niềm tin vào môi trường kinh doanh. Tác giả Lê Nét [72] đã nhận định việc thực thi QSHTT phải thoả mãn lợi ích của bốn chủ thể là người tiêu dùng (không bị nhầm lẫn giữa hàng thật và hàng giả), chủ sở hữu đối tượng SHTT (bảo vệ uy tín sản phẩm), các nhà sản xuất khác (được cạnh tranh bình đẳng) và Nhà nước (bảo đảm một hệ thống pháp luật công bằng và hiệu quả). Các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu luôn được xây dựng sao cho đảm bảo sự hài hoà lợi ích của các chủ thể nêu trên. Chính bởi những lý do đó, có thể nói pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vừa một mặt trực tiếp bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu nhãn hiệu nhưng mặt khác đồng thời gián tiếp bảo vệ được quyền lợi của người tiêu dùng và toàn xã hội.

Thứ năm, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có mức độ hội nhập quốc tế rất cao

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận của pháp luật SHTT do vậy cũng có đặc trưng của pháp luật SHTT. Lĩnh vực SHTT là một trong những lĩnh vực Việt Nam có sự hội nhập cao với quốc tế. Việt Nam đã ký kết, gia nhập nhiều điều ước song phương và đa phương về SHTT. Rất nhiều những hiệp định thương mại thế hệ mới gần đây Việt Nam ký kết như Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)... trong nội dung đều không thể thiếu phần đề cập đến các vấn đề SHTT, trong đó yêu cầu về thực thi hiệu quả quyền SHTT luôn được quy định ở tiêu chuẩn rất cao, chiếm vị trí quan trọng. Hiện nay, hệ thống SHTT của Việt Nam đã vượt chuẩn mực phổ cập của thế giới, mà không chỉ đạt chuẩn tối thiểu của WTO (theo quy định của TRIPS) [33], có thể sánh với các nước tiên tiến trong khu vực [32]. Đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả các cam kết quốc tế trong lĩnh vực SHTT hoặc liên quan đến lĩnh vực SHTT chính là yêu cầu bắt buộc đối với các thành viên tham gia các ĐUQT điều đó cũng đồng nghĩa với việc pháp luật SHTT nói chung và pháp luật về xử lý

hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng phải được quy định phù hợp với các cam kết quốc tế. Điều đó khiến cho pháp luật SHTT nói chung và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng có đặc điểm nổi bật là có tính hội nhập quốc tế cao.

2.1.2. Nội dung pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong quá trình tiến hành xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Có thể chia nội dung điều chỉnh của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thành các nhóm sau:

Một là, nhóm các quy phạm pháp luật xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những trường hợp ngoại lệ.

Khi xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vấn đề quan trọng cốt yếu là phải xác định được hành vi xâm phạm nhãn hiệu. Để tiến hành xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì các chủ thể có thẩm quyền xử lý xâm phạm phải căn cứ vào phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu bị xâm phạm, dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm để so sánh, đánh giá mức độ tương tự gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu và dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm, giữa hàng hoá, dịch vụ mang dấu hiệu đang xem xét với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu được bảo hộ. Nếu nhãn hiệu bị nghi ngờ xâm phạm là nhãn hiệu nổi tiếng thì phải xác định việc sử dụng của dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm có gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng hay không hoặc có nhằm lợi dụng uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu nổi tiếng hay không. Ngoài ra, chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm và mục đích, địa điểm thực hiện hành vi xâm phạm cũng là thông tin cần xem xét để xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Do vậy, nhóm quy phạm này xác định những dạng hành vi sử dụng dấu hiệu đang xem xét bị coi là xâm phạm quyền của một nhãn hiệu đang được bảo hộ, căn cứ xác định hành vi xâm phạm (đối tượng được bảo hộ, chủ thể thực hiện hành vi, địa điểm thực hiện hành vi). Ngoài ra, những trường hợp sử dụng dấu

hiệu nhưng không bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng được dự liệu cụ thể để loại trừ trách nhiệm pháp lý cho những chủ thể thực hiện những hành vi đó phù hợp với bản chất của nhãn hiệu cũng như đặc thù về giới hạn QSHTT đối với nhãn hiệu.

Công nghệ ngày càng phát triển thì khả năng bắt chước, làm giả nhãn hiệu càng cao. Đặc biệt sự phát triển của Internet, thương mại điện tử khiến cho đường như không còn ranh giới giữa các quốc gia, chính vì vậy các quy phạm pháp luật xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải bao quát được hết những hành vi sử dụng dấu hiệu phân biệt cho hàng hoá, dịch vụ có khả năng khiến chủ nhãn hiệu bị thiệt hại, người tiêu dùng bị nhầm lẫn, môi trường kinh doanh bị bóp méo, không đảm bảo được yếu tố cạnh tranh lành mạnh.

Hơn thế nữa, nhãn hiệu với tư cách là một dạng chỉ dẫn thương mại nhằm hướng dẫn hoạt động thương mại rất dễ có hiện tượng xung đột quyền với các chỉ dẫn thương mại khác như tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp... cũng được bảo hộ theo pháp luật SHTT hoặc tên miền, do đó, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải chứa đựng cả những quy phạm giải quyết mỗi xung đột này.

Hai là, nhóm các quy phạm pháp luật quy định của các chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào bị thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hoặc phát hiện ra hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội đều có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [84; 85]. Các chủ thể này rất đa dạng không chỉ giới hạn ở các chủ thể QSHCN (chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép) [LSHTT, Điều 121, Khoản 1 Điều 198], [NĐ 103, Điều 15], [NĐ 99, Khoản 1 Điều 22] mà còn cả người tiêu dùng bị thiệt hại bởi hành vi xâm phạm nhãn hiệu hoặc bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào phát hiện ra hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây thiệt hại cho xã hội [LSHTT, Khoản 2 Điều 198], [NĐ 99, Khoản 2 Điều 22], [Luật BVQL NTD, Khoản 6 Điều 8] [88]. Mặt khác, việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể được tiến hành bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy thuộc vào tính chất và mức độ xâm phạm nên nhóm quy phạm này xác định quyền và nghĩa

vụ của mỗi chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tương ứng với mỗi biện pháp xử lý xâm phạm.

Có thể thấy, các quy phạm pháp luật trong nhóm này luôn chịu sự điều chỉnh của pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Ví dụ, nếu hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được xử lý bằng biện pháp dân sự thì chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, quyền của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật này được quy định trong [LSHTT, Điều 121, 206, 208], [NĐ103, Điều 15] nhưng đồng thời với đó các quy định tương ứng trong Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 [92] cũng được áp dụng [BLTTDS, Điều 4, 5, 6, Điều 211-213].

Nhóm quy phạm này cần bao quát đầy đủ các chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể có liên quan, bảo vệ trật tự kinh doanh lành mạnh.

Ba là, nhóm các quy phạm pháp luật quy định biện pháp xử lý dân sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Quyền sở hữu trí tuệ là một quyền tư hữu [103], đối tượng bị hành vi xâm phạm xâm hại là QSHCN đối với nhãn hiệu nên thiệt hại trước tiên là các lợi ích kinh tế của chủ sở hữu nhãn hiệu, sau đó là thiệt hại về uy tín của chủ thể này, ngoài ra trong những trường hợp nhất định người tiêu dùng và xã hội cũng bị thiệt hại bởi hành vi xâm phạm gây ra, vì thế nên xu hướng chung của thế giới là luôn ưu tiên áp dụng biện pháp dân sự khi xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này quy định các biện pháp dân sự cụ thể được áp dụng để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. "Việc dân sự cốt ở đôi bên" là nguyên tắc cốt lõi của trong giải quyết việc dân sự được luật hoá tại Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015 "Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng" [92], do đó, các quy phạm pháp luật trong nhóm này cần phải đảm bảo quyền tự định đoạt của các bên đương sự, bảo vệ kịp thời và

đúng đắn quyền và lợi ích chính đáng của bên có quyền, khắc phục hoặc bù đắp được tình trạng ban đầu về tài sản và nhân thân cho chủ thể bị vi phạm.

Nhóm này bao gồm các quy phạm xác định các biện pháp dân sự có thể được áp dụng để xử lý đối tượng có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc xin lỗi, cải chính công khai, buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, buộc bồi thường thiệt hại, buộc xử lý hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [72, Điều 202], [18, Điều 29-32]; các nguyên tắc, căn cứ xác định thiệt hại, tổn thất về tài sản, giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại, quy định về giá trị hàng hoá xâm phạm làm cơ sở xác định mức phạt [72, Điều 204, 205], [18, Điều 16-20]; xác định giá trị hàng hoá xâm phạm [NĐ 105, Điều 28]; quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự [92, Điều 6, 91-210], [18, Điều 23-25]; các biện pháp khẩn cấp tạm thời và quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời [72, Điều 207, 208, 209], [92, Điều 111, 112, 123, 114]; thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm [72, Điều 210], [92, Điều 133-142]; trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tại toà án áp dụng trình tự chung giải quyết vụ án dân sự trong Bộ luật TTDS.

Ngoài ra, để đảm bảo đúng với bản chất dân sự của quan hệ pháp luật SHCN thì pháp luật phải đảm bảo phát huy quyền tự định đoạt của chủ thể quyền trong việc yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, hạn chế xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự. Chẳng hạn như pháp luật phải có các quy định để khuyến khích, tạo điều kiện nhiều hơn cho việc thực hiện xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được xử lý bằng biện pháp dân sự.

Yêu cầu đối với nhóm quy phạm pháp luật này là phải đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, đối với những vấn đề dù áp dụng biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nào (hành chính, hình sự hay dân sự) thì cũng phải xem xét đến như chứng cứ, cách thức xác định giá trị hàng hoá, dịch vụ xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để làm căn cứ xử lý hành vi xâm phạm thì các quy phạm quy định về những vấn đề này còn phải đảm bảo sự thống nhất giữa các quy định pháp luật của các ngành luật có liên quan với nhau.

Bốn là, nhóm quy phạm pháp luật quy định biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không chỉ trực tiếp gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người nắm giữ quyền mà còn có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều người khác cũng như tác động tiêu cực đến sự lành mạnh của môi trường kinh doanh do những thành quả đầu tư, danh tiếng, uy tín của chủ nhãn hiệu có thể bị chiếm đoạt hoặc lợi dụng một cách bất hợp pháp bởi người sử dụng nhãn hiệu giả mạo, phá vỡ trật tự quản lý của nhà nước. Các biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu với mục tiêu của trình tự hành chính là bảo vệ lợi ích của xã hội.

"Bản chất biện pháp hành chính là sử dụng sức mạnh quyền lực của các cơ quan hành chính (nằm trong hệ thống hành pháp) thông qua các quyết định hành chính và tổ chức thực hiện các quyết định hành chính đó để xử lý các vi phạm hành chính" [39] nên nếu như với biện pháp dân sự có thể áp dụng với bất kỳ hành vi nào xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì biện pháp hành chính chỉ được áp dụng trong những trường hợp hành vi đó theo quy định pháp luật phải bị xử lý hành chính.

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này bao gồm các quy phạm xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính [84, Điều 211], [18, Khoản 2 Điều 4, Điều 5, Điều 11]; hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả [84, Khoản 1, 2, 3 Điều 214], [22, Điều 3], [11, Điều 4] [11]; các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính [84, Điều 215]; cách xác định giá trị hàng hoá xâm phạm [22, Điều 28]; mức phạt và thủ tục xử phạt, thẩm quyền xử phạt, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hành chính, thẩm quyền của các cá nhân, tổ chức được áp dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính [84, Điều 214], [22, Điều 11, 12, 13, 15-28].

Do có nhiều chủ thể cùng có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính nên nhóm quy phạm này còn quy định cơ chế phối hợp giữa các chủ thể này để đảm bảo phát huy hiệu quả cao nhất công tác xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [22,

Điều 29]. Các quy phạm này cần được thể hiện cụ thể trong các văn bản pháp luật có giá trị cao để đảm bảo hiệu quả của hoạt động phối hợp tránh tình trạng chỉ quy định chung chung hoặc chỉ thể hiện dưới hình thức các Quy chế phối hợp hoạt động.

Các quy phạm xác định chủ thể có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và các quy phạm xác định cơ chế phối hợp giữa các chủ thể này có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau tạo thành một tổng thể nhằm xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vừa không có sự chồng chéo vừa không bỏ lọt hành vi xâm phạm.

Do bản chất của quan hệ pháp luật QSHCN đối với nhãn hiệu là quan hệ dân sự thuộc đối tượng điều chỉnh của ngành luật tư trong khi bản chất của biện pháp hành chính là sử dụng quyền lực nhà nước (quyền lực công) để điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của nó nên nhóm các quy phạm pháp luật quy định biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo sao cho tránh tình trạng "hành chính hoá" quan hệ dân sự.

Yêu cầu đặt ra đối với các quy phạm này là đảm bảo hình thức xử phạt phải tương xứng với tính chất và mức độ gây thiệt hại cho chủ thể quyền, người tiêu dùng và xã hội, vừa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, xã hội, vừa có tính răn đe, phòng ngừa xâm phạm, có sự phân biệt rõ ràng ranh giới giữa trường hợp bị áp dụng biện pháp hành chính và trường hợp bị áp dụng biện pháp hình sự...; phải phù hợp với các quy định về cùng nội dung trong các văn bản pháp luật của các ngành luật có liên quan.

Năm là, nhóm quy phạm pháp luật quy định biện pháp xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Trong trường hợp việc xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội thì việc áp dụng các chế tài hành chính không đủ để trừng phạt và răn đe người xâm phạm, Nhà nước thấy cần thiết phải sử dụng các chế tài nghiêm khắc hơn thì Nhà nước quy định các yếu tố cấu thành tội phạm này trong pháp luật hình sự. Trong cuộc chiến chống lại những hành vi xâm phạm có quy mô, gây thiệt hại đáng kể, biện pháp hình sự là một công cụ không thể thiếu [2].

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này bao gồm các quy phạm xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị truy cứu trách nhiệm hình sự, các hình phạt áp dụng với chủ thể có hành vi xâm phạm [70, Điều 156-158] [82], [82, Điều 171] [86], trình tự, thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chủ thể có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự .

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này cần thể hiện rõ chính sách của nhà nước trong việc xử lý hình sự hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Yêu cầu đặt ra đối với các quy phạm trong nhóm này là đảm bảo hình thức xử phạt phải tương xứng với tính chất và mức độ gây thiệt hại cho chủ thể quyền, người tiêu dùng và xã hội, vừa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, xã hội, vừa có tính răn đe, phòng ngừa xâm phạm, có sự phân biệt rõ ràng ranh giới giữa trường hợp bị áp dụng biện pháp hành chính và trường hợp bị áp dụng biện pháp hình sự.

Sáu là, nhóm quy phạm pháp luật quy định biện pháp kiểm soát biên giới đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Biện pháp kiểm soát biên giới đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một biện pháp đặc thù được thực hiện bởi cơ quan duy nhất là Cơ quan hải quan. Thực chất biện pháp kiểm soát biên giới chính là biện pháp hành chính. Tuy nhiên, do đặc thù việc áp dụng biện pháp này chỉ ở phạm vi khu vực biên giới đối với hàng hoá xuất nhập khẩu nên hiện nay biện pháp này được nhắc đến với tư cách là một biện pháp độc lập, tách biệt với biện pháp hành chính.

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này quy định các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến SHCN; chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến SHCN và nghĩa vụ của họ; các biện pháp kiểm soát hàng xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến SHCN [84, Điều 216-219,], [18, Điều 34-38], [22], [90, Điều 73-76], [13] .

Bảy là, nhóm các quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Thực tiễn cho thấy, đến nay pháp luật về SHTT và những hoạt động liên

quan đến SHTT vẫn còn là khá mới mẻ và tương đối phức tạp không chỉ đối với không ít cá nhân, tổ chức là chủ thể hoặc có khả năng trở thành chủ thể quyền SHTT hoặc là chủ thể có nguy cơ trở thành chủ thể xâm phạm quyền SHCN mà còn với cả những chủ thể có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Để hỗ trợ cho hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình đảm bảo xử lý xâm phạm kịp thời, chính xác, đúng pháp luật nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập những tổ chức hoặc cho phép các cá nhân thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp (luật sư, tư vấn pháp luật, giám định...). Do lĩnh vực SHTT là lĩnh vực đặc thù, hoạt động hỗ trợ tư pháp cho lĩnh vực này cũng có những đặc thù tương ứng, bởi thế nên mặc dù có Luật giám định tư pháp nhưng hoạt động giám định SHTT trong đó có nhãn hiệu lại được quy định riêng trong Luật SHTT. Nhóm quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu quy định về phạm vi quyền, trách nhiệm của đại diện SHCN, tiêu chuẩn, điều kiện để hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp; nội dung và lĩnh vực giám định SHTT [84, Điều 151-156, 201], thẩm quyền trung cầu giám định SHTT và quyền yêu cầu giám định SHTT, quyền và nghĩa vụ của người trung cầu giám định, người yêu cầu giám định và của tổ chức giám định SHTT, trình tự, thủ tục giám định, giá trị pháp lý của văn bản kết luận giám định, tiêu chuẩn, điều kiện để hành nghề giám định [18, Điều 39-53]; vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [88, Điều 27-29].

Yêu cầu đặt ra đối với nhóm quy phạm này là phải có càng nhiều hình thức hỗ trợ hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu càng tốt vì như thế sẽ đảm bảo hỗ trợ hiệu quả hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, bảo vệ được quyền và lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu, người tiêu dùng và toàn xã hội

Tóm lại, nhóm quy phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng trước hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không chỉ gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu mà còn gây thiệt hại cho người tiêu dùng khi họ chính là chủ thể bị nhận thông tin sai do hành vi xâm

phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu gây ra khiến họ mua phải hàng hoá, dịch vụ trái với mong muốn của họ thậm chí là hàng kém chất lượng.

Người tiêu dùng là tất cả các chủ thể sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong xã hội. Người tiêu dùng là nhóm kinh tế lớn nhất bị ảnh hưởng gần như bởi tất cả các quyết định công cũng như tư. Tuy nhiên, họ là nhóm quan trọng mà ý kiến của họ thường không được lắng nghe [51]. Ở nước ta hiện nay, tình trạng xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng đang có xu hướng mở rộng về phạm vi, gia tăng về số lượng và nghiêm trọng về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi [61, tr.27-30].

Khi có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu xảy ra thì thông thường mối quan hệ giữa chủ sở hữu nhãn hiệu, đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được pháp luật quan tâm điều chỉnh nhưng quyền lợi của người tiêu dùng - bên thứ ba trong mối quan hệ giữa chủ sở hữu nhãn hiệu và đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu - chưa được quan tâm bảo vệ phù hợp.

Các quy phạm pháp luật trong nhóm này cần phải quy định quyền của người tiêu dùng được yêu cầu bảo vệ và bồi thường thiệt hại (nếu có) khi bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; trình tự, thủ tục tiến hành việc yêu cầu xử lý người thực hiện hành vi xâm phạm, đòi bồi thường thiệt hại; các tổ chức có quyền đại diện cho người tiêu dùng khi tiến hành thủ tục bảo vệ quyền lợi.

2.1.3. Vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể chế hoá quan điểm của Đảng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Ở nước ta, tư tưởng về phát triển kinh tế thị trường trong xây dựng chủ nghĩa xã hội được đề cập lần đầu tiên tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Qua các Đại hội VII, VIII, IX, X vai trò khách quan của kinh tế thị trường dần được nhận thức và khẳng định rõ. Đại hội XI xác định để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cần thực hiện tốt ba mặt trong đó có nội dung cụ thể là bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu...,

hoàn thiện pháp luật về sở hữu đối với các loại tài sản mới như tài sản trí tuệ... Nghị quyết 48/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 trong định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật đã xác định việc phải hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền SHTT [8] trong đó pháp luật xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT là một bộ phận cấu thành quan trọng của pháp luật về SHTT.

Pháp luật với đặc tính của mình là những quy tắc xử sự chung, áp dụng cho các chủ thể trong xã hội nhằm tạo ra trật tự xã hội chung đã cụ thể hoá các quan điểm nêu trên của Đảng thành những quy phạm pháp luật để điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội nhằm bảo đảm và bảo vệ quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu chống lại những hành vi gây thiệt hại đến quyền lợi của mình, bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh đồng thời bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong việc được sử dụng các hàng hoá và dịch vụ có nguồn gốc rõ ràng.

Hiện nay, SHTT luôn là một trong những nội dung không thể thiếu trong các FTA và việc bảo hộ và thực thi hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ góp phần thể hiện sự nghiêm túc, tích cực của Việt Nam trong thực thi các cam kết quốc tế.

Thứ hai, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là cơ sở pháp lý đảm bảo tổ chức và thực thi hiệu lực và hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu.

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể diễn ra ở tất cả các giai đoạn của quá trình kinh doanh, có rất nhiều cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chỉ có thể được tổ chức và thực thi thông suốt và hiệu quả khi hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được quy định cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền được quy định rõ ràng, chặt chẽ, hơn thế nữa cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền cũng phải được xác lập đúng đắn và hợp lý. Thực tiễn Việt Nam những năm qua trong quá trình xử lý xâm phạm quyền SHTT nói chung và xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng cho thấy, khi chưa có một hệ thống quy phạm pháp luật đầy đủ, đồng bộ và chuẩn xác thì dễ dẫn đến tình trạng trùng, chồng chéo, thực hiện không đúng chức năng của các cơ quan có thẩm quyền, hệ

thống cơ quan thực thi dễ sinh ra công kênh, kém hiệu quả. Chỉ có pháp luật với đặc tính là công cụ quản lý xã hội của nhà nước nhằm tạo ra trật tự xã hội chung mới đảm bảo được việc tổ chức và thực thi hiệu lực và hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu.

Thứ ba, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là cơ sở pháp lý để đảm bảo QSHCN đối với nhãn hiệu có giá trị trên thực tế.

Xuất phát từ bản chất của nhãn hiệu cũng như các tài sản trí tuệ khác là chủ sở hữu không có khả năng kiểm soát việc người khác sử dụng nhãn hiệu của họ mà không xin phép do "việc một người nắm bắt (chiếm hữu) tài sản trí tuệ không cản trở, không làm phương hại đến việc chiếm hữu của chủ sở hữu" [25], bởi vậy, nếu không có các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu thì việc sở hữu nhãn hiệu không có ý nghĩa trên thực tế. Do đặc tính vô hình của tài sản trí tuệ nên pháp luật SHTT không đề cập đến quyền chiếm hữu đối tượng SHTT của chủ thể QSHTT [97, tr.46-47; 53]. Quyền sở hữu tài sản trí tuệ được thể hiện thông qua việc độc quyền sử dụng cũng như cho phép hoặc cấm người khác sử dụng tài sản và toàn quyền định đoạt tài sản đó. Trong tác phẩm "Lợi ích kinh tế - xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển", tác giả Shahid Alikhan đã đưa ra nhận định "*Dù pháp luật được hoàn thiện và hiện đại hoá với các tiêu chuẩn bảo hộ nâng cao cũng không thể đưa đến sự bảo hộ nào cả, trừ khi các quyền quy định trong đó được thực thi một cách hiệu quả*" [130]. Việc thực thi hiệu quả QSHTT chỉ có thể thực hiện được khi có một hệ thống các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm một cách đầy đủ và khả thi.

Thứ tư, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu góp phần bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu của chủ thể quyền, quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, xã hội, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

Hàng giả nhãn hiệu, hàng xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu không chỉ gây thiệt hại kinh tế, uy tín cho chủ sở hữu nhãn hiệu mà còn khiến người tiêu dùng bị thiệt hại do không biết chủ thể nào phải chịu trách nhiệm nếu hàng hoá không đảm bảo chất lượng, người tiêu dùng thậm chí có thể bị nguy

hiểm đến sức khỏe, tính mạng nếu hàng giả đó không đảm bảo tính năng, chất lượng của hàng thật. Hơn thế nữa, nạn hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu cũng khiến môi trường kinh doanh trở nên không lành mạnh, các nhà đầu tư không muốn tham gia thị trường do công sức và nguồn tài chính đầu tư của họ có nguy cơ không thể thu hồi do quyền lợi chính đáng đối với nhãn hiệu không được đảm bảo. Chính các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là điều kiện đảm bảo để chủ sở hữu nhãn hiệu, người tiêu dùng, các nhà đầu tư tìm thấy sự an toàn khi đầu tư kinh doanh, khi tiêu dùng sản phẩm.

Thứ năm, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu góp phần giáo dục ý thức pháp luật SHTT.

Pháp luật được thể hiện cụ thể thông qua những quy phạm pháp luật là những khuôn mẫu xử sự chung cho mỗi chủ thể khi ở trong tình huống được dự kiến. Pháp luật tạo cho mỗi chủ thể khả năng sử dụng những quyền đã được quy định để phục vụ lợi ích của mình nhưng song song với đó phải thực hiện những nghĩa vụ tương ứng để tôn trọng quyền và lợi ích của người khác và toàn xã hội. Sự tồn tại của hệ thống quy phạm pháp luật nói chung tự nó đã có ý nghĩa giáo dục, nó tác động tới nhận thức và hành động của mỗi thành viên trong xã hội, giáo dục ý thức một người vì mọi người và mọi người vì một người. Lĩnh vực SHTT là một lĩnh vực tương đối mới trong xã hội, chỉ bắt đầu nhận được sự quan tâm của Nhà nước và xã hội từ đầu những năm 80 của thế kỉ trước và phát triển mạnh khi Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nhận thức của đại bộ phận công chúng về SHTT vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đồng đều. Ý thức tôn trọng quyền SHTT của người khác chưa là thói quen trong xã hội. Trong các đối tượng quyền SHTT thì nhãn hiệu là đối tượng bị xâm phạm nhiều nhất. Bởi vậy, pháp luật mà cụ thể là các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ góp phần giáo dục ý thức pháp luật cho mọi người để họ điều chỉnh hành vi của mình sao cho đúng với những chuẩn mực cần thiết.

Thứ sáu, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu góp phần đảm bảo uy tín của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Để thực hiện các nghĩa vụ của các điều ước quốc tế và các cam kết khi trở

thành thành viên chính thức của WTO, tuân thủ "luật chơi" trong hội nhập kinh tế quốc tế, một trong những việc rất quan trọng của Việt Nam là phải rà soát các văn bản pháp luật hiện hành, so sánh, đối chiếu với các yêu cầu của các điều ước quốc tế và tiến hành những sửa đổi, bổ sung cần thiết để các văn bản pháp luật đó phù hợp với các yêu cầu của các điều ước quốc tế. Trong rất nhiều các nội dung của pháp luật quốc tế cần phải chuyển hoá vào pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền SHTT thì vấn đề về thực thi quyền SHTT trong đó có xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một nội dung được đặc biệt quan tâm. Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu trong các cam kết quốc tế một mặt chứng tỏ Việt Nam nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong các điều ước quốc tế, mặt khác chứng tỏ Việt Nam có đầy đủ công cụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền SHTT, có môi trường kinh doanh lành mạnh, là địa điểm tốt cho các nhà đầu tư đến để tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Nếu việc thực thi quyền SHCN không hiệu quả sẽ làm tổn hại đến chính sách hội nhập quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài [98].

2.2. TIÊU CHÍ HOÀN THIỆN VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

Trong xã hội hiện đại, pháp luật có vai trò rất to lớn, pháp luật là phương tiện, công cụ không thể thiếu để Nhà nước quản lý xã hội, là cơ sở để thiết lập, duy trì, củng cố và bảo vệ trật tự xã hội, tạo điều kiện và định hướng cho sự phát triển xã hội. Để quản lý xã hội được tốt đòi hỏi Nhà nước phải không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn quản lý xã hội [43].

Một hệ thống pháp luật hoàn thiện là mục tiêu mà tất cả các Nhà nước đều hướng tới. Để đánh giá về một hệ thống pháp luật, xác định mức độ hoàn thiện của nó cần dựa vào những tiêu chuẩn (tiêu chí) được xác định về mặt lý thuyết, từ đó liên hệ với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn trong mỗi giai đoạn cụ thể để rút ra những kết luận và làm cơ sở cho việc tìm kiếm các giải pháp tiếp tục hoàn thiện hệ thống ở mức độ cao hơn [64].

Theo từ điển Tiếng Việt, tiêu chí là "tính chất, dấu hiệu làm căn cứ để

nhận biết, xếp loại một sự vật, một khái niệm" [75]. Có nhiều tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, trong đó có thể kể đến các tiêu chí cơ bản như: tính toàn diện, đồng bộ, tính thống nhất, tính phù hợp, tính hiệu quả và trình độ ngôn ngữ, kỹ thuật xây dựng pháp luật [107, tr.483].

Trên cơ sở những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, đặc điểm của pháp luật về SHTT, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nêu trong Nghị quyết số 48/NQ-TU về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 có thể xây dựng những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gồm những tiêu chí chung (tiêu chí hoàn thiện pháp luật nói chung) và những tiêu chí đặc thù (tiêu chí hoàn thiện pháp luật đặc thù cho lĩnh vực xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu) như sau:

2.2.1. Tiêu chí chung hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo tính toàn diện

Tính toàn diện của hệ thống pháp luật phản ánh mức độ đầy đủ của hệ thống quy phạm, nguyên tắc, định hướng và mục đích của pháp luật. Tính toàn diện là tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật nói chung và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng vì nó là tiêu chuẩn có ý nghĩa "định lượng" [43]. Tính toàn diện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thể hiện ở cấp độ tổng quát và cụ thể. Ở cấp độ tổng quát, pháp luật trong lĩnh vực này phải có đầy đủ các quy phạm pháp luật quy định về việc xác định hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu và những trường hợp ngoại lệ, nội dung xử lý hành vi xâm phạm và thủ tục xử lý hành vi xâm phạm tương ứng với các biện pháp xử lý xâm phạm và thẩm quyền của các cơ quan tương ứng tham gia vào hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này có thể nằm trong các văn bản pháp luật chuyên

ngành khác nhau nhưng chúng phải có mặt đầy đủ trong các chuyên ngành có liên quan và được cấu trúc một cách khách quan, khoa học. Ở cấp độ cụ thể, tính toàn diện đòi hỏi không có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nào mà không có quy phạm pháp luật chuyên ngành tương ứng điều chỉnh phù hợp.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ

Tính thống nhất của hệ thống pháp luật là điều kiện cần thiết bảo đảm cho tính thống nhất về mục đích của pháp luật và sự triệt để trong thực hiện pháp luật [107, tr.484]. Tính đồng bộ của pháp luật ở sự thể hiện ở sự thống nhất của các văn bản pháp luật. Khi pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có sự thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo hay mâu thuẫn lẫn nhau giữa các quy định pháp luật chuyên ngành với nhau (pháp luật SHTT, pháp luật xử phạt vi phạm hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hải quan, pháp luật thương mại...) liên quan đến vấn đề xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu (xét ở cấp độ tổng quát) và giữa chính các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đó của từng chuyên ngành luật (xét ở cấp độ cụ thể) thì nghĩa là các quy định này đảm bảo được tính đồng bộ. Điều này đòi hỏi các văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành phải đảm bảo tính thứ bậc về hiệu lực pháp lý.

Do pháp luật SHTT được coi là một bộ phận không thể tách rời của pháp luật dân sự [50] nên những quy định cụ thể đặc thù điều chỉnh các quan hệ phát sinh liên quan tới SHTT do pháp luật SHTT quy định phải không được trái với những quy định mang tính nguyên tắc trong Bộ luật Dân sự. Cùng với đó, các quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan cũng không được chồng chéo, mâu thuẫn với các quy phạm pháp luật SHTT. Chẳng hạn khi quy định về hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các quy phạm pháp luật trong luật SHTT sẽ quy định những hành vi xâm phạm mang tính nguyên tắc còn các quy phạm pháp luật chuyên ngành sẽ quy định hành vi cụ thể nào bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tương ứng với hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành hoặc có thể dẫn chiếu tới luật SHTT. Các quy phạm pháp luật này phải đảm bảo không được chồng chéo, mâu thuẫn hoặc vượt quá nội dung quy định trong luật SHTT.

Tổng thể văn bản pháp luật thuộc các chuyên ngành luật khác nhau quy định về việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tạo thành một chỉnh thể thống nhất, ràng buộc với nhau nhau cùng hướng tới mục đích xử lý hiệu quả những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Tính đồng bộ của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn đòi hỏi các văn bản pháp luật phải được ban hành đầy đủ, chi tiết "để khi văn bản pháp luật có hiệu lực thì nó cũng đã có đủ các điều kiện để có thể được tổ chức thực hiện ngay trên thực tế" [107, tr.484] tránh tình trạng chờ văn bản hướng dẫn.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo tính phù hợp, khả thi và ổn định

Tính phù hợp và khả thi của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN thể hiện ở chỗ nội dung của pháp luật phản ánh đúng và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia [107, tr.485]. Khi điều kiện kinh tế của đại bộ phận người dân chưa cao, nhận thức về pháp luật SHTT, quyền SHTT cụ thể là ý thức tôn trọng quyền SHCN đối với nhãn hiệu trong xã hội còn hạn chế thì các biện pháp truy cứu trách nhiệm pháp lý của nhà nước đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được quy định sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế, nhận thức của xã hội; đơn giản, thuận tiện trong thủ tục đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tình trạng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Hơn thế nữa, việc quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng cần phù hợp với điều kiện tổ chức các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức để đảm bảo khả năng thực hiện đúng đắn và đầy đủ các quy định pháp luật. Mặt khác, quan hệ pháp luật SHCN đối với nhãn hiệu có bản chất là quan hệ pháp luật dân sự, do vậy, trước tiên cần phải cần phải chú ý tới việc sử dụng các quy định pháp luật dân sự để điều chỉnh mối quan hệ này.

Để các pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có tính phù hợp và khả thi thì nội dung của các quy định pháp luật phải "bảo đảm rằng các biện pháp và thủ tục thực thi các quyền SHTT không trở thành rào cản đối với hoạt động thương mại hợp pháp" [103], phù hợp với sự phát triển bền

vững của xã hội (về trách nhiệm của doanh nghiệp, về lợi ích của người tiêu dùng và về cạnh tranh bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử).

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải được quy định theo cách:

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể các hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những trường hợp không bị coi là xâm phạm kể cả những trường hợp có khả năng xung đột quyền với các đối tượng QSHTT khác.

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể quyền đối với nhãn hiệu bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của mình bằng các quy định về quyền được yêu cầu xử lý vi phạm, được bồi thường thiệt hại, được yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, áp dụng các biện pháp xử lý hàng hoá mang nhãn hiệu xâm phạm.

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo người tiêu dùng có cơ hội được bảo vệ khi bị ảnh hưởng bởi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo hành vi xâm phạm phải bị ngăn chặn kịp thời thông qua việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm tương xứng với những thiệt hại họ khi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của người khác thông qua các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm như biện pháp dân sự, biện pháp hình sự, biện pháp hành chính;

Nhu cầu xã hội và các quan hệ xã hội có tính ổn định tương đối, nên pháp luật cũng cần có tính ổn định tương đối [43]. Tính ổn định của pháp luật là yêu cầu cần thiết, bởi không thể thường xuyên đảo lộn các quan hệ xã hội bằng việc thay đổi pháp luật [35]. Tính ổn định tương đối của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chứng tỏ các quy phạm pháp luật được ban hành có nội dung phù hợp với quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh, có tính dự báo tốt.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo tính minh bạch, công khai

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập kinh tế thế giới, thời gian vừa qua, việc đảm bảo tính minh bạch của hệ thống pháp luật ở nước ta được đề cập đến nhiều như là một trong những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo tính dân chủ trong hoạt động của nhà nước và là yêu cầu của việc thực hiện các cam kết quốc tế. Tính minh bạch của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể hiện ở chỗ nội dung các quy phạm pháp luật phải rõ ràng, dễ hiểu, đơn nghĩa, không mâu thuẫn sao cho bất cứ chủ thể nào cũng phải hiểu đúng nội dung của nó theo nghĩa duy nhất phù hợp với ý chí của nhà làm luật; các văn bản pháp luật phải được công bố công khai (từ khi bắt đầu quy trình xây dựng văn bản đến việc lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan, các chuyên gia và đông đảo người dân đến khi văn bản được ban hành) để người dân nắm rõ những hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, quyền và nghĩa vụ của chủ thể liên quan đến hoạt động xử lý xâm phạm, các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm, các hình thức xử lý, trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm... đảm bảo các hình thức xử lý công bằng và hợp lý, người dân có quyền yêu cầu xem xét lại các quyết định xử lý trước khi thực thi, kết quả của việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng phải được công khai để bất cứ ai quan tâm cũng có thể tiếp cận. Việc công khai văn bản pháp luật không chỉ dừng ở mức đăng tải trên Công báo và các phương tiện thông tin đại chúng mà còn phải được thực hiện thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để người dân dễ dàng tiếp cận, hiểu rõ, thực hiện theo và giám sát được quá trình xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được ban hành dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp cao

Một hệ thống pháp luật hoàn thiện cao phải là hệ thống được xây dựng với trình độ kỹ thuật pháp lý cao. Đây là tiêu chuẩn có ý nghĩa quan trọng vì pháp luật đòi hỏi phải có sự phù hợp cao độ giữa nội dung và hình thức biểu đạt [43]. Trình độ pháp lý cao thể hiện ở quy trình ban hành văn bản pháp luật khoa học, cách thức biểu đạt chuẩn xác, ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, một nghĩa, logic, dễ thực hiện đối với cán bộ và nhân dân. Để đảm bảo tiêu chí được ban hành dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp cao thì trong quá trình xây dựng pháp

luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải xác định đúng "những nguyên tắc của hoạt động xây dựng pháp luật, những trình tự thủ tục tối ưu... nhằm tạo ra được những văn bản quy phạm pháp luật tốt nhất, phù hợp với các quy định đã có và cơ chế thực thi pháp luật... phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước" [107, tr.486]. Hoạt động xây dựng pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được tiến hành một cách khoa học, có hệ thống, các văn bản luật, văn bản dưới luật thuộc các chuyên ngành khác nhau cùng điều chỉnh hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải thực sự tạo thành một chỉnh thể thống nhất, bổ sung cho nhau; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn tránh tình trạng không thể áp dụng pháp luật được ngay do thiếu văn bản hướng dẫn.

Trình độ lập pháp cao của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn thể hiện ở chỗ chủ thể có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải thực hiện đầy đủ, đúng đắn các yêu cầu, đòi hỏi về nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động trong từng giai đoạn xây dựng và hoàn thiện pháp luật đồng thời phải có sự tham gia có ý kiến của tất cả các bên liên quan trong quá trình xây dựng, hoàn thiện văn bản đặc biệt là sự tham gia của những chủ thể là đối tượng chịu tác động của văn bản.

Hơn nữa, kỹ thuật lập pháp còn thể hiện ở chỗ các văn bản pháp luật ra đời sau phải kế thừa có chọn lọc những thành tựu của kỹ thuật lập pháp trước đó không chỉ của Việt Nam mà của các nước tiên tiến trên thế giới.

2.2.2. Tiêu chí đặc thù hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Xuất phát từ đặc điểm của pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, yêu cầu về hội nhập quốc tế của lĩnh vực SHTT, để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật trong lĩnh vực này cần phải có tiêu chí đặc thù để đảm bảo pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bảo vệ hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nhãn hiệu trong mối cân bằng với lợi ích của xã hội cũng như phù hợp với các yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Một là, *pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo cân bằng lợi ích của chủ thể quyền, người tiêu dùng và lợi ích của xã hội*

Nguyên tắc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu quyền SHTT và lợi ích của xã hội, lợi ích của các bên liên quan là một trong những nguyên tắc cơ bản của hệ thống SHTT [45]. QSHCN đối với nhãn hiệu trước tiên là quyền dân sự của chủ sở hữu nhãn hiệu, tuy nhiên, do đặc tính của tài sản trí tuệ nói chung và nhãn hiệu nói riêng thì việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không chỉ bảo vệ quyền lợi của chủ nhãn hiệu mà đồng thời còn bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và lợi ích của toàn xã hội. QSHCN đối với nhãn hiệu là quyền độc quyền. Bảo vệ QSHCN đối với nhãn hiệu là áp dụng các biện pháp chế tài do nhà nước quy định để xử lý những hành vi gây thiệt hại đến quyền độc quyền đó của chủ nhãn hiệu. Trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, để đảm bảo sự cân bằng lợi ích của chủ thể quyền, người tiêu dùng và lợi ích của xã hội thì việc xác định những hành vi bị coi là xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu là đặc biệt quan trọng, nội dung các quy định này cần thể hiện sao cho vừa bảo vệ đúng mức quyền, không gây tổn hại bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu nhưng cũng không triệt tiêu việc sử dụng phù hợp với thực tiễn kinh doanh trung thực của những chủ thể khác trong xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Mặt khác, các quy định về chế tài xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng cần phải đảm bảo tính công bằng và đúng đắn để một mặt vừa bảo vệ được quyền lợi hợp pháp và chính đáng của chủ thể quyền nhưng không quá mức khiến cản trở hoạt động kinh doanh lành mạnh của các chủ thể khác trong xã hội.

Hai là, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo công bằng, thủ tục đơn giản và không quá tốn kém

Công bằng là một trong những nguyên tắc đặc biệt quan trọng của hệ thống thực thi pháp luật nói chung và hệ thống thực thi quyền SHTT nói riêng. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chỉ đảm bảo được sự công bằng cho các bên liên quan khi nó tạo cho mọi người có cơ hội ngang nhau trong việc tham gia các quan hệ pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như mỗi vụ việc đều được xử lý một cách khách quan, phù hợp với bản chất sự việc. Các kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản, có giải thích căn cứ, lý do đưa ra

quyết định đó và các bên liên quan có quyền có ý kiến yêu cầu xem xét lại quyết định đó trong thời gian hợp lý.

Pháp luật để có thể thực hiện có hiệu quả trên thực tế thì một trong những điều kiện cần là các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật, những chủ thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật hiểu và thực hiện pháp luật nhuần nhuyễn. Điều đó chỉ có được khi các quy phạm pháp luật được quy định một cách rõ ràng, đơn giản. Hơn nữa, thủ tục đơn giản và không quá tốn kém sẽ tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các bên liên quan tham gia vụ việc cũng như thực hiện được quyền tự bảo vệ trong vụ việc tranh chấp. Tiêu chí này càng có ý nghĩa hơn khi lĩnh vực SHTT vẫn là lĩnh vực tương đối mới đối với nhiều người trong xã hội, các chủ thể kinh doanh vẫn có tâm lý ngại kiện tụng, do vậy, nếu thủ tục phức tạp, chi phí tốn kém, thông tin khó tiếp cận thì chắc chắn họ sẽ không thoải mái khi tham gia quan hệ pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, chủ thể quyền thì ngại thủ tục, cho qua không yêu cầu xử lý xâm phạm khi quyền của mình bị xâm phạm, bên xâm phạm thì không bị xử lý hoặc nếu có bị xử lý thì có thể không biết cách để tự biện hộ, bảo vệ cho mình dẫn đến hệ lụy xấu là xâm phạm QSHCN tràn lan trên thị trường, người kinh doanh, đầu tư nghiêm túc chán nản, môi trường kinh doanh bị méo mó, không khuyến khích được các hoạt động đầu tư... Tác giả Shahid Alikhan đã nhận định rằng "Dù có nhiều quy định pháp luật hoàn hảo đến đâu ngay cả đối với sự bảo hộ bằng kỹ thuật cũng không thể mang lại kết quả nếu các quy định về hình phạt không thích đáng, hoặc nếu thủ tục thực thi lại quá nặng nề, chậm trễ và tốn kém" [130, tr.155].

Ba là, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo phù hợp với pháp luật quốc tế

Sở dĩ tính phù hợp với pháp luật quốc tế được đặt thành một tiêu chí riêng khi đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu mặc dù thực chất có thể coi nó đã nằm trong tiêu chí về tính thống nhất vì lĩnh vực SHTT là lĩnh vực có mức độ hội nhập cao với quốc tế. Vai trò của quyền SHTT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia ngày càng được nhìn nhận đúng mức và được coi là một công cụ hữu hiệu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Bởi lý do đó, một trong những nội

dung không thể thiếu của các hiệp thương mại quốc tế đa phương và song phương là nội dung về sở hữu trí tuệ. Gần đây chúng ta đã ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại thế hệ mới trong đó tiêu chuẩn về thực thi quyền SHTT (bao gồm có quyền SHCN đối với nhãn hiệu) được quy định ở mức rất cao. Việc cam kết tuân thủ luật chơi chung về SHTT với các đối tác thể hiện quyết tâm và nỗ lực hết sức lớn lao của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Phải nhìn nhận một thực tế là với cơ chế bảo hộ quyền SHTT cao, Việt Nam còn lâu mới được hưởng lợi ích chung của cả xã hội, mà phải chịu những khó khăn nhất định. Tuy nhiên, đó là luật chơi, là sự trả giá để tạo khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, để tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội xâm nhập được thị trường của các đối tác. Nghĩa vụ của chúng ta khi tham gia sân chơi quốc tế chung là phải đảm bảo các quy định pháp luật quốc gia phù hợp với các nội dung đã cam kết và như vậy việc hoàn thiện các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu về thực thi quyền SHTT được quy định trong các điều ước mà Việt Nam tham gia.

2.2.3. Các điều kiện bảo đảm cho việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Pháp luật tác động lên các quan hệ xã hội bằng cách quy định cho các chủ thể (các bên) tham gia quan hệ đó có một số quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định đồng thời pháp luật cũng xác định cả những điều kiện để bảo đảm cho các quyền và nghĩa vụ đó được thực hiện [107, tr.229].

2.2.3.1. Điều kiện về đường lối, chính sách

Pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện nghĩa là nó chỉ được hình thành bằng con đường nhà nước [107, tr.105]. Ở nước ta, Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội [89, Điều 4]. Bởi thế nên pháp luật chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Quan điểm về việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, với nhiều hình thức sở hữu đã được Đảng nêu ra từ Đại hội VI (1986). Đây là chủ trương nhất quán và lâu dài của Đảng ta cho đến nay và cũng là cơ sở cho việc thừa nhận quyền SHTT với tư cách là một quyền tài sản của các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế tư nhân. Qua các kỳ đại hội, Đại hội XI

của Đảng đã đưa ra khái quát mới về mặt lý luận: "Tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước..., quy định rõ quyền, trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội" [42, tr.73]. Định hướng hoàn thiện pháp luật về SHTT nói chung, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng đã được xác định rõ trong Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Việc công nhận và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ trong đó có nhãn hiệu trong các văn kiện của Đảng chính là những đảm bảo cho việc hoàn thiện pháp luật SHTT nói chung và pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

2.2.3.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội

Hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để thực hiện được cần phải có những điều kiện đảm bảo nhất định về kinh tế, xã hội. Trong một xã hội mà điều kiện kinh tế của đa số dân chúng chưa cao thì nhu cầu sử dụng hàng hoá, dịch vụ đúng nguồn gốc chưa hẳn là quan trọng so với giá cả của hàng hoá, dịch vụ. Điều này dẫn đến hiện tượng việc sử dụng hàng giả, hàng xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nhưng có giá thấp không bị coi là hành vi xấu trong xã hội. Do vậy, để pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được đông đảo dân chúng tuân thủ và tự giác thực hiện thì ngoài việc phải nâng cao điều kiện kinh tế, mức sống của dân chúng vai trò của "đur luận xã hội" có ý nghĩa rất quan trọng. Khi mà toàn xã hội lên án và không chấp nhận việc sử dụng hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT thông qua những thiết chế xã hội như gia đình, cộng đồng, tổ chức xã hội, các hiệp hội... thì chắc chắn pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN sẽ dễ dàng được người dân hiểu và tuân thủ hơn và việc quy định các chế tài đối với hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu mới nhận được sự đồng thuận của xã hội.

Khu vực sản xuất hàng giả, hàng xâm phạm quyền cũng mang lại rất nhiều cơ hội việc làm cho xã hội không kém gì các cơ sở sản xuất hàng chính hãng. Do đó pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải quy định sao cho vừa bảo vệ được lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu, của xã hội nhưng không vượt quá khả năng thực hiện các biện pháp chế tài của chủ thể xâm phạm.

2.2.3.3. Điều kiện về năng lực và nhân lực của cơ quan có thẩm quyền

Hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật đòi hỏi phải được thực hiện theo những quy trình khoa học và chuẩn xác. Điều này đòi hỏi những chủ thể tham gia hoạt động này phải có năng lực, trình độ chuyên môn cao, không chỉ am hiểu pháp luật nói chung mà còn phải có hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực SHTT cũng như các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan. Hơn nữa, hoạt động hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần có sự tham gia của nhiều cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo tính toàn diện và thống nhất của các quy phạm pháp luật. Thêm vào đó nên đặt lợi ích chung, tránh tư tưởng cục bộ, vì lợi ích ngành trong soạn thảo văn bản pháp luật cũng là những đảm bảo để văn bản pháp luật được ban hành có tính khách quan và chất lượng.

Năng lực, nhân lực của cơ quan có thẩm quyền cũng là điều kiện đảm bảo pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện đúng đắn trên thực tế.

2.2.3.4. Điều kiện về ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý

Ý thức pháp luật, văn hoá pháp lý của cán bộ, công chức có thẩm quyền tiến hành xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như người dân có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện và thực hiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Đây là hai yếu tố có mối quan hệ qua lại với nhau hết sức chặt chẽ, ý thức pháp luật là yếu tố chủ quan bên trong mỗi con người còn văn hoá pháp lý là yếu tố đòi hỏi được bộc lộ ra bên ngoài thông qua hành vi [107, tr.176]. Khi các chủ thể liên quan đến hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN hiểu biết pháp luật và có tâm lý tích cực trong việc thực hiện và tuân thủ pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì việc thực hiện pháp luật của họ sẽ được thực hiện một cách chủ động và đúng đắn. Ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý sẽ giúp nâng cao nhận thức xã hội

nói chung và nhận thức của doanh nghiệp nói riêng để luôn trọng quyền SHTT, kinh doanh lành mạnh của các doanh nghiệp và của xã hội.

2.3. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.3.1. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong một số điều ước tế

Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, tài sản trí tuệ ngày càng trở thành vấn đề được quan tâm trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia, mỗi chủ thể khi tham gia thị trường toàn cầu. Những năm gần đây Việt Nam có sự hội nhập mạnh mẽ với nền kinh tế thế giới bằng việc tham gia hoặc gia nhập rất nhiều Hiệp định thương mại quốc tế. Trong số đó, một số điều ước quốc tế có ảnh hưởng lớn đến hệ thống pháp luật SHTT của Việt Nam phải kể đến là Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền SHTT (TRIPS), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

2.3.1.1. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo Hiệp định TRIPS

Hiệp định TRIPS là hiệp định trong khuôn khổ các điều ước đa biên mang tính bắt buộc mà Việt Nam phải ký kết làm điều kiện cho việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). TRIPS quy định những nguyên tắc bảo hộ quyền SHTT trên phạm vi toàn cầu dưới góc độ thương mại. Mục tiêu của TRIPS được nêu trong Lời nói đầu là "giảm sai lệch thương mại và các rào cản đối với thương mại quốc tế, ... thúc đẩy việc bảo hộ hiệu quả và thỏa đáng quyền SHTT và... bảo đảm bản thân các biện pháp và thủ tục thực thi quyền SHTT sẽ không trở thành rào cản đối với thương mại hợp pháp" [28, tr.10].

Hiệp định TRIPS thiết lập ra những chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ và thực thi quyền SHTT tại các quốc gia thành viên của WTO mà các thành viên này đều có nghĩa vụ phải tuân thủ. Riêng về cơ chế thực thi quyền STTT, Hiệp định TRIPS "có thể được coi như một "cố gắng chưa từng thấy" nhằm nâng cao năng lực tư pháp của các nước thành viên WTO trong xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT" [2, tr.1-11].

Các tiêu chuẩn về thực thi quyền bao gồm việc xử lý hành vi xâm phạm SHCN đối với nhãn hiệu nằm ở Phần thứ III của Hiệp định TRIPS, bao gồm 5 mục và 21 điều gồm có một số nguyên tắc chung áp dụng cho mọi thủ tục thực thi quyền SHTT; các thủ tục và chế tài dân sự, hành chính và hình sự; các biện pháp tạm thời; các yêu cầu đặc biệt liên quan đến các biện pháp biên giới. Cụ thể là:

- Các nước thành viên phải bảo đảm quy định đầy đủ các thủ tục thực thi của TRIPS trong luật quốc gia để tạo khả năng khiếu kiện hiệu quả đối với mọi hành vi xâm phạm quyền SHTT, bao gồm cả các biện pháp chế tài khẩn cấp nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm cũng như ngăn chặn việc tiếp diễn xâm phạm. Các thủ tục liên quan đến quyền SHTT phải đúng đắn và công bằng, tạo cơ hội nhưng không được để lạm dụng, không được phức tạp hoặc tốn kém quá mức, các bên phải được tạo cơ hội để tiếp cận các quyết định giải quyết tranh chấp và có cơ hội trình bày ý kiến về việc xử lý đó.

- Các thủ tục dân sự phải đảm bảo tính đúng đắn và công bằng. Khi một bên đã đưa ra chứng cứ một cách hợp lý, đủ để biện minh cho yêu cầu của mình và đã chỉ ra những chứng cứ thích hợp để biện minh cho các yêu cầu đó nhưng nằm dưới sự kiểm soát của bên kia thì cơ quan có thẩm quyền xét xử phải có quyền ra lệnh cho bên kia cung cấp các chứng cứ đó. Trong trường hợp một bên tự ý và không có lý do xác đáng từ chối cho tiếp cận chứng cứ bằng bất kỳ cách nào khác thì cơ quan xét xử có thể được quyền giải quyết vụ việc trên những thông tin đã được cung cấp với điều kiện tạo cơ hội cho các bên trình bày ý kiến về lý lẽ hoặc chứng cứ đã được đưa ra.

- Người xâm phạm phải đền bù thỏa đáng (có thể là khoản được ấn định trước) cho chủ thể quyền để bồi thường thiệt hại mà chủ thể quyền SHTT đã phải gánh chịu do hành vi xâm phạm gây ra. Hơn nữa, phí đại diện SHTT cũng thể có thể được coi là phí tổn hợp lý mà bên xâm phạm phải trả. Lợi nhuận bất hợp pháp và khoản bồi thường thiệt hại có thể đều phải nộp kể cả khi người xâm phạm đã thực hiện hành vi xâm phạm khi không biết hoặc không có căn cứ để biết điều đó.

- Các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm, bảo vệ chứng cứ, trong trường hợp đặc biệt thậm chí có thể áp dụng trước khi nghe bị đơn trình bày ý kiến. Người

yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp khoản bảo đảm hoặc bảo chứng tương đương đủ để bảo vệ bên kia và ngăn chặn sự lạm dụng và phải bồi thường thoả đáng nếu yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng hoặc không có hành vi xâm phạm xảy.

- Khi có căn cứ hợp lý nghi ngờ việc hàng hóa giả mạo nhãn hiệu đang được nhập khẩu vào thị trường nội địa thì chủ thể quyền có quyền yêu cầu cơ quan hải quan đình chỉ thông quan hàng hóa đó để ngăn chặn việc lưu thông tự do hàng xâm phạm. Để hạn chế việc lạm quyền của chủ thể quyền cũng như cản trở hoạt động kinh doanh thương mại bình thường, vấn đề nộp tiền bảo đảm hoặc bảo chứng tương đương ở mức hợp lý được quy định rõ đồng thời với quy định về bồi thường cho người nhập khẩu và chủ sở hữu hàng hóa. Ngoài ra, khi có chứng cứ hiển nhiên về sự xâm phạm quyền thì các cơ quan có thẩm quyền phải chủ động hành động và đình chỉ thông quan hàng hóa xâm phạm.

- Hiệp định TRIPS quy định việc áp dụng các chế tài hình sự ít nhất là đối với các trường hợp cố tình giả mạo nhãn hiệu và xâm phạm bản quyền ở quy mô thương mại.

Để được chấp nhận là thành viên của WTO vào năm 2006, Việt Nam đã có quá trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện toàn bộ hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật SHTT và đến thời điểm gia nhập pháp luật Việt Nam được đánh giá là cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu của TRIPS.

2.3.1.2. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) [67]

Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) được ký kết từ tháng 12/2015 và dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2018. EVFTA là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, toàn diện, có tác động mạnh mẽ tới kinh tế Việt Nam. Một trong những đặc trưng của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là mức độ cam kết rất cao đặc biệt trong yêu cầu thực thi các quy định pháp luật, do vậy, việc ký kết EVFTA tác động đến Việt Nam cả về yêu cầu nghiên cứu pháp luật và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để tương thích với các cam kết hội nhập.

Theo kết quả rà soát pháp luật Việt Nam với các nội dung của EVFTA của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, về cơ bản, vấn đề xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong EVFTA được quy định tương tự với các quy định của Hiệp định TRIPS nhưng có một số nội dung mở rộng ở tiêu chuẩn cao hơn và không tương thích hoặc chỉ tương thích một phần với pháp luật Việt Nam [76]. Những nội dung pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của Việt Nam chưa hoàn toàn tương thích với EVFTA có thể kể đến:

- Việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được chủ thể yêu cầu Toà án tiến hành vào bất kỳ thời điểm nào miễn là có bằng chứng hợp lý chứng minh cho yêu cầu đó. Các trường hợp được yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không chỉ giới hạn ở tình huống khi có nguy cơ thiệt hại không thể khắc phục hoặc tang vật bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ như quy định của pháp luật Việt Nam quy định thành nhiều trường hợp và mỗi trường hợp có các biện pháp khẩn cấp tạm thời tương ứng;

- Trong những trường hợp nhất định có thể áp dụng thay thế một số biện pháp xử lý người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp bồi thường bằng tiền để bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu nhãn hiệu;

- Việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây ra được xác định theo mức độ lỗi của người thực hiện hành vi vi phạm. EVFTA phân định rõ trường hợp thiệt hại được thực hiện bởi người biết rõ hoặc có cơ sở để biết hành vi của mình đang thực hiện là trái pháp luật và trường hợp không biết về điều đó;

- Cơ quan hải quan phải chủ động, tích cực phối hợp với chủ thể quyền trong việc thực hiện các biện pháp biên giới để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên cơ sở cung cấp thông tin phân tích rủi ro cho chủ thể quyền.

2.3.1.3. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

TPP là một Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới được ký kết chính thức ngày 04/02/2016 với phạm vi cam kết rộng, và mức độ cam kết rất cao (được đánh giá là FTA có mức độ cam kết cao nhất từ trước tới nay của Việt Nam) [68]. TPP được gọi là FTA của thế kỷ 21 với nội dung mở rộng nhất cho

đến nay và được kỳ vọng là thỏa thuận khu vực kinh tế tiêu chuẩn cao và quy mô rộng lớn nhất trong lịch sử tự do hoá kinh tế [73].

Mặc dù ngày 23/1/2017 Hoa Kỳ đã rút khỏi Hiệp định TPP khiến cho tương lai của Hiệp định TPP rất khó đoán định. Tuy nhiên, trước sự quyết tâm tiếp tục duy trì Hiệp định này của một số nước thành viên thì tương lai của Hiệp định này vẫn còn đang để ngỏ. Hơn nữa, có thể nói những nội dung về SHTT trong Hiệp định TPP phản ánh xu thế phát triển của pháp luật SHTT trong tương lai và do vậy, vẫn cần thiết nghiên cứu những nội dung của Hiệp định này phục vụ cho hoạt động hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Nội dung về SHTT quy định trong Chương 18 nâng cao yêu cầu bảo hộ quyền SHTT so với chuẩn mực quốc tế phổ biến hiện nay là Hiệp định TRIPS của WTO. So với pháp luật hiện hành của ta về SHTT, có nhiều cam kết hoàn toàn phù hợp với pháp luật, hoặc phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước, mặc dù chưa được quy định trong pháp luật; nhưng cũng có nhiều cam kết dẫn đến những thay đổi lớn về pháp luật [47]. Nội dung các tiêu chuẩn cao hơn Hiệp định TRIPS, thường gọi là TRIPS "cộng".

- Nguyên tắc chung

Hiệp định TPP yêu cầu các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên môi trường số phải bị xử lý như đối với các hành vi xâm phạm thông thường; các nước thành viên phải quy định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ internet cũng như các điều kiện và nghĩa vụ để họ được miễn trách nhiệm pháp lý và chế tài đối với vi phạm khi người sử dụng mạng có hành vi xâm phạm quyền.

- Thủ tục và chế tài dân sự

Đối với trường hợp giả mạo nhãn hiệu, chủ thể quyền có quyền lựa chọn được bồi thường theo mức luật định hoặc bồi thường bổ sung (bao gồm tiền phạt để cảnh cáo hoặc trừng phạt) và mức bồi thường luật định phải đủ bù đắp thiệt hại và có tính răn đe.

- Thủ tục hành chính: TPP không bắt buộc các nước thành viên phải có thủ tục này, nhưng nếu có thủ tục hành chính mà trong đó quy định chế tài dân sự thì thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc tương đương với nguyên tắc của thủ tục dân sự.

- *Thủ tục kiểm soát biên giới*: TPP yêu cầu cơ quan hải quan phải chủ động kiểm soát biên giới (không cần yêu cầu của chủ thể quyền) đối với hàng hoá nhập khẩu, tập kết để xuất khẩu, quá cảnh có nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu.

- *Thủ tục hình sự*

TPP yêu cầu hình sự hóa hàng loạt hành vi xâm phạm quyền SHTT trong đó có hành vi liên quan đến xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như cố ý nhập khẩu và sử dụng trong thị trường nội địa nhãn sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm mang nhãn hiệu giả mạo trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại hoặc hành vi cố ý xuất khẩu hàng hóa giả mạo ở quy mô thương mại (hành vi không nhằm khai thác thị trường nơi quyền được bảo hộ). Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị yêu cầu xử lý hình sự không chỉ giới hạn ở hành vi thực hiện trên hàng hóa mà mở rộng ra cả trường hợp liên quan đến dịch vụ (nhãn mác hoặc bao gói nhằm sử dụng trong thương mại liên quan đến dịch vụ mà trùng với hàng hóa hoặc dịch vụ đã đăng ký. Hành vi xâm phạm gián tiếp như giúp sức hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng bị yêu cầu phải xử lý hình sự. Có thể thấy thực tế là có nhiều hành vi về bản chất không phải là xâm phạm quyền, mới chỉ là tiền đề xâm phạm quyền cũng bị yêu cầu xử lý hình sự.

- *Thủ tục tố tụng hình sự*

Cơ quan có thẩm quyền có thể mặc nhiên truy cứu trách nhiệm hình sự không cần yêu cầu của người bị hại hoặc người thứ ba; Cơ quan có thẩm quyền có quyền cung cấp hoặc cho phép tiếp cận hàng hóa xâm phạm, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm và các chứng cứ khác để chủ sở hữu có thể kiện dân sự.

Có thể thấy, yêu cầu xử lý hình sự hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu theo TPP vượt xa các điều ước quốc tế hiện hành về SHTT (Hiệp định TRIPS trong khuôn khổ WTO mà Việt Nam gia nhập năm 2007) và so với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Thực tế Việt Nam đang áp dụng cơ chế thực thi hai cấp bậc gồm hành chính và hình sự mà theo đó, những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chưa đến mức gây nguy hại lớn đối với xã hội tức là chưa bị coi là tội phạm sẽ bị xử lý hành chính.

2.3.2. Quy định pháp luật của một số nước về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.3.2.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc vốn là nước bị thế giới đánh giá là "xưởng sản xuất hàng giả của thế giới" nên hoạt động xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT ở Trung Quốc được đánh giá không cao. Tuy nhiên trong những năm gần đây, Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực để cải thiện hình ảnh với các quốc gia khác nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư.

Luật Nhãn hiệu hiện nay của Trung Quốc được đánh giá là "đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn cả ở phạm vi quốc gia, quốc tế và có tính hiện đại" [135].

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của Trung Quốc quy định như sau:

- Hành vi xâm phạm gián tiếp nhãn hiệu cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý, theo đó, hành vi cố ý cung cấp phương tiện hoặc tạo điều kiện để một người thực hiện hành vi xâm phạm nhãn hiệu của người khác cũng bị coi là vi phạm quyền độc quyền sử dụng nhãn hiệu của chủ nhãn hiệu;

- Áp dụng hệ thống bồi thường thiệt hại có tính chất trừng phạt đối với hành vi xâm phạm quyền nhãn hiệu và tăng mức phạt đối với trường hợp tái phạm. Khoản bồi thường thiệt hại được tính dựa trên thiệt hại thực tế của chủ thể quyền. Trong trường hợp khó xác định thiệt hại thực tế của chủ thể quyền thì tiền bồi thường thiệt hại sẽ là khoản lợi nhuận mà bên xâm phạm thu được. Trường hợp cả hai khoản nêu trên đều khó xác định thì tiền bồi thường thiệt hại có thể được tính dựa vào bội số hợp lý của tiền phí li-xăng. Trong trường hợp xâm phạm nghiêm trọng QSHCN đối với nhãn hiệu, tiền bồi thường thiệt hại có thể gấp từ 1 đến 3 lần các mức nêu trên. Các chi phí hợp lý mà chủ thể quyền phải bỏ ra để buộc chấm dứt hành vi xâm phạm cũng được tính vào tiền bồi thường thiệt hại.

- Miễn trừ trách nhiệm cho người không có lỗi khi thực hiện hành vi xâm phạm quyền, theo đó người bán hàng hóa xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu (nhưng không biết về thực tế đó) và có khả năng chứng minh rằng họ có được những hàng hóa đó một cách hợp pháp và chỉ ra được người cung cấp hàng hóa sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường.,

- Chính phủ Trung Quốc nâng cao hiệu quả việc xử lý xâm phạm quyền SHTT bằng cách thiết lập các Trung tâm khiếu kiện. Từ năm 2006 đã có 70 trung tâm dịch vụ như vậy được mở Trung Quốc để tiếp nhận các khiếu kiện liên quan các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Các Trung tâm giải quyết khiếu kiện có thẩm quyền kiểm tra tính xác thực của thông tin nhận được thông qua đường dây nóng, phân loại các vụ việc và chuyển chúng tới các cơ quan chức năng liên quan. Các cơ quan này chịu trách nhiệm xử lý các vụ việc và phải báo cáo kết quả lại cho Trung tâm khiếu kiện.

- Nhằm bảo vệ chứng cứ tránh bị tẩu tán hoặc không thể thu thập được pháp luật cho phép chủ thể quyền hoặc những người có quyền lợi liên quan được yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ ngay cả khi chưa nộp đơn khởi kiện.

- Thành lập Toà chuyên trách về SHTT từ ngày 31/8/2014 tại ba thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải và Quảng Châu. Bên cạnh thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án SHTT liên quan công nghệ phức tạp (sáng chế, bí mật thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn...) thì toà chuyên trách về SHTT có thẩm quyền xét xử phúc thẩm các tranh chấp về nhãn hiệu và bản quyền đã được xử sơ thẩm ở các toà địa phương.

2.3.2.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Ở Thái Lan, nhãn hiệu đã đăng ký hoặc chưa đăng ký đều được pháp luật bảo hộ ở những mức độ khác nhau. Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể được xử lý theo thủ tục dân sự, hình sự, cạnh tranh, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi đó. Trước khi tiến hành hoạt động pháp lý dân sự hoặc hình sự đối với người vi phạm, người nắm giữ quyền nhãn hiệu trước tiên phải gửi văn bản yêu cầu chấm dứt vi phạm tới người vi phạm để yêu cầu họ chấm dứt hành vi vi phạm quyền.

Một đặc trưng riêng có của hệ thống thực thi quyền SHTT của Thái Lan là thủ tục hoà giải tiền tố tụng. Thủ tục hoà giải này được thực hiện như một dịch vụ đặc thù của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Thái Lan (DIP). Việc hoà giải được DIP thực hiện miễn phí nhưng kết quả hoà giải không có giá trị pháp lý và cũng không ràng buộc trách nhiệm của các bên. Nếu sau hoà giải tại DIP mà các bên

thay đổi ý kiến thì họ có thể thực hiện thủ tục hình sự hoặc dân sự hoặc yêu cầu giải quyết theo pháp luật cạnh tranh/passing-off . Theo thống kê, gần như 90% vụ việc xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu kết thúc thông qua hoà giải (gồm cả hoà giải tiền tố tụng và hoà giải trong tố tụng). Nếu hoà giải không thành Toà sẽ đưa vụ việc ra xét xử nhưng phán quyết của Toà liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại chỉ bằng 10%-30% khoản bồi thường mà bên nguyên đơn đưa ra. Do vậy, trên thực tế, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hiệu quả hơn và cũng được các bên ưu tiên lựa chọn [129].

Khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, hình phạt có thể giảm xuống còn một nửa trong trường hợp người phạm tội nhận tội. Số liệu thống kê cho thấy gần như 98% người phạm tội xâm phạm QSHCN nhận tội. Thông thường phạm tội lần đầu chỉ bị áp dụng hình phạt tiền. Nhưng nếu người nào tái phạm trong vòng 5 năm thì hình phạt sẽ bị tăng nặng gấp đôi kể cả trong trường hợp trước đó chỉ bị phạt tiền. Hình phạt tù thường được áp dụng đối với những tội phạm xâm phạm giá trị hàng hoá rất lớn và hành vi có nguy cơ gây thiệt hại cho tính mạng và sức khoẻ của cộng đồng. Trường hợp xâm phạm quyền do pháp nhân gây ra thì người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Để thu giữ chứng cứ về hành vi xâm phạm, theo yêu cầu từ phía chủ thể quyền khi chứng cứ có nguy cơ sẽ bị tiêu huỷ, tẩu tán, làm hư hỏng, cơ quan có thẩm quyền chấp nhận áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng.

Thái Lan đã thành lập Tòa án SHTT và thương mại quốc tế (TMQT) vào năm 1997, toà chuyên biệt đặt ở cấp sơ thẩm, đây là một yếu tố quan trọng để tạo môi trường pháp lý lành mạnh, thu hút đầu tư, góp phần phát triển thương mại, đầu tư quốc tế và phục hồi của nền kinh tế Thái Lan [132]. Đặc trưng của Toà SHTT và TMQT: Toà SHTT và TMQT có thẩm quyền độc quyền xét xử cả về hình sự và dân sự vụ án/vụ việc liên quan đến SHTT và TMQT kể cả những vụ án/vụ việc liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm cả lĩnh vực SHTT; Có thể áp dụng thủ tục rút gọn để đơn kháng cáo có thể gửi trực tiếp đến Toà SHTT và TMQT của Tòa án Tối cao nhằm khắc phục tình trạng chậm trễ giải quyết các vụ việc của Toà.

2.3.2.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Ở Nhật Bản, xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được chia thành xâm phạm trực tiếp và xâm phạm gián tiếp [128]. Hai loại hành vi này đều phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc dân sự hoặc cả hai. *Xâm phạm trực tiếp* lại gồm hai loại, xâm phạm trực tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu do sử dụng không được phép một nhãn hiệu và xâm phạm trực tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu ngoài loại sử dụng không được phép một nhãn hiệu. Các hành vi bị xếp vào loại *hành vi xâm phạm trực tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu do ngoài loại sử dụng không được phép một nhãn hiệu* có thể kể đến như: đóng gói lại hàng thật có chứa các sản phẩm mới của chủ sở hữu nhãn hiệu; bán hàng hoá của người khác đã bị tháo dỡ; xoá, tẩy nhãn hiệu; sửa lại hàng hoá. *Xâm phạm gián tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu* (quy định tại Điều 37 (ii-viii) Luật Nhãn hiệu) là những hành động chuẩn bị trước cho việc thực hiện hành vi xâm phạm. Nếu như việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thông thường không cần quan tâm đến những yêu cầu có tính chủ quan thì với hành vi xâm phạm gián tiếp cần phải được thiết lập cùng với yêu cầu bổ sung về tính chủ quan như "nhằm mục đích chuyển giao, phân phối hoặc xuất khẩu", "nhằm mục đích sử dụng nhãn hiệu", "trong việc cung cấp các dịch vụ", "nhằm mục đích để nhãn hiệu đó được sử dụng", "nhằm mục đích sử dụng nhãn hiệu đó hoặc để nhãn hiệu đó được sử dụng" và đặc biệt là những hoạt động chuẩn bị cho những hành vi chuẩn bị mà cần được thực hiện "trong hoạt động thương mại". Để bị coi là "trong hoạt động thương mại" thì không nhất thiết phải chứng minh liệu bên bị cho là xâm phạm quyền đó có mục đích lợi nhuận hay không mà chỉ cần nếu hành vi bị cho là xâm phạm đó đã được thực hiện một lần, khi chủ thể bị cho là xâm phạm quyền đó dự định tiếp tục lặp lại hành vi đó thì việc đó đã bị coi là "trong hoạt động thương mại" và theo đó cấu thành hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Nhật Bản có hệ thống cơ quan tư pháp giải quyết tranh chấp quyền SHTT mang tính chuyên biệt cao. Tòa cấp cao SHTT của Nhật Bản được thành lập đầu năm 2005 và hoạt động với tư cách là Toà chuyên trách về SHTT của Tòa cấp cao Tokyo (cấp tòa xét xử phúc thẩm).

Để hỗ trợ cho Toà chuyên trách trong việc giải quyết tranh chấp liên quan đến nhãn hiệu thì Cục trưởng Cục Sáng chế Nhật Bản có trách nhiệm đưa ra ý kiến về phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu làm cơ sở cho việc xác định hành vi xâm phạm quyền.

Với mục đích cải cách tư pháp, Luật Tổ tụng Dân sự Nhật Bản năm 2003 được sửa đổi để người dân thuận tiện hơn trong việc tiếp cận hệ thống toà án và đảm bảo các phán quyết của toà có chất lượng cao hơn. Một số thủ tục tố tụng dân sự được bổ sung, sửa đổi [122] theo hướng quy định linh hoạt, đơn giản riêng cho việc xử lý các tranh chấp SHTT. Cụ thể: toà khu vực Tokyo hoặc Osaka (tùy thuộc vào thẩm quyền chính của tòa đó ở phía Đông hay phía Tây Nhật Bản) được xét xử các vụ kiện liên quan đến nhãn hiệu do người khởi kiện nộp hồ sơ tới mà không cần quan tâm tới nơi xảy ra tranh chấp; thành lập ban chuyên môn của Toà cấp cao SHTT gồm 5 thẩm phán và các quyết định của ban chuyên môn có giá trị là tài liệu hướng dẫn việc giải quyết các vụ kiện tương tự có thể phát sinh trong tương lai nhằm tăng tính ổn định của pháp luật trong lĩnh vực SHTT.

Nhật Bản áp dụng hệ thống tòa giản lược (summary court) để giải quyết một số loại tranh chấp theo thủ tục rút gọn. Hiện tại, Nhật Bản có 438 Tòa giản. Tòa giản lược thông thường có 1 thẩm phán nhưng ở những thành phố lớn thì có thể có nhiều thẩm phán hơn.

Hải quan Nhật Bản có thẩm quyền đình chỉ việc thông quan hàng hóa bị nghi ngờ tại biên giới và xác định có hay không hàng hóa xâm phạm quyền SHTT [123]. Khi Hải quan nhận tiếp nhận yêu cầu đình chỉ thông quan đối với hàng hóa nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT từ chủ thể quyền, họ sẽ tổ chức một Hội đồng tư vấn chuyên gia SHTT để nghe về vụ việc nhằm bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch đối với quyết định chấp nhận hoặc từ chối đơn yêu cầu xử lý. Ngoài việc Hải quan Nhật Bản có thể chủ động ("hành động mặc nhiên") thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nhằm ngăn chặn xâm phạm và thu giữ hàng hóa xâm phạm.

2.3.2.4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc [126]

Theo pháp luật Hàn Quốc không chỉ hành vi xâm phạm trực tiếp quyền độc quyền của chủ nhãn hiệu mới bị coi là xâm phạm quyền mà những hành vi làm tiền đề cho hành vi xâm phạm như tạo điều kiện cho bên thứ ba thực hiện hành vi xâm phạm quyền cũng bị coi là hành vi xâm phạm QSHCH đối với NH.

Ở Hàn Quốc ngoài việc sử dụng biện pháp hòa giải, có thể theo đuổi một trong hai hoặc cả hai biện pháp xử lý xâm phạm quyền SHTT: biện pháp dân sự và khởi tố hình sự.

- *Hòa giải*: các tranh chấp về SHTT (trong đó bao gồm nhãn hiệu) do Ủy ban về tranh chấp SHTT giải quyết. Kết quả giải quyết của ủy ban có tính ràng buộc với các bên [26].

- *Biện pháp dân sự*: Các tranh chấp về SHTT được giải quyết tại Tòa án theo thủ tục như các tranh chấp dân sự thông thường. Nếu hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây thiệt hại đến uy tín kinh doanh của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được phép của chủ nhãn hiệu, chủ thể quyền có thể yêu cầu tòa án ra lệnh thực hiện bất kỳ biện pháp cần thiết nào để *khôi phục lại uy tín kinh doanh* của mình thay vì hoặc thêm vào với việc bồi thường thiệt hại.

- *Biện pháp hình sự*: Chủ thể quyền SHTT có thể nộp đơn yêu cầu khởi tố đối với những vụ xâm phạm quyền SHTT tại các tòa hình sự. Hình phạt đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể rất cao bao gồm tịch thu hàng hóa vi phạm, phạt tiền lên đến 100.000.000 KRW (tương đương với 200.000.000đ) và phạt tù lên đến bảy năm, quy trình xử lý có thể kéo dài và mất nhiều thời gian. Nếu hành vi xâm phạm được thực hiện bởi người đại diện, nhân viên của một pháp nhân thì pháp nhân đó cũng phải chịu phạt tiền như người phạm tội là cá nhân.

Chủ thể quyền có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng các lệnh khẩn cấp tạm thời để bảo vệ chứng cứ và ngăn chặn hành vi xâm phạm. Tuy nhiên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải được nộp trong thời hạn 3 năm kể từ khi thực hiện hành vi xâm phạm hoặc khi chủ thể quyền phát hiện ra hành vi xâm phạm.

Hàn Quốc coi trọng việc bảo vệ quyền SHTT và xử lý những cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm quyền SHTT. Để hỗ trợ cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT Hàn Quốc có cơ chế thưởng tiền với giá trị lớn cho những người phát hiện xâm phạm. Trên thực tế, ở Hàn Quốc có những người chuyên nghiệp làm công việc theo dõi, phát hiện các vụ việc xâm phạm quyền SHTT để báo cho chủ thể quyền, các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm.

2.3.2.5. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ [119]

Ở Hoa Kỳ, hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có thể bị xử lý dân sự, hình sự (bao gồm cả biện pháp kiểm soát biên giới do Cơ quan Hải quan tiến hành). Trừ một số trường hợp đặc biệt, có thể nói Hoa Kỳ không có cơ chế xử lý hành chính hành vi xâm phạm QSHTT.

Ở Hoa Kỳ cả hành vi xâm phạm trực tiếp và gián tiếp QSHCN đối với nhãn hiệu đều bị truy cứu trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, những người thực hiện hành vi xâm phạm gián tiếp không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm một cách ngay tình. Trong trường hợp người xâm phạm cam kết chỉ in ấn nhãn hiệu trong kinh doanh cho người khác và chứng minh là mình xâm phạm một cách ngay tình (không cố ý) thì họ chỉ bị phải chịu trách nhiệm dân sự cho hành vi in ấn của mình. Nếu tiếp tục lặp lại hành vi đó hoặc nếu yếu tố xâm phạm quyền nằm trong hay là một phần của đoạn quảng cáo phải trả tiền trên các phương tiện truyền thông như báo, tạp chí, những ấn phẩm định kỳ tương tự hoặc phương tiện truyền thông điện tử thì chế tài dân sự mà chủ thể quyền có thể yêu cầu áp dụng đối với nhà xuất bản, nhà phát hành các tài liệu đó chỉ giới hạn ở trường hợp họ lặp lại việc trình bày những quảng cáo như vậy trong tương lai trên những phương tiện truyền thông đó. Đương nhiên là giới hạn này chỉ áp dụng đối với những người thực hiện hành vi xâm phạm một cách ngay tình (không cố ý). Có thể thấy người in ấn nhãn hiệu hoặc nhà xuất bản, nhà phát hành không trực tiếp xâm phạm nhãn hiệu mà họ chỉ là người tạo tiền đề cho người thuê in ấn, người thuê quảng cáo (người cố ý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu) thực hiện hành vi xâm phạm [118].

Khi xâm phạm QSHCN ở mức độ giả mạo nhãn hiệu và được thực hiện một cách cố ý để bán, chào bán, hoặc phân phối hàng hóa, dịch vụ trong thương mại hoặc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết cho việc thực hiện những hành vi nêu ngay trên, với dự định rằng người tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ đó sẽ sử dụng chúng để thực hiện hành vi xâm phạm thì Tòa án có thể theo yêu cầu của chủ thể quyền thực hiện việc bắt giữ hàng hóa và nhãn hiệu giả mạo cũng như các phương tiện được sử dụng để tạo ra nhãn hiệu giả mạo và các tài liệu chứng minh việc sản xuất, bán.

Khoản tiền bồi thường luật định (theo lựa chọn của nguyên đơn thay cho tiền bồi thường thiệt hại và lợi nhuận thực tế), có số lượng không nhỏ hơn 1.000USD hoặc lớn hơn 200.000USD cho mỗi nhãn hiệu vi phạm trên mỗi loại hàng hóa, dịch vụ được bán, chào bán hoặc phân phối mà Tòa án thấy là hợp lý. Nếu tòa thấy rằng, việc vi phạm là cố ý, khoản tiền bồi thường luật định sẽ không nhiều hơn 2.000.000USD cho mỗi nhãn hiệu giả mạo trên mỗi loại hàng hóa, dịch vụ được bán, chào bán hoặc phân phối, nếu tòa thấy là hợp lý.

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị truy cứu trách nhiệm hình sự là hành vi đưa vào thị trường nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu chứng nhận giả mạo. Pháp luật Hoa Kỳ xử lý rất nặng đối với những hành vi giả mạo nhãn hiệu, có thể áp dụng đồng thời phạt tù (không quá 10 năm) và phạt tiền (không quá 2.000.000USD với cá nhân, 5.000.000USD với tổ chức), tái phạm lần thứ hai hoặc tiếp ngay sau đó mức phạt tù tối đa lên tới 20 năm và mức phạt tiền có thể lên đến 5.000.000USD với cá nhân, 15.000.000USD đối với tổ chức.

Pháp luật Hoa Kỳ cho phép hoạt động của các văn phòng điều tra tư nhân. Những người này hoạt động như "đôi mắt, đôi tai" của chủ thể quyền. Họ theo dõi hàng giả, thông tin kịp thời cho các cơ quan thực thi có thẩm quyền. Họ thay mặt chủ thể quyền hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền nhận biết hàng thật - giả... Các văn phòng điều tra tư góp phần rất quan trọng trong sự thành công của hệ thống thực thi quyền SHTT của Hoa Kỳ [117].

2.3.3. Các giá trị tham khảo cho Việt Nam trong hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Các nội dung về thực thi quyền SHTT trong các điều ước quốc tế có ảnh hưởng mạnh mẽ đến pháp luật của Việt Nam do chúng ta có nghĩa vụ thực hiện các cam kết quốc tế tức là phải đảm bảo sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Thêm vào đó, việc học hỏi kinh nghiệm lập pháp cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của nước ngoài là rất cần thiết, đặc biệt với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra những giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở những nội dung:

- Các hiệp định thương mại đa phương nghiên cứu trong Chương 2 cho

thấy xu hướng nâng cao yêu cầu về thực thi quyền SHTT nói chung và xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng.

- Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên môi trường số phải bị xử lý như đối với các hành vi xâm phạm thông thường và các nhà cung cấp dịch vụ internet cũng phải chịu trách nhiệm khi người sử dụng mạng có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nếu những vi phạm đó không nằm trong nội dung được miễn trừ đối với nhà cung cấp dịch vụ internet.

- Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được thực hiện không chỉ với người trực tiếp thực hiện hành vi mà những người hỗ trợ, giúp sức, xúi bẩy, tạo điều kiện cho người khác thực hiện hành vi xâm phạm cũng phải chịu trách nhiệm đặc biệt là trong trường hợp giả mạo nhãn hiệu.

- Trong bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN gây ra phải phân hoá được trách nhiệm của người thực hiện hành vi (vi phạm có ý thức: cố ý vi phạm hoặc có căn cứ hợp lý để biết đã vi phạm và vi phạm vô tình: không biết hoặc không có căn cứ hợp lý để biết rằng đã vi phạm).

- Để giảm thiểu nguy cơ không thể khắc phục được thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như ngăn chặn việc tẩu tán hoặc tiêu huỷ tang vật xâm phạm cần cho phép áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi chủ thể quyền tiến hành các thủ tục tố tụng. Hiện nay Việt Nam chỉ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi và sau khi khởi kiện khiến chủ thể quyền gặp nhiều khó khăn trong việc thu thập chứng cứ cũng như hàng hoá mang nhãn hiệu bị xâm phạm có thể bị tẩu tán.

- Trong những trường hợp nhất định có thể áp dụng thay thế một số biện pháp xử lý người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp bồi thường bằng tiền để bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu nhãn hiệu; việc quy định khoản tiền bồi thường luật định ở Hoa Kỳ (theo lựa chọn của nguyên đơn thay cho tiền bồi thường thiệt hại và lợi nhuận thu được do hành vi xâm phạm nhãn hiệu gây ra) là rất cần thiết để đỡ gánh nặng cho chủ thể quyền trong việc chứng minh thiệt hại cũng như xác định lợi nhuận bất hợp pháp của người có hành vi xâm phạm.

- Xu hướng tập trung thẩm quyền xét xử về SHTT vào một số tòa án là

một trong những nỗ lực của các nước trong việc đẩy mạnh hiệu quả hoạt động xử lý xâm phạm QSHTT. Việc thành lập toà án chuyên trách SHTT như ở Nhật Bản, Thái Lan và áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử những tranh chấp liên quan đến xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể hiện rõ sự nhanh chóng, hiệu quả, chất lượng trong xử lý các hành vi xâm phạm nhãn hiệu.

- Việc quy định người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải thực hiện những biện pháp nhằm khôi phục danh dự, uy tín cho chủ thể quyền là một kinh nghiệm hay vì một mặt khiến người thực hiện hành vi xâm phạm phải có trách nhiệm hơn đối với thiệt hại do mình gây ra, góp phần khắc phục những thiệt hại cho chủ thể quyền gây ra, mặt khác có tác dụng giáo dục, tuyên truyền nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm.

- Việc xác định căn cứ để một vụ việc xâm phạm quyền bị xử lý hình sự là dựa vào giá trị của hàng hoá như ở Trung Quốc cũng là một vấn đề chúng ta có thể nghiên cứu học tập vì ở Việt Nam hiện nay việc xác định căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự tội xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu theo Điều 171 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi năm 2009 là thực hiện ở quy mô thương mại nhưng thực tế việc xác định thế nào bị coi là "quy mô thương mại" gặp rất nhiều khó khăn, bế tắc dẫn đến tình trạng các vụ việc xâm phạm nhãn hiệu khi xử lý hình sự thường áp dụng quy định về tội làm hàng giả. Việc thành lập các trung tâm khiếu kiện để tập trung đầu mối, tạo thuận lợi cho các chủ thể yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHTT, thành lập toà chuyên trách SHTT ở một số trung tâm kinh tế để xét xử phúc thẩm các tranh chấp liên quan đến nhãn hiệu ở Trung Quốc cũng là một gợi ý đáng nghiên cứu cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện cơ chế thực thi quyền SHTT đối với nhãn hiệu.

- Cơ chế hoà giải tiền tố tụng (dù không có giá trị pháp lý, không ràng buộc các bên liên quan) tại cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia ở Thái Lan hoặc tại Ủy ban giải quyết tranh chấp SHTT ở Hàn Quốc nhằm tạo điều kiện cho các bên tự giải quyết vụ việc một cách nhanh chóng, hiệu quả, giảm tải cho các cơ quan xét xử cũng là một kinh nghiệm đáng tham khảo vì ở Việt Nam hiện nay các thẩm phán còn ít kinh nghiệm trong xét xử tranh chấp SHTT do có ít vụ việc được mang tới toà yêu cầu xử lý.

Kết luận Chương 2

1. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Nội dung pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật rất đa dạng từ pháp luật SHTT, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật hành chính, pháp luật hải quan, pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật tố tụng dân sự, hình sự... nên tính ổn định không cao, dễ xảy ra tình trạng không thống nhất. Hình thức thể hiện của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều văn bản quy phạm pháp luật với các thứ bậc khác nhau, liên quan đến nhiều luật chuyên ngành khác nhau. Pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật có những đặc trưng riêng do đặc thù của lĩnh vực SHTT quyết định.

2. Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau, dựa trên những nguyên tắc nhất định và bằng các hình thức, biện pháp khác nhau trên cơ sở cụ thể hóa ý chí của nhà nước và nguyện vọng của nhân dân. Mục tiêu hoàn thiện pháp luật là làm cho hệ thống pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu toàn diện, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, có tính khả thi cao, có sự đổi mới căn bản, có đầy đủ các chế định pháp luật và hệ thống quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đáp ứng được yêu cầu quản lý và duy trì trật tự pháp luật SHTT ổn định, trong khuôn khổ pháp luật, đáp ứng được yêu cầu bảo vệ QSHTT, quyền con người, khuyến khích hoạt động kinh doanh cạnh tranh lành mạnh cũng như cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3. Để xác định được mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau, trong đó có các tiêu chí chung là : tính toàn diện, tính thống nhất, tính đồng bộ, tính phù hợp, tính khả thi, tính minh bạch, công khai và dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp cao; các tiêu chí đặc thù: đảm bảo cân bằng lợi ích của

chủ thể quyền, người tiêu dùng và lợi ích của xã hội, công bằng, thủ tục đơn giản và không quá tốn kém, phù hợp với pháp luật quốc tế.

4. Quá trình hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, do đó, Nhà nước cần có các điều kiện để đảm bảo cho quá trình đó được hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần có những điều kiện đảm bảo về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, điều kiện về kinh tế - xã hội, điều kiện về năng lực, nhân lực của cơ quan có thẩm quyền, điều kiện về ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý.

5. Nghiên cứu các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong các điều ước quốc tế cũng như pháp luật của các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, là những nước có hệ thống SHTT phát triển hoặc có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam là cơ hội để rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết quốc tế, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng đòi hỏi của hoạt động quản lý xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương 3

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM

3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

So với lịch sử hình thành và phát triển về pháp luật bảo hộ trên thế giới, ở Việt Nam, pháp luật bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng chậm phát triển do những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung chỉ thực sự được quan tâm và có bước phát triển khi Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế, sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

3.1.1. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam giai đoạn trước khi ban hành Luật Sở hữu trí tuệ 2005

3.1.1.1. Giai đoạn từ năm 1981 - 1988

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, Đảng và Nhà nước ta có rất nhiều việc phải làm để ổn định đời sống nhân dân, khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước xây dựng đất nước. Thời kỳ này quyền sở hữu trí tuệ vẫn chưa nhận được sự quan tâm của Nhà nước và xã hội. Các quy định pháp luật về bảo hộ QSHTT ở nước ta bắt đầu được ban hành từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và từng bước hoàn thiện theo thời gian [113].

Các văn bản pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này gồm có: Pháp lệnh số 7-LCT/HĐNN của Hội đồng Nhà nước ngày 10/7/1982 về trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép; Nghị định số 197/HĐBT Hội đồng Bộ trưởng quy định Điều lệ nhãn hiệu hàng hoá ban hành ngày 14/12/1982; Nghị định số 46-HĐBT của Hội đồng Bộ

trưởng ngày 10/5/1983 quy định việc xử lý hành chính các hành vi buôn lậu, đầu cơ, làm hàng giả và kinh doanh trái phép; Nghị định số 104-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng ngày 08/9/1986 sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT; Bộ luật Hình sự 1985.

Đánh giá pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn 1981-1988

Mặc dù là những văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chứa đựng các quy phạm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nhưng các văn bản pháp luật thời kỳ này cũng đã bước đầu điều chỉnh được những nội dung cơ bản liên quan đến nhóm quy phạm pháp luật về xác định hành vi xâm phạm nhãn hiệu; xác định các chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu; xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính, hình sự, cụ thể là:

- Pháp luật đã có quy định hành vi xâm phạm nhãn hiệu được coi là một trong các dạng hành vi làm hàng giả và hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi đó. Hành vi bị coi là vi phạm độc quyền của chủ nhãn hiệu hàng hoá là hành vi sử dụng nhãn hiệu hàng hoá của người khác mà không được phép hoặc sử dụng những dấu hiệu giống hoặc tương tự có khả năng làm người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác cho các loại hàng hoá đã được liệt kê trong danh mục đều bị quy thành hành vi làm hàng giả. Tuy không xuất hiện chỗ nào trong Điều lệ nhãn hiệu ban hành kèm theo Nghị định số 197/HĐBT khái niệm về hàng giả nhưng từ mục đích của điều lệ này "*Để thống nhất quản lý nhãn hiệu... chống làm hàng giả và kinh doanh trái phép*" [56; 58] có thể suy luận rằng hàng giả chính là hàng hoá có mang dấu hiệu giống hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ độc quyền cho người khác mà không được người này cho phép.

- Về quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu, khi bị xâm phạm độc quyền, chủ nhãn hiệu hàng hoá có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý người vi phạm.

- Hành vi xâm phạm nhãn hiệu trong giai đoạn này nếu có thì chủ yếu bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự thông qua tội làm hàng giả, buôn bán hàng giả. Pháp luật đã quy định nguyên tắc để phân định ranh giới xử lý

bằng biện pháp hành chính và biện pháp hình sự đối với hành vi xâm phạm nhãn hiệu tùy theo mức độ vi phạm người vi phạm nhãn hiệu hàng hoá.

Căn cứ để phân định một hành vi làm hàng giả bị xử lý hình sự hay xử lý hành chính là dựa vào việc xác định hành vi đó có coi là "vi phạm nhỏ" hay không theo quy định tại Điều 1 Nghị định 46-HĐBT, theo đó, *"vi phạm nhỏ là vi phạm trong trường hợp giá trị hàng phạm pháp dưới 2 vạn đồng (20 nghìn đồng) tính chất của việc vi phạm không nghiêm trọng; tác hại gây ra cho sản xuất và đời sống nhân dân, trật tự và an toàn xã hội không nhiều; người vi phạm không có tiền án, tiền sự; khi bị phát hiện không có hành động chống lại cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ"* [57]. Đối với những vụ việc khó xác định là vi phạm nhỏ hay tội phạm thì cơ quan xử lý hành chính phải trao đổi ý kiến với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Nếu Viện kiểm sát nhân dân xét thấy cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan xử lý hành chính chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát nhân dân. Tuy nhiên, nếu hàng giả thuộc loại lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh thì trong bất cứ trường hợp nào cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Điểm đáng ghi nhận của pháp luật xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này là đã nhìn nhận hành vi xâm phạm độc quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá của chủ sở hữu nhãn hiệu là hành vi nguy hiểm cho xã hội và phải bị xử lý thậm chí bằng biện pháp hình sự (Điều 167 Bộ Luật Hình sự 1985 Tội làm hàng giả và buôn bán hàng giả).

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, do mới hình thành, còn thiếu kinh nghiệm xây dựng pháp luật cũng như các vụ việc cần sự điều chỉnh của pháp luật chưa nhiều nên pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này còn có tính chất rất sơ khai, bộc lộ những hạn chế như:

- Chưa có quy định về những trường hợp ngoại lệ không bị coi là làm giả nhãn hiệu.

- Hành vi xâm phạm QSHCN bị truy cứu trách nhiệm hình sự chung với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả quy định tại Điều 167 Bộ luật Hình sự 1985 trong khi bản chất, tính chất, mức độ vi phạm của các hành vi này là khác nhau.

- Xuất phát từ việc nhãn hiệu chưa được coi là một loại tài sản của cá

nhân nên không thấy xuất hiện biện pháp dân sự khi xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Điều đó đồng nghĩa với chủ nhãn hiệu không được bồi thường thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm nhãn hiệu.

- Các quy định về trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, xác định giá trị hàng hoá bị xâm phạm, xác định giá trị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra còn chưa cụ thể, đầy đủ.

- Không có quy định bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi họ bị thiệt hại do hành vi xâm phạm nhãn hiệu gây ra.

- Chưa có quy định về hoạt động hỗ trợ việc xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu; quy định về kiểm soát biên giới đối với hàng hoá xâm phạm nhãn hiệu cũng như quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.

3.1.1.2. Giai đoạn từ năm 1989 - 1995

Những văn bản pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này gồm: Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 11/02/1989; Nghị định số 140/HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về việc kiểm tra, xử lý hoạt động sản xuất buôn bán hàng giả; Pháp luật thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989. Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 03/NCPL ngày 22/7/1989 hướng dẫn xét xử một số tranh chấp về QSHCN. Ngoài ra Luật Hình sự 1985 vẫn tiếp tục có hiệu lực để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm nhãn hiệu.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này điều chỉnh những nhóm quy phạm sau: hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những trường hợp ngoại lệ; chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gồm biện pháp hành chính, hình sự; các chủ thể có thẩm quyền xử lý, trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; mức phạt đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; xử lý hàng hoá xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; quy định về thưởng tiền cho cá nhân, tổ chức phát hiện và tố cáo hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Đánh giá pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn 1989-1995

Sự ra đời của Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28/01/1989 đã đánh dấu bước phát triển mới trong lĩnh vực bảo hộ QSHCN nói chung và bảo hộ nhãn hiệu nói riêng. Các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã được quy định rõ ràng, đầy đủ hơn thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với hoạt động bảo vệ QSHTT nói chung thông qua việc hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hộ QSHTT và xử lý hành vi xâm phạm QSHTT. Lần đầu tiên thẩm quyền giải quyết tranh chấp về SHCN nói chung nhãn hiệu nói riêng được dành cho toà án [99, tr.191].

Những nhóm quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung gồm có:

- Nhà nước chính thức tuyên bố việc công nhận và bảo hộ QSHCN của tổ chức nhà nước, tập thể và tư nhân có tư cách pháp nhân (tổ chức) và cá nhân; chủ văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá có quyền yêu cầu toà án xét xử hành vi xâm phạm QSHCN của mình; hành vi sử dụng một dấu hiệu hoặc tên gọi giống với nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ đến mức có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, gây thiệt hại cho quyền lợi của chủ Văn bằng bảo hộ thì bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hàng hoá đó. Những trường hợp sử dụng nhãn hiệu hàng hoá nhưng không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá cũng đã được quy định rõ phù hợp với thực tiễn thương mại [60, Điều 12]. Hàng mang nhãn hiệu xâm phạm QSHCN được coi là một dạng hàng giả [59, Khoản 2 Điều 4].

- Hàng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được coi là một dạng của hàng giả và chịu sự điều chỉnh của pháp luật xử lý việc sản xuất, buôn bán hàng giả.

- Chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã được bổ sung thêm đối tượng là người tiêu dùng [59, Điều 5].

- Các biện pháp xử lý đối với người thực hiện hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu hàng hoá được quy định cụ thể gồm xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự [60, Điều 31]. Trường hợp xử lý xâm phạm thông qua toà án thì toà án cấp tỉnh hoặc tương đương có thẩm quyền xử lý;

nếu một trong hai bên đương sự là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài thì Toà án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm xét xử.

- Các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính, trình tự, thủ tục xử lý hành chính, cách thức xử lý đối với hàng hoá khi kết luận đúng là hàng giả, mức xử phạt [60, Điều 6, 10-15] được xác định rõ.

- Lần đầu tiên xác định mặt chủ quan của hành vi xâm phạm là nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh [104, II.1.c). Cũng năm 1989, Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 03/NCPL ngày 22/7/1989 hướng dẫn xét xử một số tranh chấp về QSHCN. Theo Thông tư này, giải quyết khiếu nại việc xâm phạm QSHCN (khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh bảo hộ QSHCN) thuộc thẩm quyền xét xử của toà án nhân dân.

Bên cạnh các ưu điểm, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn tồn tại những hạn chế:

Những hạn chế của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong giai đoạn 1981-1989 vẫn chưa được khắc phục như: tổ chức, cơ chế hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chưa được quy định; trong giai đoạn này biện pháp kiểm soát biên giới về SHTT chưa được đưa vào trong Pháp lệnh Hải quan năm 1990; chưa quy định cụ thể về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN bằng biện pháp dân sự, bồi thường thiệt hại, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong xử lý xâm phạm...; bất cập trong truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn chưa được khắc phục.

3.1.1.3. Giai đoạn từ năm 1995 - 2005

Giai đoạn này cũng là thời kỳ Việt Nam nỗ lực để đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Vì lẽ đó, hàng loạt các văn bản pháp luật quốc gia đã được sửa đổi, bổ sung, quy định mới để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Các văn bản pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với giai đoạn này bao gồm: Bộ luật Dân sự 1995, Nghị định số 63/CP của Chính phủ

ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về quyền SHCN, Nghị định số 12/CP của Chính phủ ngày 6/03/1999 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, Bộ luật Hình sự số 1999, Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, Thông tư liên tịch số 129/2004/TTLT/BTC-BKHCN hướng dẫn thi hành các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả và Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BTC-BCA-BKHCNMT ngày 27/4/2000 nhằm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg (Thông tư liên tịch số 10). Ngoài ra, về trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì có các văn bản pháp luật thủ tục của các chuyên ngành tương ứng điều chỉnh như Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Bộ luật tố tụng hình sự 1988.

Có thể thấy về cơ bản quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn 1995-2005 điều chỉnh các nhóm quy phạm như: xác định hành vi xâm phạm; chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm; các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu; tổ chức và hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp.

Đánh giá pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn 1995-2005

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong giai đoạn này có bước phát triển mới đánh dấu bằng sự ra đời của một văn bản pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đời sống xã hội của Việt Nam là Bộ luật Dân sự (1995). Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, QSHTT được Nhà nước thừa nhận là một loại quyền dân sự. Có thể nói, cùng với việc ban hành Bộ luật Dân sự (1995) pháp luật về SHCN chuyển

sang giai đoạn mới - giai đoạn từng bước hội nhập với khu vực và thế giới [96, tr.42-48]. Cơ bản các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN trong các lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự, hải quan đã được ban hành; các văn bản hướng dẫn chi tiết áp dụng cũng được ban hành đầy đủ về hình thức.

Lần đầu tiên pháp luật cũng ghi nhận sự xuất hiện của các chủ thể đặc biệt tham gia vào quá trình hỗ trợ chủ thể đối tượng SHCN thực hiện các thủ tục xác lập và bảo vệ quyền SHCN (trong đó có việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với NH) là tổ chức đại diện SHCN và người đại diện SHCN, tổ chức giám định SHCN và giám định viên SHCN.

Lần đầu tiên thuật ngữ "hàng hoá giả mạo nhãn hiệu" xuất hiện trong hệ thống văn bản pháp luật. Hàng hoá giả mạo nhãn hiệu là một trường hợp đặc biệt của hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hoá.

Bộ luật Hình sự năm 1999 đã quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong 4 điều. Lần đầu tiên tội xâm phạm QSHCN (Điều 171) được đưa vào Bộ luật Hình sự và phân biệt với các tội liên quan đến hàng giả (Điều 156-158) chứng tỏ Nhà nước đánh giá hành vi xâm phạm QSHCN gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội và việc áp dụng chế tài hành chính không đủ để trừng trị và răn đe người xâm phạm nên cần thiết phải áp dụng chế tài mạnh hơn đó là chế tài hình sự.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã phân biệt sự khác nhau giữa hàng giả về hình thức (hàng xâm phạm QSHCN) và hàng giả về nội dung [14] và quy định những trách nhiệm pháp lý tương ứng đối với những chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm tương ứng.

Cũng trong giai đoạn này Luật Hải quan năm 2001 đã lần đầu tiên có quy định về việc tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu có yêu cầu bảo vệ QSHTT. Thủ tục, trình tự tạm dừng thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được quy định chi tiết.

Bên cạnh những phát triển về chất nêu trên, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giai đoạn này vẫn còn một số những hạn chế gây khó khăn cho quá trình xử lý hành vi xâm phạm như sau:

- Các quy định về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn nằm trong các văn bản pháp luật, thuộc các chuyên ngành khác nhau, thiếu các quy định cụ thể điều chỉnh cho lĩnh vực đặc thù là xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đồng thời việc sửa đổi, bổ sung những nội dung không tương thích giữa các văn bản thuộc các ngành luật khác nhau cũng khó được thực hiện cùng lúc do việc sửa đổi, bổ sung mỗi văn bản pháp luật đều cần phải trải qua những thủ tục nhất định.

- Quy định về xử lý hành vi chính hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể hiện sự bất hợp lý về nguyên tắc pháp luật do đã coi mọi hành vi xâm phạm QSHCN đều bị coi là hành vi vi phạm hành chính [15, Khoản 2 Điều 2] trong khi bản chất của QSHCN đối với nhãn hiệu là quyền dân sự, được bảo hộ theo các nguyên tắc của quyền dân sự [29].

- Nội dung các quy định về xử lý hình sự hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn chưa đủ chi tiết để có thể thực thi hiệu quả trong thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên [53], cụ thể là khó khăn trong việc phân loại "hàng giả" để xác định điều luật truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi xâm phạm, không có tiêu chí hướng dẫn xác định "hậu quả nghiêm trọng" để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 171 Bộ luật Hình sự 1999.

- Vẫn chưa khắc phục được hạn chế đã tồn tại ở giai đoạn trước, cụ thể là có quy định về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền gây ra, cách thức tính toán giá trị hàng hoá xâm phạm, các thời hạn giải quyết trong quá trình áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Những hạn chế này cũng là những điểm còn chưa phù hợp giữa hệ thống pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những quy định tối thiểu của Hiệp định TRIPS mà Việt Nam bắt buộc phải đảm bảo sự tương thích để có thể gia nhập WTO.

3.1.2. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam từ thời điểm ban hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005

Đối với Việt Nam, việc xây dựng và duy trì một hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ hữu hiệu là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) [16]. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của QSHTT (TRIPS) - WTO buộc chúng ta phải đạt được hai chuẩn mực lớn về nội dung bảo hộ (tính đầy đủ) và về hiệu lực thực thi pháp luật (tính hiệu quả) của hệ thống SHTT hiện hành [24].

Giai đoạn này đánh dấu bằng sự ra đời của Luật Sở hữu trí tuệ [84] - đạo luật chuyên ngành thống nhất đầu tiên ở Việt Nam chứa đựng các quy phạm nguồn cơ bản điều chỉnh các quan hệ về SHTT. Luật SHTT được xây dựng trên nguyên tắc tạo ra một đạo luật thống nhất chuyên ngành về SHTT, quy định cụ thể để hạn chế các văn bản dưới luật và tạo thuận lợi cho các chủ thể thi hành, trong đó bao quát được cơ bản những vấn đề đặc thù của quan hệ pháp luật SHTT. Trong mối quan hệ với các đạo luật khác, Luật SHTT được xây dựng theo tinh thần tránh chồng chéo, mâu thuẫn, những vấn đề đặc thù mà pháp luật chung không điều chỉnh hoặc không phù hợp thì quy định cụ thể trong Luật SHTT. Luật SHTT đã dành hẳn Phần thứ Năm từ Điều 198 đến Điều 219 để quy định về bảo vệ QSHTT. Rất nhiều những vấn đề đặc thù của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHTT đã được quy định cụ thể trong phần này như giám định về SHTT, quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự, biện pháp xử lý chủ thể có hành vi xâm phạm QSHTT đặc thù riêng của lĩnh vực này, nguyên tắc xác định thiệt hại, căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại, biện pháp khẩn cấp tạm thời...

Giai đoạn sau năm 2005 chứng kiến sự ra đời và sửa đổi, bổ sung của rất nhiều văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bao gồm: Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi năm 2009); Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về SHCN; Nghị định số

105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về SHTT, được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010; Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN; Thông tư 37/2011/TT-BKHCN, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN; Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/9/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN; Thông tư 11/2015/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN; Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên SHCN và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp và được sửa đổi bằng Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009, Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13/02/2012; Thông tư số 05/2016/TTLT-BKHCN-BKHĐT ngày 05/4/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm QSHCN; Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi một số điều của Bộ luật Hình sự; Bộ luật Dân sự 2015; Luật Hải quan 2014, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29/02/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm QSHTT; Thông tư liên tịch số 02/2008/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về QSHTT tại toà án nhân dân; Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ QSHTT; kiểm soát hàng giả và hàng hoá xâm phạm QSHTT; Thông tư số 05/2016/TTLT-BKHCN-BKHĐT

về xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền SHCN; Thông tư số 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN ngày 08/6/2016 hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về SHTT; Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2012.

Đánh giá pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu từ năm 2005 đến nay.

Giai đoạn này đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hoạt động hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Một khối lượng văn bản đồ sộ đã ra đời với sự tăng lên cả về chất lượng và số lượng. Cơ bản các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm đối với nhãn hiệu đã khắc phục được những hạn chế, bất cập của pháp luật giai đoạn trước. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chứa đựng tương đối đầy đủ các nhóm quy phạm thuộc nội dung của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đáp ứng yêu cầu của các điều ước quốc tế có nội dung về SHTT hiện đang có hiệu lực tại Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và đồng bộ để tổ chức việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, từng bước bảo vệ có hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút đầu tư, tạo lập uy tín của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế [34].

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được nêu trên, do lĩnh vực SHTT vẫn là lĩnh vực mới nên quá trình xây dựng pháp luật về SHTT nói chung, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN nói riêng là quá trình hoàn thiện dần dần, vừa làm vừa học hỏi, rút kinh nghiệm. Như có người đã nói “thực tế cuộc sống luôn vượt ra khỏi những dự liệu của các nhà làm luật”. Hiện tại có một số quy định pháp luật sau quá trình áp dụng trên thực tế bộc lộ những điểm chưa phù hợp, không có tính khả thi cần phải được sửa đổi, quy định mới, có những quy định không đảm bảo yêu cầu về tính thống nhất, có những bất cập kéo dài từ những giai đoạn trước nhưng vẫn chưa được khắc phục. Hơn nữa, gần đây Việt Nam gia nhập nhiều FTA thế hệ mới có chứa đựng những cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cao hơn nhiều so với chuẩn mực quốc tế phổ biến hiện nay là Hiệp định TRIPS của WTO [47] nên có những quy định của pháp luật hiện tại

vẫn còn thiếu hoặc chưa phù hợp với các cam kết quốc tế cần phải bổ sung hoàn thiện trong pháp luật quốc gia.

3.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM

3.2.1. Nội dung điều chỉnh của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, quy định căn cứ xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và những trường hợp ngoại lệ

Khi xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vấn đề quan trọng cốt yếu là phải xác định được hành vi xâm phạm nhãn hiệu. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã quy định tương đối đầy đủ căn cứ pháp lý để xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở cấp độ luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu quy định căn cứ xác định hành vi xâm phạm [84, Điều 129], hướng dẫn căn cứ xác định hành vi, tính chất và mức độ xâm phạm nhãn hiệu [17; 20, Điều 5, 6, 11], những hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu bị xử lý vi phạm hành chính [22, Điều 11-13], quy định những trường hợp được loại trừ không bị coi là hành vi xâm phạm thông qua nội dung về giới hạn quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu [84, Điều 125]; khái niệm hàng giả là cơ sở pháp lý cho việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính và hình sự [84, Điều 213].

Ngoài ra, do nhãn hiệu là một dạng chỉ dẫn thương mại [84, Điều 130] trong khi có nhiều đối tượng khác như tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý cũng có thể thực hiện chức năng là chỉ dẫn thương mại và cũng được bảo hộ với tư cách là một đối tượng SHTT độc lập với nhãn hiệu nên trong quá trình các đối tượng này được sử dụng trên thực tế có thể xảy ra hiện tượng xung đột quyền với nhãn hiệu. Vì lẽ đó pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu cũng có những quy định để giải quyết tình huống xung đột quyền này [84, Điều 7] [17, Điều 17].

Tuy nhiên, một nội dung rất quan trọng có giá trị tiền đề cho việc xác định

hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì là phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu thì lại chưa được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể. Chỉ khi xác định được rõ phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu được cho là đang bị xâm phạm quyền thì mới xác định được dấu hiệu đang bị xem xét có thực sự xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu đó hay không.

Thứ hai, quy định các chủ thể có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

QSHCN đối với nhãn hiệu là một loại quyền tài sản. Khi tài sản bị xâm phạm thì người đầu tiên có quyền, tự bảo vệ tài sản, yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm tài sản của họ chính là chủ sở hữu tài sản. Người nắm giữ quyền đối với nhãn hiệu gồm có chủ sở hữu nhãn hiệu là tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hoặc có nhãn hiệu đã đăng ký quốc tế được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc có nhãn hiệu nổi tiếng có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [84, Điều 121].

Do tính đặc biệt của tài sản nhãn hiệu là đồng thời cùng một lúc ngoài chủ sở hữu nhãn hiệu thì còn có các chủ thể khác (bên nhận chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu [84, Điều 141]) có thể cùng lúc sử dụng nhãn hiệu nên việc một chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ gây thiệt hại không chỉ cho chủ sở hữu nhãn hiệu mà còn cho những người đang được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép sử dụng nhãn hiệu một cách hợp pháp. Bởi vậy, những người này cũng có quyền ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu mà họ đang được quyền sử dụng.

Các chủ thể QSHCN đối với NH (gồm chủ sở hữu nhãn hiệu và người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép sử dụng) có quyền áp dụng các biện pháp để tự bảo vệ [84, Điều 198], [20, Điều 22-27].

Do chức năng của nhãn hiệu là để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các chủ thể kinh doanh với nhau và đối tượng nhãn hiệu tác động tới là người tiêu dùng, nhãn hiệu giúp họ có thể nhận biết nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ nên khi nhãn hiệu bị xâm phạm, mất khả năng phân biệt thì người tiêu dùng cũng là đối tượng bị thiệt hại. Thiệt hại không chỉ ảnh hưởng tới người tiêu dùng cụ thể mà rộng hơn còn ảnh hưởng tới môi trường cạnh tranh những tổ chức, cá nhân bị

thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hoặc phát hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội thì có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền đại diện người tiêu dùng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng gây thiệt hại lợi ích cho Nhà nước, nhiều người tiêu dùng, lợi ích công cộng [88, Điều 25].

Thứ ba, quy định biện pháp xử lý dân sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Do bản chất của quan hệ pháp luật SHCN đối với nhãn hiệu là quyền dân sự nên biện pháp dân sự là phù hợp nhất để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự được quy định theo nguyên tắc những nội dung đặc thù liên quan trực tiếp đến QSHTT được quy định cụ thể trong Luật SHTT, những thủ tục, trình tự chung thì áp dụng theo thủ tục tố tụng dân sự chung.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự quy định về những vấn đề như thẩm quyền áp dụng biện pháp dân sự để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được pháp luật quy định cho hệ thống toà án nhân dân [92, Điều 26 Khoản 4, Điều 30 Khoản 2]; các biện pháp xử lý, quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự, nguyên tắc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại, quyền yêu cầu toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cách thức xử lý khi huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời [84, Điều 202 - 210], [91, Điều 11 - 14], [92].

Thứ tư, quy định biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính quy định về những vấn đề như thẩm quyền xử lý bằng biện pháp hành chính đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gồm

Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải quan, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, Công an kinh tế [22, Điều 15-21]. Nghị định 99/2013/NĐ-CP còn mở rộng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Hải quan tới những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên hàng hoá quá cảnh [22, Điều 12 Khoản 1a].

Mặc đã có sự phân định thẩm quyền của các cơ quan thực thi hành chính trong hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nhưng với thực tế là có rất nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền xử lý xâm phạm thì rất cần thiết phải có cơ chế điều chỉnh mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này nhằm tránh được tình trạng chồng chéo trong hoạt động đồng thời các cơ quan hỗ trợ được nhau trong quá trình xử lý hành vi xâm phạm [22, Điều 29].

Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được gồm có hình thức xử phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền và các hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu hàng hoá giả mạo về SHTT, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về SHTT hoặc đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm [84, Điều 214]. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi xâm phạm gây ra. Hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thủ tục nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm, thẩm quyền, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử lý vi phạm, thẩm quyền xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, cách thức xử lý hàng hoá xâm phạm được quy định tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP và Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN.

Thứ năm, quy định biện pháp xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Biện pháp hình sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu trong trường hợp hành vi đó có yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hình sự tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính khi phát hiện hành vi xâm phạm có dấu hiệu tội phạm thì chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự [87, Điều 62]. Trong trường hợp vụ việc đã được cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý nhưng sau đó lại quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Thẩm quyền xử lý hình sự hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự.

Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), theo đó, hành vi cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ sáu, quy định biện pháp kiểm soát biên giới đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu quy định các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ (gồm biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan và kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu), nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ [84, Điều 216, 217]. Người yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới về SHTT phải chứng minh tư cách chủ thể quyền, cung cấp thông tin để xác định hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí phát sinh nếu thực thể sau khi kiểm soát không phát hiện có hành vi xâm phạm, phải nộp phí, lệ phí cho việc kiểm soát này. Bên cạnh Luật SHTT, trong Luật Hải quan năm 2014 [83] và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng có những quy định về kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu liên quan đến SHTT.

Thứ bảy, quy định về tổ chức và hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Thực tiễn cho thấy, đến nay pháp luật về SHTT và những hoạt động liên quan đến SHTT vẫn còn là khá mới mẻ và tương đối phức tạp không chỉ đối với không ít cá nhân, tổ chức là chủ thể hoặc có khả năng trở thành chủ thể quyền SHTT hoặc là chủ thể có nguy cơ trở thành chủ thể xâm phạm quyền SHCN mà còn với cả những chủ thể có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Để hỗ trợ cho hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình đảm bảo xử lý xâm phạm kịp thời, chính xác, đúng pháp luật nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập những tổ chức hoặc cho phép các cá nhân thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp (tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, người đại diện sở hữu công nghiệp, tổ chức giám định, người giám định, tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...).

Pháp luật quy định những nội dung về tổ chức và hoạt động hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gồm hình thức hoạt động đại diện SHCN, dịch vụ được cung cấp bởi đại diện SHCN, phạm vi quyền, trách nhiệm của đại diện SHCN, điều kiện kinh doanh, điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện SHCN, các trường hợp được ghi nhận, bị xóa tên tổ chức đại diện SHCN, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN, chương trình đào tạo pháp luật về SHCN, kiểm tra nghiệp vụ đại diện SHCN [84, Điều 151-156], [17, Điều 27-29]. Hoạt động đại diện SHCN là hoạt động pháp lý có chuyên môn đặc thù và là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Để đảm bảo tính khách quan, chính xác trong quá trình xử lý vụ việc xâm phạm nhãn hiệu trong điều kiện các cơ quan thực thi còn thiếu nhân lực có kiến thức chuyên môn sâu về SHTT, pháp luật quy định cơ chế cho phép các cơ quan này sử dụng hệ thống hỗ trợ như tổ chức, cá nhân hành nghề giám định [84, Điều 201], [20, Điều 39 - 53], [9] hoặc sự tư vấn chuyên môn từ cơ quan quản lý nhà nước về SHTT [20, Điều 50 Khoản 3]. Trên thực tế, nội dung ý kiến chuyên môn này cũng cơ bản như những nội dung giám định được cơ quan giám định và tổ chức giám định thực hiện.

Thứ tám, quy định việc bảo vệ người tiêu dùng trước hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Khi một nhãn hiệu bị xâm phạm QSHCN, ngoài chủ thể quyền là người bị thiệt hại thì người tiêu dùng là đối tượng nhãn hiệu hướng tới để thực hiện chức năng phân biệt nguồn gốc, cung cấp thông tin sản phẩm, dịch vụ cũng bị thiệt hại do thông tin sai. Pháp luật thừa nhận quyền của người tiêu dùng được yêu cầu xử lý chủ thể có hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây thiệt hại cho mình [84, Điều 211, Khoản 1a)].

3.2.2. Ưu điểm của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Từ thời điểm văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo hộ quyền SHTT được ban hành năm 1982 thì đến nay, hệ thống pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu của nước ta đã không ngừng được hoàn thiện.

Sau khi Luật SHTT được ban hành năm 2005 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009, có **16** nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật SHTT đã được ban hành, trên cơ sở đó, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ liên quan đã chủ trì xây dựng **19** thông tư và thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Luật SHTT và các nghị định nêu trên. Ngoài ra, còn có **34** văn bản pháp luật (từ Bộ luật, Luật, Nghị định, Thông tư) điều chỉnh các lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác cũng có một số quy định liên quan đến lĩnh vực SHTT. Có thể nói hệ thống các văn bản pháp luật về SHTT nói chung và xử lý hành vi xâm phạm QSHCN nói riêng của nước ta hiện nay đã tương đối đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết từng bước xử lý có hiệu quả hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Căn cứ vào các tiêu chí hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, có thể rút ra một số ưu điểm cơ bản của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như sau:

Thứ nhất, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã xây dựng được hệ thống các quy phạm tương đối toàn diện tạo cơ sở pháp lý cho việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với người có hành vi xâm phạm.

Về nội dung của pháp luật, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN

đối với nhãn hiệu đã quy định một cách tương đối đầy đủ và toàn diện căn cứ xác định hành vi xâm phạm, các biện pháp xử lý, trình tự, thủ tục xử lý, các cơ quan có thẩm quyền xử lý và thẩm quyền của các cơ quan đó trong việc xử lý xâm phạm nhãn hiệu. Các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu, chống lại hành vi lạm quyền cũng được pháp luật quy định đầy đủ, cụ thể đảm bảo xử lý đúng, kịp thời đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm, bảo vệ công bằng quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể quyền, người tiêu dùng và thậm chí cả người bị cáo buộc xâm phạm.

Về hình thức, một ưu điểm cơ bản và rõ nét nhất có thể nhận thấy, đó là trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá đầy đủ để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN trong đó với việc có một luật riêng điều chỉnh lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã khiến cho các quy phạm pháp luật có liên quan được quy định có mức độ tập trung cao và phản ánh gần như đầy đủ những đặc thù của quan hệ pháp luật QSHTT.

Thứ hai, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và đồng bộ để từng bước bảo vệ có hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu.

Có thể thấy rằng, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không nằm trong một văn bản quy phạm pháp luật độc lập mà là tập hợp của nhiều văn bản pháp luật của các ngành luật khác nhau, ở những thứ bậc khác nhau nhưng giữa các văn bản pháp luật này đã có sự đồng bộ, thống nhất nhất định. Xét ở cấp độ tổng quát, những vấn đề riêng, đặc thù của lĩnh vực chuyên ngành SHTT được quy định trong Luật SHTT còn trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm nói chung tương ứng với từng biện pháp xử lý xâm phạm thì nằm trong các văn bản pháp luật tổ tụng tương ứng. Các quy phạm pháp luật SHTT và quy phạm pháp luật thủ tục, quy phạm pháp luật chuyên ngành khác cơ bản thống nhất với nhau, không chồng chéo, ít mâu thuẫn với nhau. Ở mức độ cụ thể, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu về cơ bản cũng đã có sự đồng bộ, thống nhất nhất định trong mỗi quy phạm pháp luật, giữa văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn.

Theo thống kê của Bộ KH&CN (từ tổng hợp báo cáo của các bộ ngành, địa phương giai đoạn 2010-2015): các lực lượng thanh tra, kiểm tra ở các bộ và các địa phương đã xử lý trên 4.577 vụ vi phạm về quyền SHTT, tổng số tiền xử phạt trên 19,7 tỷ đồng, giá trị hàng hóa, phương tiện vi phạm hàng chục tỷ đồng (không bao gồm số liệu của Bộ Công Thương vì không tách được số vụ vi phạm về SHTT và chất lượng) [12].

Tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn thể hiện ở sự thống nhất, tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Đối chiếu với những cam kết quốc tế mà chúng ta đã tham gia, và đang có hiệu lực thì hiện tại pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của chúng ta được thừa nhận là phù hợp với chuẩn mực phổ cập của thế giới [32].

Thứ ba, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thể hiện sự phù hợp điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước

Trong những năm qua, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện trong tổng thể hoàn thiện pháp luật về SHTT trên cơ sở thực tiễn chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, thể hiện rõ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật và xu thế hội nhập của Nhà nước ta. Các quy định pháp luật phù hợp và phản ánh tương đối đầy đủ, rõ nét yêu cầu thực tiễn bảo vệ hiệu quả QSHCN đối với nhãn hiệu của chủ thể quyền, bảo vệ trật tự xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, tạo được sự tin tưởng, thu hút đầu tư, từng bước ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, giáo dục ý thức tôn trọng QSHTT cho nhân dân. Các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cơ bản phù hợp với trình độ phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là các chủ trương lớn được nêu trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Thứ tư, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cơ bản đảm bảo tính minh bạch và công khai trong xây dựng pháp luật, trong quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Đa phần các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu có nội dung rõ ràng, dễ hiểu, đơn nghĩa, không mâu thuẫn. Các quy phạm pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đặc biệt là những quy định về trình tự, thủ tục là được quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng, cụ thể. Những quy định chung chung, nặng về định tính dần dần được thay thế bằng các quy định cụ thể. Nhờ đó, tính minh bạch của quy định pháp luật ngày càng được nâng cao, có ý nghĩa lớn đối với việc khắc phục tình trạng tùy tiện trong xác định và xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được có thể dễ dàng tiếp cận thông qua rất nhiều hình thức khác nhau như tra cứu qua hệ thống công báo, qua mạng internet, các tài liệu phổ biến, tuyên truyền pháp luật của các cơ quan nhà nước hoặc người dân cũng có thể hỏi trực tiếp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền... Có thể nói, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã có sự công khai, minh bạch cần thiết và cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xã hội cũng như nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân khi họ có nhu cầu.

Thứ năm, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền, người tiêu dùng và lợi ích của toàn xã hội.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN được sinh ra từ yêu cầu phải buộc người có hành vi xâm phạm nhãn hiệu phải chịu trách nhiệm pháp lý cho hành vi trái pháp luật của họ, bảo vệ quyền lợi của chủ thể quyền, đảm bảo môi trường kinh doanh trong sạch, lành mạnh. Các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đã đảm bảo được nguyên tắc người vi phạm phải chịu trách nhiệm cho vi phạm, người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm cho thiệt hại ở mức tương xứng và phù hợp (thể hiện ở những quy định về mức phạt, căn cứ xác định thiệt hại, xác định lợi nhuận, xác định mức bồi thường thiệt hại,

quy định phòng ngừa sự lạm quyền của chủ thể quyền trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu), một mặt bảo vệ quyền của chủ thể quyền nhưng vẫn đảm bảo những hành vi thực hiện phù hợp với chuẩn mực kinh doanh lành mạnh không thuộc phạm vi được bảo vệ của chủ thể quyền và mọi người được tự do thực hiện mà không bị coi là vi phạm pháp luật (thể hiện ở những ngoại lệ không xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu).

Thứ sáu, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đảm bảo công bằng, thủ tục đơn giản và không tốn kém.

Khi có vụ việc xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu xảy ra, các bên tham gia quan hệ này như chủ thể quyền, bên bị cáo buộc xâm phạm, các chủ thể có quyền và lợi ích liên quan đều có thể dễ dàng tìm thấy các quy định pháp luật hướng dẫn cách thức bảo vệ quyền của mình. Các chế tài đối với hành vi xâm phạm được quy định tương xứng với tính chất, mức độ xâm phạm, các bên đều có cơ hội để đưa ra các chứng cứ bảo vệ quyền của mình, có cơ hội sử dụng các dịch vụ hỗ trợ để bảo vệ, để giúp mình theo đuổi vụ việc, được bồi thường nếu bị thiệt hại do hành vi lạm quyền hoặc yêu cầu xử lý không có căn cứ của chủ thể quyền chẳng hạn như người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ phải nộp một khoản bảo đảm hoặc bảo chứng tương đương trước, phải bồi thường thiệt hại gây ra cho người bị áp dụng biện pháp đó trong trường hợp người đó không xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Các chi phí liên quan đến hoạt động xử lý hành vi xâm phạm quyền được quy định ở mức hợp lý, không tốn kém.

Thứ bảy, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước ta thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực SHTT.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hiện hành của Việt Nam được xây dựng và hoàn thiện đáp ứng cơ bản các nghĩa vụ phải thực hiện theo các điều ước quốc tế. Có thể kể đến những nội dung như có đầy đủ các quy định pháp luật về các biện pháp (dân sự, hình sự, hành chính, biện pháp kiểm soát biên giới) để xử lý kịp thời, đúng đắn những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; quy định về chứng cứ, bồi thường thiệt hại, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; thủ tục tạm dừng xuất nhập khẩu hàng

hóa có nghi ngờ xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, kiểm tra, giám sát hàng có nghi ngờ xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; thẩm quyền, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu; thiết chế hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm.

Là thành viên của WTO chúng ta có nghĩa vụ phải đảm bảo pháp luật về SHTT tương thích với những cam kết trong Hiệp định TRIPS và định kỳ chúng ta phải báo cáo tình hình thực hiện cam kết về SHTT trong khuôn khổ WTO cho Hội đồng TRIPS. Vào thời điểm năm 2008, pháp luật về thực thi quyền SHTT của chúng ta đã được đánh giá "tương đối hoàn thiện, đáp ứng các yêu cầu "tối thiểu" hay các nghĩa vụ "bắt buộc" theo Hiệp định TRIPS" [66], nội dung chưa tương thích liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý giả mạo nhãn hiệu trong Luật Hình sự năm 1999 thì đến nay đã được sửa đổi vào năm 2009.

3.2.3. Bất cập của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Bên cạnh những kết quả đạt được, đối chiếu với tiêu chí hoàn thiện pháp luật, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vẫn còn bộc lộ những bất cập nhất định, điều này được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

Thứ nhất, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có những điểm chưa toàn diện.

- Khái niệm hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được cấu trúc chưa khoa học. Khái niệm về hành vi xâm phạm QSHCN được xây dựng không có tính khái quát cao, thiếu hướng dẫn cụ thể về nội hàm của thuật ngữ "sử dụng dấu hiệu xâm phạm". Các hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đáng ra phải được quy định trong Luật SHTT thì lại đang được quy định trong văn bản hướng dẫn [22].

Luật SHTT không đưa ra khái niệm hành vi xâm phạm QSHCN một cách tổng quát mà liệt kê các loại hành vi sử dụng một dấu hiệu cho hàng hoá, dịch vụ thì bị coi là là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [84, Điều 129]. Vấn đề là nội hàm của từ "sử dụng" dấu hiệu bị coi là xâm phạm không được giải thích cụ thể. Tại Khoản 5 Điều 124 khi quy định về quyền sử dụng nhãn hiệu của chủ sở hữu có liệt kê những hành vi được coi là sử dụng nhãn hiệu đang được bảo hộ như sau: gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện

kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh; lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán hàng hoá mang nhãn hiệu được bảo hộ; nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ. Câu hỏi đặt ra là liệu có phải việc người thứ ba không phải là chủ sở hữu nhãn hiệu (hoặc người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép) sử dụng một nhãn hiệu theo đúng như cách chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng thì bị coi là thực hiện hành vi xâm phạm nhãn hiệu hay không? Liệu có còn hành vi sử dụng nào khác cũng bị coi là hành vi xâm phạm nhãn hiệu hay không?

Một vụ việc rất điển hình liên quan đến việc xác định hành vi thế nào là sử dụng nhãn hiệu bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là vụ ông NK (huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) kinh doanh nước mắm nhưng không sử dụng chai đựng, nhãn hiệu của mình mà lại thu mua vỏ chai cũ của các cơ sở đã có danh tiếng trên thị trường về làm sạch rồi bơm nước mắm của mình vào để bán [55]. Vậy liệu việc sử dụng lại chai nước mắm đã bỏ đi của có gắn nhãn hiệu của người khác có bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hay không? Hành vi này trước khi Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26/6/2016 được ban hành thì không bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên, liệu việc quy định hành vi tái sử dụng bao bì sản phẩm như trong vụ việc này có tạo thành hành vi "sử dụng nhãn hiệu" để có cơ sở kết luận là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hay không? Vấn đề là pháp luật cần phải bao quát được hết những hành vi nào bị coi là hành vi sử dụng nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ và phải quy định rõ trong Luật SHTT.

Khoản 1 Điều 211 Luật SHTT khi liệt kê các hành vi xâm phạm QSHTT bị xử phạt vi phạm hành chính đã đặt các hành vi xâm phạm QSHTT nói chung (gồm cả QSHCN đối với nhãn hiệu) và hành vi sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng giả mạo nhãn hiệu hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này và sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn hoặc vật phẩm khác mang nhãn hiệu giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này ở vị trí ngang nhau vô hình chung đã khiến cho nhiều người lầm tưởng hành vi giả mạo nhãn hiệu không xếp vào loại hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong khi về bản chất hành vi giả mạo nhãn hiệu chính là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở cấp độ cao nhất.

Để hướng dẫn xác định hàng hoá giả mạo nhãn hiệu theo Điều 213 Luật SHTT, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP quy định trong Khoản 5 Điều 11 các căn cứ xác định nhưng nội dung của khoản này đã mở rộng hơn nhiều so với quy định tại Điều 213, không chỉ giới hạn ở hàng hoá trùng hoặc khó phân biệt "chính mặt hàng đó" mà mở rộng thành sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc khó phân biệt "cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại".

Hơn nữa, xã hội ngày càng phát triển, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, của mạng Internet thì các giao dịch thương mại đã thay đổi rất nhiều, có những cách thức sử dụng dấu hiệu gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, gây thiệt hại cho chủ thể quyền, mang lại lợi thế không phù hợp với thực tiễn thương mại lành mạnh cho chủ thể sử dụng dấu hiệu đó nhưng lại chưa được tính đến trong khi xác định những hành vi bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như sử dụng nhãn hiệu như những từ khoá trong các quảng cáo trên Internet [131, tr.231-256].

- Hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin Việt Nam cũng bị coi là hành vi xâm phạm quyền xảy ra tại Việt Nam không phụ thuộc vào việc người thực hiện hành vi có ở Việt Nam hay không. Quy định này [20, Khoản 4 Điều 5] mới chỉ được ghi nhận trong Nghị định hướng dẫn Luật SHTT trong khi đáng ra nó phải được quy định trong luật để đảm bảo hiệu lực pháp lý tương xứng.

- Thiếu quy định phân định ranh giới giữa hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử lý hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật và các văn bản dưới dẫn đến việc một hành vi xâm phạm vừa có thể xử lý bằng biện pháp hình sự vừa có thể xử bằng biện pháp hành chính. Cụ thể tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, quy định về mức xử phạt tiền đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu tối đa 250 triệu đồng cho cá nhân (tổ chức thì áp dụng mức gấp đôi) [22, Điều 2] nhưng không quy định giá trị hàng hóa xâm phạm tối đa có thể bị xử phạt hành chính để có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự khi giá trị hàng hoá xâm phạm vượt ngưỡng tối đa. Vì lý do đó, mặc dù lượng

hàng hóa xâm phạm có thể giá trị lên đến hàng trăm tỷ đồng cơ quan chức năng vẫn có thể xử lý hành chính không cần xử lý bằng biện pháp hình sự mà vẫn đảm bảo đúng quy định của nghị định này [27].

- Các trường hợp không bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chưa bao quát hết những trường hợp đáng ra phải được loại trừ. Hiện nay, các trường hợp loại trừ này được quy định gián tiếp trong quy định về quyền của chủ thể quyền khi ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu bao gồm trường hợp nhập khẩu song song [84, Điều 125 Khoản 2b)], sử dụng một cách trung thực tên người, dấu hiệu mô tả chủng loại, số lượng, chất lượng, công dụng, giá trị, nguồn gốc địa lý và các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ [84, Điều 125 Khoản 2h)] trong khi đó, theo thực tiễn thương mại quốc tế thì mọi trường hợp nếu xếp vào loại phù hợp với thực tiễn kinh doanh lành mạnh, trung thực thì đều không bị coi là thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [124, tr.22-43] như sử dụng nhãn hiệu để chỉ dẫn về công dụng sản phẩm khác (nominative use) ...

- Thiếu các quy định hướng dẫn xác định "quy mô thương mại" làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu theo Điều 171 Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 nên gây nhiều khó khăn cho quá trình áp dụng. Theo ông Hoàng Văn Trục, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát kinh tế - Bộ Công an cho biết, từ năm 2012-2015, các cơ quan chức năng đã thực hiện khởi tố 337 vụ án xâm phạm quyền SHTT, nhưng các cấp tòa án chỉ xét xử 12 vụ; cứ 100 vụ các cơ quan chuyển đến, tòa xử được 3,5 vụ. Qua số liệu này cho thấy vấn đề xử lý hình sự đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả nhãn hiệu đang gặp rất nhiều vướng mắc trong đó có một lý do là không xác định được quy mô thương mại làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự [108].

- Thiếu các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi quyền lợi của họ bị ảnh hưởng do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây ra. Mặc dù có Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhưng khi xác định quyền của người tiêu dùng là đối tượng được luật này bảo vệ thì không có trường hợp người tiêu dùng được bồi thường thiệt hại khi bị nhầm lẫn hay lừa dối mua phải sản phẩm không mong muốn do sản phẩm đó mang nhãn hiệu giả mạo.

- Vấn đề giải quyết xung đột quyền giữa các đối tượng SHTT chưa được quy định ở cấp độ tương xứng với tầm quan trọng của nội dung cần pháp luật điều chỉnh. Trên thực tế, cùng một đối tượng SHTT có thể được bảo hộ dưới nhiều hình thức khác nhau (nhãn hiệu, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, tác phẩm thuộc đối tượng bảo hộ quyền tác giả) tùy theo sự lựa chọn của chủ thể quyền, do đó có thể xảy ra trường hợp một đối tượng lại thuộc quyền SHTT của nhiều chủ thể khác nhau với phạm vi bảo hộ khác nhau. Vấn đề là theo pháp luật nếu đối tượng đó thỏa mãn các tiêu chuẩn bảo hộ thì quyền sẽ được xác lập cho chủ thể quyền. Vì thế, cần phải có quy định pháp luật để phân định quyền trong trường hợp này tránh các tranh chấp. Hiện tại vấn đề giải quyết xung đột quyền giữa các đối tượng SHTT được quy định có tính nguyên tắc tại Điều 7 Luật SHTT và hướng dẫn Điều 17 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP (đã được sửa đổi). Tuy nhiên quy định này chưa toàn diện vì không bao quát hết những trường hợp xung đột có thể xảy ra, cụ thể là mới chỉ quy định việc huỷ bỏ hiệu lực hoặc cấm sử dụng QSHCN nếu có xung đột với QSHTT của tổ chức, các nhân khác được xác lập trước trong khi đáng ra phải quy định áp dụng cho mọi loại QSHTT.

Một vụ việc tranh chấp liên quan đến xung đột quyền rất điển hình có thể kể đến vụ việc giữa Công ty CP nhựa Bình Minh (CP Bình Minh) và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất nhựa ống Bình Minh (TNHH Bình Minh) [70]. Công ty CP Bình Minh hoạt động hợp pháp từ năm 1994. Ống nước nhựa và phụ kiện mang nhãn hiệu Bình Minh của họ đã được Cục SHTT cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu số 23374 từ ngày 12/12/1996 và đang trong thời gian hiệu lực, được bày bán ở nhiều nơi. Trong khi đó Công ty TNHH Bình Minh được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh ngày 15/02/2008, dù có tên rất dài nhưng tên riêng trùng với nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ. Cả Công ty CP Bình Minh và Công ty TNHH Bình Minh sử dụng Bình Minh trên ống nhựa của mình. Chính điều đó đã gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi mua sản phẩm của hai công ty này. Trong trường hợp này một bên có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, một bên đòi quyền sử dụng chữ Bình Minh dựa vào quyền đối với tên thương mại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất nhựa ống Bình

Minh, vậy bên nào là bên có quyền? Rất cần thiết phải có quy định pháp luật giải quyết những xung đột kiểu như thế này vì rõ ràng cả hai chủ thể đều có quyền đối với đối tượng SHTT tương ứng.

Thứ hai, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có những điểm chưa thống nhất, đồng bộ.

- Hiệp định TRIPS có yêu cầu phải xử lý hình sự ít nhất đối với trường hợp cố tình giả mạo nhãn hiệu với quy mô thương mại [2, Điều 61] nhưng trong hệ thống pháp luật quốc gia không có khái niệm hành vi giả mạo nhãn hiệu mà phải suy luận gián tiếp từ khái niệm hàng hoá giả mạo [84, Điều 213].

Theo Luật SHTT hàng hoá giả mạo nhãn hiệu là hàng hoá, bao bì của hàng hoá có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu. Tuy không có bất kỳ quy định pháp luật nào nhắc tới khái niệm hành vi giả mạo nhãn hiệu nhưng kết hợp giữa Điều 213 và Điều 129 Luật SHTT có thể suy luận là những hành vi được liệt kê tại Điều 129 Luật SHTT được gọi chung là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các hành vi đó được chia thành hai cấp độ: hành vi giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 129 (nhưng chưa đầy đủ do còn thiếu trường hợp sử dụng dấu hiệu khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ) và hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu không phải là hành vi giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 129 Luật SHTT. Thuật ngữ "dấu hiệu khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ" ở đây cũng cần phải xem xét vì về bản chất tất cả các dấu hiệu bị coi là xâm phạm nhãn hiệu nói chung đều khó phân biệt (không có khả năng phân biệt) với nhãn hiệu đang được bảo hộ. Trong trường hợp giả mạo nhãn hiệu (mức độ xâm phạm quyền rất cao) thì có lẽ nên quy định giống như thông lệ quốc tế về nhãn hiệu giả mạo [67, Điều 25 Khoản 2.a)(i)] nhãn hiệu giả mạo là nhãn hiệu trùng hoặc nhãn hiệu không thể phân biệt ở những yếu tố cơ bản nhất với nhãn hiệu đang được bảo hộ.

Hơn nữa, để hướng dẫn xác định hàng hoá giả mạo nhãn hiệu theo Điều 213 Luật SHTT, căn cứ xác định nhãn hiệu giả mạo trong văn bản dưới luật [20, Điều 11 khoản 5] đã mở rộng hơn nhiều so với quy định tại Điều 213, không chỉ giới hạn

ở hàng hoá trùng hoặc khó phân biệt "chính mặt hàng đó" mà mở rộng thành sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc khó phân biệt "cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại".

- Việc có một quy định riêng về hàng hóa giả mạo nhãn hiệu (Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ) mà không có quy định về hành vi giả mạo nhãn hiệu cùng với việc không xác định rõ các cấp độ xâm phạm nhãn hiệu đã gây ra sự lầm tưởng hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và hành vi giả mạo nhãn hiệu là những hành vi không có mối liên hệ với nhau. Trong khi đó, ngay như Hiệp định TRIPS - quy định các tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc bảo hộ tất cả các đối tượng SHTT - tại Điều 61 cũng yêu cầu phải xử lý đối với trường hợp cố tình giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại. Hơn nữa, trong văn bản pháp luật có liên quan là Nghị định số 185/2013/NĐ-CP [23] có quy định về hàng giả và xử lý hành chính đối với hoạt động buôn bán hàng giả trong đó có nội dung cũng không có sự phân biệt rõ ràng với hàng giả mạo nhãn hiệu, cụ thể là hàng giả là tem, nhãn, bao bì giả.

- Văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn lại chứa đựng những quy định mở rộng hơn so với những quy định trong văn bản có giá trị pháp lý cao như quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ thể thực hiện hành vi quá cảnh hàng hóa xâm phạm QSHCN nhãn hiệu [22, Điều 11 Khoản 1a), Điều 12, 19]. Thực chất hành vi quá cảnh hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu do hàng hóa không được tiêu thụ ở thị trường nội địa và do vậy còn nên bị loại bỏ khỏi quy định pháp luật.

- Có sự không thống nhất giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của pháp luật có liên quan ví dụ như Luật SHTT quy định hoạt động giám định có thể thực hiện dưới danh nghĩa của một tổ chức giám định hoặc một cá nhân giám định viên độc lập nhưng Luật Giám định tư pháp ngoài hai hình thức đó còn cho phép hình thức hoạt động giám định theo vụ việc; Luật SHTT quy định chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong khi Luật Hình sự năm 2015 (hiện chưa có hiệu lực) [93, Điều 226] quy định chủ thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi xâm phạm QSHCN gồm cả pháp nhân và cá nhân.

- Do các thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN bằng biện pháp dân sự được thực hiện theo quy định của Luật SHTT và Bộ luật Tố tụng dân sự trong

khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vừa có hiệu lực thay thế cho Bộ luật Tố tụng dân sự 2003 nên có những quy định dẫn chiếu Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2003 trong Luật SHTT không còn phù hợp [84, Điều 210]

- Căn cứ xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm làm cơ sở xác định khung phạt tiền, thẩm quyền xử phạt hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong Luật SHTT, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP và Luật xử lý vi phạm hành chính không thống nhất với nhau.

- Quy định về khái niệm hàng giả, hàng giả mạo nhãn hiệu chưa được phân định rõ ràng trong các văn bản pháp luật có liên quan (Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP (sửa đổi bằng Nghị định số 124/2015/NĐ-CP)) khiến cho việc khó khăn trong xác định hành vi xâm phạm, biện pháp xử phạt tương ứng cũng như phân loại tội phạm. Trong khi Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định trong các loại hàng giả có hàng hóa giả mạo về QSHTT [23, Điều 3] thì Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành không hề có chỗ nào nhắc đến thuật ngữ hàng giả. Theo pháp luật hình sự, tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm pháp luật thì hành vi đó sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự và hành vi liên quan đến hàng giả sẽ bị xử lý theo Điều 156, 157, 158, hành vi xâm phạm QSHTT thì bị xử lý theo Điều 171 Bộ luật Hình sự 2009, ở đây câu hỏi đặt ra là nếu hành vi liên quan đến hàng giả mạo nhãn hiệu (một dạng hàng giả) thì xử lý theo điều nào của Bộ luật Hình sự.

- Quy định về quyền chủ động của cơ quan Hải quan trong việc thực hiện biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có sự không thống nhất. Trong khi Luật SHTT quy định nếu trong khi thực thi nhiệm vụ mà phát hiện hàng hóa giả mạo về SHTT thì cơ quan Hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm [84, Khoản 4] thì không có quy định nào trong Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn Luật này quy định về quyền chủ động của cơ quan Hải quan xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

- Luật SHTT [84, Điều 216] và Luật Hải quan năm 2014 [90, Điều 73-76] có đưa hàng xuất khẩu vào loại hàng phải chịu kiểm soát biên giới liên quan đến SHTT nhưng Thông tư số 13/2015/TT-BTC [13, Điều 31] lại quy định rộng hơn

là hàng hoá xuất khẩu có dấu hiệu xâm phạm nhãn hiệu chứ không chỉ giới hạn ở hàng hoá giả mạo nhãn hiệu.

- Có những hành vi đang bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN (bị truy cứu trách nhiệm pháp lý) nhưng về bản chất việc thực hiện hành vi đó không xâm phạm đến quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu cũng nên loại bỏ khỏi quy định pháp luật ví dụ như hành vi quá cảnh hàng hoá xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [22, Điều 11, 12, 13 Khoản 1a)]. Thực chất, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này trong Nghị định số 99/2013/NĐ-CP đã mở rộng so với quy định của Điều 211 Luật SHTT.

Thứ ba, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có những điểm chưa đảm bảo tính phù hợp và khả thi.

- Hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự tội xâm phạm QSHCN theo Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) phải là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam do cố ý với quy mô thương mại. Tuy nhiên, từ năm 2009 cho đến nay vẫn chưa hề có văn bản nào hướng dẫn xác định "quy mô thương mại" nên trên thực tế gần như điều luật này chưa được áp dụng. Hơn nữa, tên gọi của điều luật không phù hợp với nội dung điều luật, trong khi tên điều luật là tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nhưng hành vi để bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều này chỉ giới hạn ở hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý. Theo số liệu của Toà án nhân dân tối cao, tính đến nay việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hình sự được thực hiện rất ít. Các toà án nhân dân mới thụ lý sơ thẩm 21 vụ với 33 bị cáo, đã xét xử 13 vụ với 22 bị cáo, trong đó có 12 vụ với 20 bị cáo về tội xâm phạm quyền SHCN chủ yếu đối với hàng giả theo Điều 156-158 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cơ quan có thẩm quyền không khởi tố theo quy định tại Điều 171 (Tội xâm phạm quyền SHCN) của Bộ luật Hình sự năm 2009 vì không có quy định hướng dẫn xác định quy mô thương mại của hành vi [105].

- Biện pháp hành chính hiện tại được sử dụng để xử lý mọi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu (Điều 211 Luật SHTT) (trừ trường hợp hành vi đó cấu thành tội phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự). Việc sử dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm

QSHCN đối với nhãn hiệu thực chất là sử dụng quyền lực công để điều chỉnh quan hệ pháp luật dân sự. Xét về bản chất thì việc sử dụng quyền lực công như vậy là không hợp lý, trái với bản chất của quan hệ pháp luật mà biện pháp hành chính đang tác động tới. Hơn nữa, việc lạm dụng biện pháp hành chính trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu một mặt trái với bản chất dân sự của QSHTT, mặt khác do không có quy định về bồi thường thiệt hại nên chủ thể quyền không được bồi thường, khả năng tái phạm cao do các chế tài hành chính không đủ sức răn đe, nhà nước phải đầu tư đáng kể nhân lực và vật lực cho công tác xử lý xâm phạm [102] trong khi hệ thống toà án thì không có việc để làm.

Không thể phủ nhận những ưu việt của việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính như nhanh chóng, ít tốn kém chi phí cho chủ thể quyền nên biện pháp này rất được các chủ thể quyền lựa chọn áp dụng. Thêm vào đó, với quy định như Điều 211 Luật SHTT nêu trên thì rõ ràng biện pháp hành chính sẽ được ưu tiên lựa chọn hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN bằng biện pháp hành chính rõ ràng đã thể hiện sự hành chính hoá quan hệ pháp luật dân sự và cắt đi nguồn cung vụ án liên quan đến xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cho các toà án. Tuy nhiên, thực tế là "các cơ quan thực thi pháp luật còn chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý đối với những hành vi xâm phạm QSHTT" [52], thủ tục tố tụng dân sự kéo dài, phức tạp cũng là những cản trở khiến cho biện pháp dân sự ít được sử dụng để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Có thể minh chứng thực tế này qua số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, xử lý tranh chấp QSHTT bằng biện pháp dân sự rất hạn chế, tập trung chủ yếu vào các tranh chấp liên quan đến lĩnh vực quyền tác giả (83,5%), các tranh chấp trong lĩnh vực SHCN chiếm tỷ lệ rất thấp (5,5%), cụ thể từ 01/7/2006 đến 30/9/2016, các toà án đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 168 vụ, trong đó có 158 vụ tranh chấp về quyền tác giả, 10 vụ tranh chấp quyền SHCN. Các toà án cũng đã giải quyết 200/235 vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại có liên quan đến SHTT, giải quyết 24 vụ án hành chính trong lĩnh vực SHTT [105].

Trong khi đó, Theo báo cáo tổng kết Chương trình hành động phòng, chống xâm phạm QSHTT giai đoạn 2012-2015 (Chương trình 168 giai đoạn 2)

[12], số liệu thực thi và giải quyết tranh chấp SHTT của các bộ ngành có liên quan như sau:

Cơ quan	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Thanh tra KHCN	69 vụ	142 vụ	113 vụ	149 vụ
Công an kinh tế	276 (khởi tố 66 vụ)	560 (khởi tố 38 vụ)	665 (khởi tố 120 vụ)	546 (khởi tố 157 vụ)
Quản lý thị trường	9.556 vụ (gồm hàng giả, kém chất lượng, xâm phạm quyền)	13.037 vụ (gồm hàng giả, kém chất lượng, xâm phạm quyền)	17.396 vụ (gồm hàng giả, kém chất lượng, xâm phạm quyền)	17.548 vụ (hàng giả, xâm phạm quyền)
Toà án	177 vụ việc, trong đó: (i) xét xử 55 vụ (12 vụ án hình sự) (ii) công nhận thoả thuận 16 vụ; (iii) chuyển 15 vụ (iv) đình chỉ 91 vụ			

- Luật Sở hữu trí tuệ có quy định việc cơ quan hải quan có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý nếu phát hiện hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ [84, Điều 216 Khoản 4] nhưng không có văn bản nào quy định về thời hạn cơ quan hải quan ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với hàng hoá giả mạo về SHTT sau khi tạm dừng hàng.

- Hoạt động giám định SHCN chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Từ khi Luật SHTT năm 2005 ra đời cho đến nay, cả nước chỉ có duy nhất một tổ chức giám định SHTT (Viện Khoa học SHTT thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) và bốn giám định viên SHCN, trong đó hai giám định viên hoạt động dưới danh nghĩa của tổ chức nêu trên và hai giám định viên độc lập nhưng thực tế chưa thực sự hoạt động trong lĩnh vực này. Tổ chức giám định duy nhất này có chức năng cung cấp ý kiến giám định phục vụ cho các chủ thể có liên quan trong vụ việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu (các cơ quan thực thi, chủ thể quyền, người bị cáo buộc thực hiện hành vi xâm phạm). Cơ quan này chỉ có một trụ sở duy nhất tại Hà Nội với sự tham gia của hai giám định viên nên

thực chất rất khó có thể đáp ứng kịp thời nhu cầu giám định đa dạng của các cơ quan thực thi và các chủ thể có liên quan trong cả nước. Vì nhiều lý do khiến cho số lượng giám định viên chỉ giới hạn ở 02 người nhưng không thể không kể đến lý do pháp luật quy định cơ sở để tạo nguồn giám định viên chưa phù hợp.

- Hoạt động cung cấp ý kiến chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ hỗ trợ hoạt động thực thi QSHCN. Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực SHCN, không có chức năng giám định SHTT. Một trong những nhiệm vụ của Cục Sở hữu trí tuệ là cấp Giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu. Tuy nhiên, trong chức năng của mình, cơ quan này lại có nhiệm vụ *"cung cấp ý kiến chuyên môn phục vụ việc giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp"* [10] và trên thực tế, nội dung ý kiến chuyên môn này cũng cơ bản như những nội dung giám định được cơ quan giám định và tổ chức giám định thực hiện. Như vậy là trên thực tế, có thể cùng lúc có hai cơ quan cùng đưa ra ý kiến về cùng một nội dung liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về nhãn hiệu. Việc cung cấp ý kiến chuyên môn bởi Cục Sở hữu trí tuệ thoát nhìn thì có vẻ góp phần vào việc hỗ trợ, chia sẻ gánh nặng công việc cho tổ chức giám định đang trong tình trạng chưa đáp ứng đủ nhu cầu xã hội mặt khác đảm bảo tính đa chiều trong việc đánh giá cùng một nội dung nhưng thực tế dường như việc này đang đi ngược lại với tinh thần của Luật SHTT là đưa hoạt động giám định SHTT tách ra độc lập khỏi hoạt động xác lập quyền SHTT để tránh tình trạng "vừa đá bóng vừa thổi còi" của cơ quan quản lý.

- Biện pháp buộc xin lỗi, cải chính công khai chỉ được áp dụng đối với trường hợp quyền tác giả bị xâm phạm trong khi nhãn hiệu, đặc biệt là nhãn hiệu nổi tiếng nếu bị xâm phạm thì danh tiếng, uy tín của chủ sở hữu nhãn hiệu bị ảnh hưởng rất nhiều. Để phục hồi danh dự, uy tín, chủ sở hữu nhãn hiệu phải tốn kém rất nhiều thời gian, kinh phí trong khi nếu có thể áp dụng biện pháp buộc cải chính công khai thì rõ ràng là có thể một mặt giúp chủ nhãn hiệu phần nào lấy lại được danh dự, mặt khác, đó cũng chính là một hình thức để răn đe, ngăn ngừa những hành vi xâm phạm tương tự khác.

- Hiện nay về nguyên tắc việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với

nhãn hiệu thông thường nếu lựa chọn giải quyết theo con đường tư pháp thì có thể được giải quyết tại tòa án nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, từ 01/7/2006 đến 30/9/2016, các TAND đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 168 vụ, trong đó có 158 vụ tranh chấp về quyền tác giả, 10 vụ tranh chấp quyền SHCN. Các TAND cũng đã giải quyết 200/235 vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại có liên quan đến SHTT, giải quyết 24 vụ án hành chính trong lĩnh vực SHTT [104]. Với số lượng vụ việc được giải quyết ít ỏi như vậy thì rõ ràng các thẩm phán không thể có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Nên chăng đã đến lúc cần nghĩ tới việc tập trung thẩm quyền giải quyết liên quan đến SHTT vào một số tòa án nhất định phù hợp với năng lực của cơ quan tư pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Thứ tư, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có những điểm chưa phù hợp với pháp luật quốc tế.

Gần đây, Việt Nam ký kết rất nhiều Hiệp định thương mại thế hệ mới với rất nhiều đối tác trong đó phải kể đến hai Hiệp định quan trọng, có nội dung về SHTT có ảnh hưởng nhiều tới hệ thống pháp luật Việt Nam là Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA. Đối chiếu các quy định pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và các điều khoản về thực thi quyền đối với nhãn hiệu trong hai Hiệp định có thể thấy có một số nội dung pháp luật của Việt Nam chưa phù hợp với pháp luật quốc tế cần phải sửa đổi, một số nội dung còn thiếu cần phải bổ sung cho phù hợp với pháp luật quốc tế. Những nội dung sau là những yêu cầu trong Điều ước quốc tế mà pháp luật Việt Nam không có quy định tương tự:

- Hành vi xâm phạm QSHTT như cố ý nhập khẩu và sử dụng trong thị trường nội địa nhãn sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm mang nhãn hiệu giả mạo trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại hoặc hành vi cố ý xuất khẩu hàng hóa giả mạo ở quy mô thương mại phải bị xử lý hình sự; hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị yêu cầu xử lý hình sự không chỉ giới hạn ở hành vi thực hiện trên hàng hóa mà mở rộng ra cả trường hợp liên quan đến dịch vụ (nhãn mác hoặc bao gói nhằm sử dụng trong thương mại liên quan đến dịch

vụ mà trùng với hàng hóa hoặc dịch vụ đã đăng ký; hành vi xâm phạm gián tiếp như giúp sức hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu [69] (yêu cầu theo Hiệp định TPP).

- Trách nhiệm chủ động của cơ quan Hải quan trong xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, theo đó, khi có chứng cứ hiển nhiên về sự xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì các cơ quan Hải quan phải chủ động hành động và đình chỉ thông quan hàng hóa xâm phạm (TPP và EVFTA) và biện pháp kiểm soát biên giới phải được thực hiện đối với cả hàng hoá nhập khẩu, tập kết để xuất khẩu, có nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu trong khi Luật SHTT và Luật Hải quan năm 2014 chỉ vấn đề về nghĩa vụ chủ động của Hải quan trong việc kiểm soát biên giới đối với hàng hoá xâm phạm quyền SHTT cũng đã có sự không thống nhất với nhau.

- Phân biệt mức xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong trường hợp người vi phạm biết và không biết về hành vi mình thực hiện là hành vi vi phạm pháp luật (EVFTA).

- Phải có quy định về bồi thường theo mức luật định cho chủ thể quyền lựa chọn hoặc bồi thường bổ sung (bao gồm tiền phạt để cảnh cáo hoặc trừng phạt) và mức bồi thường luật định phải đủ bù đắp thiệt hại và có tính răn đe trong khi Luật SHTT quy định khi không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại theo các căn cứ luật định thì Toà án sẽ ấn định mức bồi thường vật chất tùy thuộc vào mức độ thiệt hại nhưng không quá 500 triệu đồng.

- Thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: EVFTA quy định chủ thể có thể yêu cầu Tòa án vào bất kỳ thời điểm nào (không phụ thuộc vào việc đã khởi kiện hay chưa) miễn là có bằng chứng hợp lý làm căn cứ cho yêu cầu của mình; những trường hợp có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mở rộng hơn rất nhiều so với quy định của pháp luật Việt Nam [67].

- Phải quy định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ internet cũng như các điều kiện và nghĩa vụ để họ được miễn trách nhiệm pháp lý và chế tài đối với vi phạm khi người sử dụng mạng có hành vi xâm phạm QSHTT (TPP).

- Cho phép sử dụng biện pháp bồi thường bằng tiền thay thế các biện pháp

khắc phục khác (EVFTA) trong khi pháp luật Việt Nam đã có quy định về biện pháp bồi thường bằng tiền nhưng là một biện pháp độc lập chứ không phải là biện pháp thay thế cho các biện pháp khắc phục khác.

- Cơ quan Hải quan phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin phân tích rủi ro liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cho chủ thể quyền.

- Có những hành vi theo cam kết quốc tế cần phải truy cứu trách nhiệm pháp lý nhưng hiện tại pháp luật Việt Nam chưa quy định thì cần phải bổ sung vào Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn như hành vi quảng cáo các sản phẩm gây nhầm lẫn về xuất xứ hàng hoá (Điều 6.8 Hiệp định EVFTA). Hành vi xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu bị coi là đối tượng phải chịu bị truy cứu trách nhiệm pháp lý theo Hiệp định EVFTA (Điều 25.2.(a).(i)), Luật SHTT (Điều 216) và Luật Hải quan năm 2014 (Điều 73-76) có đưa hàng xuất khẩu vào loại hàng phải chịu kiểm soát biên giới liên quan đến SHTT nhưng Thông tư số 13/2015/TT-BTC (Điều 31) lại quy định rộng hơn là hàng hoá xuất khẩu có dấu hiệu xâm phạm nhãn hiệu chứ không chỉ giới hạn ở hàng hoá giả mạo nhãn hiệu. Điều này cũng nên cân nhắc để đảm bảo tính hợp lý và phù hợp với năng lực thực thi của cơ quan Hải quan và không ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp vì thực chất hàng hoá xuất khẩu không khai thác tại thị trường Việt Nam, do đó, không ảnh hưởng tới quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu được bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam còn hàng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì rộng hơn rất nhiều so với hàng giả mạo nhãn hiệu, việc nhận biết và đánh giá hàng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu trong khi việc kiểm soát biên giới đối với hàng xâm phạm QSHTT chỉ là một trong số các nhiệm vụ cơ quan hải quan phải thực hiện tại biên giới.

3.2.4. Nguyên nhân của bất cập của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

3.2.4.1. Nguyên nhân khách quan

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là tổng thể các quy phạm pháp luật nội dung và thủ tục đa dạng nằm trong nhiều văn bản

pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau, ở các cấp độ khác nhau nên khi một văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thì sẽ ảnh hưởng đến những quy định pháp luật liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung một văn bản quy phạm pháp luật trải qua quy trình rất chặt chẽ và tốn không ít thời gian, nếu văn bản đó lại liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau thì quá trình này lại dài thêm, do vậy, không thể nhanh chóng sửa đổi một văn bản pháp luật để tương thích với những thay đổi của các văn bản pháp luật có liên quan.

- Quá trình hội nhập quốc tế khiến Việt Nam tham gia rất nhiều Hiệp định thương mại quốc tế song phương và đa phương. Trong các Hiệp định thương mại quốc tế phần về SHTT luôn là một trong những nội dung quan trọng. Với việc tham gia các điều ước quốc tế thì chúng ta có nghĩa vụ phải tuân thủ các cam kết trong điều ước quốc tế và nhiều khi những cam kết này ảnh hưởng rất lớn đến hệ thống pháp luật quốc gia. Hai điều ước quốc tế có ảnh hưởng rất lớn đến hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Có nhiều nội dung về thực thi QSHTT trong hai hiệp định này buộc chúng ta phải có những sửa đổi, bổ sung trong hệ thống pháp luật để đảm bảo sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và cam kết quốc tế.

- Xã hội phát triển, công nghệ phát triển, các quan hệ kinh tế, thương mại phát triển kéo theo những hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu mới phát sinh khiến cho những quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN hiện hành không còn phù hợp và cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới.

3.2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Luật SHTT được xây dựng rất gấp gáp để kịp ban hành vào năm 2005 phục vụ việc hoàn tất các thủ tục để Việt Nam gia nhập WTO trong khi kinh nghiệm xây dựng pháp luật SHTT của Việt Nam còn thiếu nên các quy định pháp luật còn có những nội dung chưa hoàn chỉnh.

- Kinh nghiệm lập pháp của các chuyên gia pháp lý còn hạn chế dẫn tới việc

chưa bao quát được hết, chưa dự liệu được hết những tình huống cần được luật hóa liên quan đến hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

- Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực pháp luật khác nhau. Quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần có sự tham gia của nhiều ngành, lĩnh vực nên đòi hỏi sự đóng góp, tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm. Tuy nhiên, do lĩnh vực công tác nào cũng rất bận rộn, trình độ, kiến thức về SHTT của cán bộ ở nhiều ngành, lĩnh vực không đồng đều nên việc tham gia, góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các bên liên quan còn thụ động, chưa tích cực dẫn đến hiệu quả góp ý thấp, văn bản ban hành ra mới phát hiện thấy những khiếm khuyết, sai sót, chưa thống nhất hoặc đã phát hiện ra sự không thống nhất hay còn thiếu sót thì cũng phải mất rất nhiều thời gian mới có thể sửa đổi, bổ sung.

Kết luận Chương 3

1. Pháp luật bảo hộ về bảo hộ quyền SHTT nói chung và xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng được xây dựng và phát triển trong một khoảng thời gian chưa dài song trong khoảng 10 trở lại đây (đánh dấu bằng sự ra đời của Luật SHTT) pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đã có bước phát triển mạnh mẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động đấu tranh phòng và chống các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, góp phần cơ bản trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của chủ thể quyền đối với nhãn hiệu, quyền lợi của người tiêu dùng, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư, tạo hình ảnh tốt của Việt Nam về thực thi các cam kết quốc tế.

2. Bên cạnh những ưu điểm đáng ghi nhận, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng bộc lộ những bất cập nhất định trên cả phương diện nội dung và hình thức thể hiện như: pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn có những nội dung chưa toàn diện, chưa thống nhất và đồng bộ, chưa đáp

ứng được đầy đủ những yêu cầu của tính khoa học và thực tiễn, một số quy phạm còn chưa phù hợp, không khả thi, cần phải sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

3. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những bất cập của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong đó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Việc phân tích, tìm hiểu các nguyên nhân này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo cơ sở cho việc đề xuất và xây dựng những quan điểm và giải pháp chung và cụ thể hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

4. Thực trạng trên đang đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

4.1. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU Ở VIỆT NAM

Hoàn thiện pháp luật - công cụ chủ yếu để nhà nước xã hội - là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận của pháp luật Việt Nam nên không thể nằm ngoài xu thế đó. Mức độ phát triển và văn minh của một quốc gia không chỉ được đánh giá bằng tốc độ tăng trưởng của GDP, của thu nhập bình quân đầu người mà còn phụ thuộc vào giá trị công bằng và khả năng thực thi của pháp luật [95]. Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam phải được đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật SHTT nói chung.

Để việc pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng các mục tiêu phát triển đất nước thì việc hoàn thiện pháp luật cần quán triệt những quan điểm như sau:

4.1.1. Thể chế hóa kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Cùng với đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước, vấn đề tạo lập cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được Đảng ta quan tâm chỉ đạo ngay từ Đại hội lần thứ VI (1986). Chủ trương "thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ" [40] tiếp tục được khẳng định tại Văn kiện của Đại hội VIII, đặc biệt, được xác định thành một nhiệm vụ quan trọng về "hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ" [41] tại Văn kiện của Đại hội lần thứ IX và Kết luận của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khoá IX). Đến Đại hội lần thứ IX và gần đây nhất là tại Hội nghị Trung ương lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa lần thứ XII vấn đề "Hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ và thực thi hiệu quả"

[7] lại được tiếp tục nhắc lại là một trong những nội dung để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2010 - 2020 [101] do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng xác định quan điểm phát triển khoa học công nghệ là phát triển thị trường khoa học công nghệ gắn với thực thi pháp luật về SHTT. Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận của pháp luật SHTT, do vậy, việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng phải đảm bảo việc thể chế hoá các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thu hút đầu tư, đảm bảo trật tự quản lý xã hội và hội nhập quốc tế.

Các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải quán triệt quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong Nghị quyết số 48NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, theo đó cần đảm bảo tính "đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch" đồng thời đảm bảo tính đầy đủ và hiệu quả theo yêu cầu hội nhập quốc tế [8] và theo đúng định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật pháp luật sở hữu trí tuệ, bảo trợ tư pháp, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tính thống nhất đảm bảo không có hiện tượng trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn lẫn nhau giữa của các quy phạm pháp luật trong cùng ngành luật và giữa các ngành luật với nhau. Tính đồng bộ thể hiện ở việc ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết các văn bản, quy định pháp luật trong những trường hợp cần có sự quy định chi tiết, để khi văn bản pháp luật có hiệu lực thì nó cũng đã có đủ các điều kiện để có thể được tổ chức thực hiện ngay trên thực tế. Tính đồng bộ của hệ thống pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến tính khả thi và hiệu quả của pháp luật [107]. Điều này là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu vì nội dung về thực thi QSHTT trong đó chứa đựng nội dung về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là cam kết bắt buộc trong nhiều điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành

viên. Tính "đầy đủ" và "hiệu quả" luôn là yêu cầu đối với pháp luật về bảo hộ QSHTT trong các điều ước quốc tế có liên quan. Điều đó có nghĩa là ngoài việc quy định đầy đủ các nội dung của hoạt động thực thi quyền thì còn phải đảm bảo việc thực hiện các quy định đó sẽ đạt hiệu quả bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng cần phải đảm bảo tính công khai, minh bạch từ khâu xây dựng, ban hành tới thực thi văn bản pháp luật.

Để thực hiện được tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật thì trong quá trình hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các cơ quan có thẩm quyền phải thường xuyên rà soát, kiểm tra, đối chiếu, so sánh và hệ thống hoá pháp luật để kịp thời phát hiện những điểm không phù hợp trong nội dung, hình thức của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận của hệ thống pháp luật Việt Nam, do đó, hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu luôn phải đặt trong tổng thể hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung. Có như vậy, pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu mới có sự phù hợp cần thiết với hệ thống pháp luật quốc gia, đảm bảo được tính thống nhất, đồng bộ, không có mâu thuẫn, chồng chéo về nội dung và hình thức. Mỗi quan hệ giữa Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Hải quan và một số đạo luật khác và các văn bản hướng dẫn thi hành cần phải đặc biệt chú ý để đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn. Hơn thế nữa, trong quá trình hội nhập quốc tế chúng ta có nghĩa vụ phải thực hiện rất nhiều cam kết và phải đảm bảo sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, vì thế, hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN cũng cần phải đạt được sự thống nhất giữa pháp luật quốc gia và quốc tế về những vấn đề có liên quan.

Pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần phải đảm bảo tính minh bạch, khả thi và đầy đủ, thể hiện ở chỗ bao quát hết được

những vấn đề cần điều chỉnh khi xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; rõ ràng, cụ thể đến mức áp dụng được trên thực tế, tránh các quy định khung hay quy định có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Nên hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu theo hướng cụ thể ngay từ các văn bản luật để hạn chế các văn bản dưới Luật, tạo thuận lợi cho các chủ thể áp dụng pháp luật.

4.1.2. Đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, lợi ích của lợi ích của xã hội và lợi ích của quốc gia trong hội nhập quốc tế

Quá trình hội nhập quốc tế mang đến cho Việt Nam cả cơ hội lẫn thách thức. Việc tăng cường bảo hộ quyền SHTT khi Việt Nam hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới sẽ mang cơ hội tới cho nền kinh tế quốc gia, từng chủ thể nếu tận dụng được cơ hội và sẽ là thách thức lớn nếu bản thân nền kinh tế, từng chủ thể không tự đổi mới, chuyển biến để thích ứng với những đòi hỏi cũng như thay đổi của quá trình hội nhập. Xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu một mặt bảo vệ lợi ích của chủ thể sở hữu nhãn hiệu, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, tạo sự yên tâm, tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đảm bảo cho người tiêu dùng được tiếp cận với hàng hoá, dịch vụ đúng nguồn gốc, mặt khác chấm dứt cơ hội để các chủ thể kinh doanh sử dụng nhãn hiệu của người khác thực chất là đánh cắp nhãn hiệu của người khác, hạn chế cơ hội dùng hàng hoá giá rẻ mang nhãn hiệu bị đánh cắp của các doanh nghiệp có uy tín...

Trong bối cảnh ở Việt Nam các chủ thể kinh doanh đa phần là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm lực kinh tế cũng như hiểu biết pháp luật SHTT còn hạn chế, nhận thức và đầu tư cho vấn đề SHTT còn chưa tương xứng với yêu cầu, người tiêu dùng còn chưa thực sự quan tâm đến việc bảo hộ và thực thi QSHTT cũng như tôn trọng QSHTT của người khác, chúng ta cần có những quy định pháp luật phù hợp, khả thi để tạo cơ hội và tạo thuận lợi cho các chủ thể bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình, vừa đảm bảo hài hoà được lợi ích của quốc gia, lợi ích của xã hội, lợi ích của chủ thể quyền đối với NH cũng như lợi ích của người tiêu dùng mà vẫn tuân thủ các cam kết quốc tế.

Hơn nữa, việc sử dụng nguồn lực công trong xử lý hành vi xâm phạm

QSHCN cũng cần phải hết sức cân nhắc khi ngân sách nhà nước phải chi trả cho bộ máy thực thi quyền để bảo vệ tài sản có bản chất là tài sản tư. Bởi lẽ đó, hoạt động hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu sẽ phải theo định hướng thu hẹp loại hành vi xâm phạm QSHCN bị xử lý bằng biện pháp hành chính; chỉ xử lý bằng biện pháp hình sự những hành vi xâm phạm QSHCN có mức độ xâm phạm cao, gây thiệt hại rõ ràng cho bên nắm quyền, ảnh hưởng lớn đến người tiêu dùng và xã hội (hành vi giả mạo nhãn hiệu); tăng cường xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp hỗ trợ hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; đơn giản hóa các thủ tục trong tất cả các biện pháp xử lý hành vi phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu để tạo cơ hội thuận lợi và dễ dàng cho các chủ thể trong xã hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ.

4.1.3. Kế thừa các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước để vận dụng phù hợp với tình hình Việt Nam

Trong quá trình hoàn thiện pháp luật, cần quán triệt quan điểm hoàn thiện trên cơ sở kế thừa những thành tựu có trước đã chứng minh được sự hợp lý và hiệu quả. Để thực hiện điều này cần phải nghiên cứu và rà soát nghiêm túc hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để phát hiện những ưu, nhược điểm của các quy định hiện hành nhằm giữ lại những quy định phù hợp, sửa đổi những quy định không hoặc chưa phù hợp, bổ sung những quy định mới phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tiễn và yêu cầu trong các cam kết quốc tế. Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đề ra quan điểm chỉ đạo trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam là "chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế", "xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật".

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm thực tiễn và pháp

luật của các nước khác để vận dụng phù hợp với tình hình của Việt Nam cũng là việc hết sức cần thiết. Nước ngoài họ đã đi trước chúng ta rất nhiều trong xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về SHTT nói chung, trong khi đó, pháp luật về SHTT của Việt Nam mà pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là một bộ phận mới chỉ thực sự phát triển khoảng hơn 10 năm trở lại đây khi Việt Nam gia nhập WTO và có Luật SHTT độc lập. Do đó, việc tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để học hỏi, vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam vừa đảm bảo sự kế thừa kinh nghiệm xây dựng pháp luật của quốc tế vừa đảm bảo pháp luật Việt Nam bắt kịp với xu thế chung của pháp luật quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng đã được xác định rất cụ thể trong các văn kiện của Đảng cũng như trong chính sách pháp luật của Nhà nước. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội lần thứ X của Đảng đã xác định rõ: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật" [5]. Căn cứ theo định hướng của Đảng, việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được thực hiện theo các nội dung, quan điểm xuyên suốt như sau: việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, phải cơ bản giải quyết được những bất cập, hạn chế hiện nay của hệ thống quy phạm pháp luật hiện đồng thời cập nhật, bổ sung những quy phạm pháp luật để điều chỉnh những nội dung còn thiếu trong văn bản pháp luật trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm xây dựng pháp luật đã có, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của quốc tế. "Đóng góp quan trọng nhất mà chính phủ có thể thực hiện đối với việc nâng cao hiệu quả thực thi QSHTT là quy định phương thức thực thi các quyền đó một cách nhanh chóng và ít tốn kém" [130, tr.155].

Qua nghiên cứu thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, yêu cầu về thực thi QSHTT trong các cam kết quốc tế mà Việt

Nam có nghĩa vụ phải thực hiện cho thấy việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa quan trọng và là một đòi hỏi mang tính tất yếu khách quan.

4.2.1. Giải pháp tổng thể

4.2.1.1. Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Để có thể đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì một công việc rất quan trọng cần thực hiện là phải tiến hành rà soát, đánh giá một cách toàn diện, cụ thể thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, đặt trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Quá trình đánh giá, tổng kết chủ yếu tập trung làm rõ những thành tựu đã đạt được của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng như quá trình hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu những năm qua, đồng thời, phát hiện, làm sáng tỏ những bất cập của nó, chỉ ra các nguyên nhân của các bất cập, trên cơ sở đó, tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được, khắc phục và rút kinh nghiệm từ những bất cập và hạn chế, xây dựng các quan điểm, luận cứ khoa học để tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Việc tổng kết, đánh giá thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được thực hiện đồng thời trên cả mặt nội dung và hình thức pháp luật, trong đó, chú trọng đánh giá tính toàn diện, đồng bộ, phù hợp, khoa học, thực tiễn, công khai, minh bạch và dân chủ cũng như tính hiệu lực, hiệu quả của pháp luật. Việc tổng kết, đánh giá thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải nhằm mục đích đề ra các quan điểm, giải pháp và các luận cứ khoa học để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu những giai đoạn tiếp theo.

4.2.1.2. Xây dựng hệ thống quan điểm, luận cứ khoa học về hoàn thiện pháp luật xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, yêu cầu hội nhập quốc tế, tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đặc thù của lĩnh vực SHTT, cần hình thành và xây dựng hệ thống quan điểm và những luận cứ khoa học phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực SHCN để làm cơ sở lý luận hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, trong đó, cần tập trung ở một số nội dung cụ thể sau:

Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng thể hiện tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị, trong đó, nhấn mạnh cần xây dựng hệ thống pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu theo hướng toàn diện, đồng bộ, phù hợp, khoa học, thực tiễn, dân chủ, công khai và minh bạch.

Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải xuất phát từ thực tiễn pháp luật Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, bảo đảm kết hợp hài hòa tính truyền thống và tính hiện đại. Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nhằm mục tiêu phát triển bền vững và cơ bản, bảo đảm cho pháp luật tương đối ổn định, kế thừa và phát triển liên tục. Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải bảo đảm tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả trong thực tiễn đời sống xã hội. Cần căn cứ vào chính sách của nhà nước trong bảo hộ QSHTT nói chung, xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng, kết hợp với nhu cầu thực tiễn, yêu cầu hội nhập quốc tế, thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, năng lực của các cơ quan có thẩm quyền, trình độ nhận thức của xã hội để đề ra quan điểm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

4.2.1.3. Đổi mới quy trình, thủ tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Quy trình, thủ tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần được đổi mới một cách căn bản trên tất cả

các mặt, từ sáng kiến pháp luật đến thông qua pháp luật nhằm đẩy nhanh quá trình soạn thảo, thông qua và ban hành luật. Vấn đề thiết yếu là phải bảo đảm nâng cao được chất lượng của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Trong đó, cần phải có quy chế rõ ràng rằng, luật chỉ được xem xét thông qua khi có giải trình thỏa đáng về cơ chế, biện pháp, các nguồn tài lực bảo đảm tổ chức thực hiện, đồng thời, cũng cần xác định rõ là khi một văn bản pháp luật được ban thì cần phải đảm bảo các văn bản pháp luật có liên phải được kịp thời rà soát, sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất.

Việc đổi mới quy trình, thủ tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải đảm bảo cho quy trình đó được thực hiện theo cách thức khoa học và hiện đại, các thủ tục được tiến hành nhanh gọn, kịp thời, xuyên suốt, luôn đáp ứng được yêu cầu về tiến độ nhưng đồng thời phải bảo đảm nâng cao được chất lượng, hiệu quả trong mỗi bước thực hiện.

4.3.2. Một số giải pháp cụ thể

Từ thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phân tích trong Chương 3, có thể đưa ra một số giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu hướng tới những mục tiêu sau:

Thứ nhất, đảm bảo pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thống nhất, đồng bộ với pháp luật quốc gia, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ hai, đảm bảo pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, với xu hướng phát triển pháp luật nói chung của thế giới

Để pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đạt được mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc ngăn chặn và truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư, khuyến khích sáng tạo, tạo dựng vị thế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế, trên cơ sở những quan điểm nêu trong Mục 4.1., pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cần được hoàn thiện theo những giải pháp sau:

4.3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đảm bảo sự toàn diện, thống nhất, đồng bộ với pháp luật quốc gia, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về hành vi bị coi là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong Luật Sở hữu trí tuệ

Khái niệm hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong Luật Sở hữu trí tuệ cần được xây dựng có tính chất khái quát cao, bao quát hết được các dạng hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đặc biệt hành vi xâm phạm nhãn hiệu trong môi trường Internet, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam từ đó có thể bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của bên nắm quyền đối với nhãn hiệu, bảo vệ thành quả đầu tư, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Hiện tại khái niệm hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đang chưa đạt được những yêu cầu nêu trên, bởi vậy, cần thiết phải hoàn thiện khái niệm hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong Luật Sở hữu trí tuệ.

Kiến nghị này được đưa ra dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn như sau:

Hiện tại, những hành vi bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được quy định tại Điều 129 Luật SHTT nhưng thực chất còn có những điều luật khác xác định một hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như Điều 211 (hành vi giả mạo nhãn hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính - một dạng hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở mức độ cao, cụ thể là sử dụng dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ), Điều 213 Luật SHTT (hàng hóa bị coi là hàng hóa giả mạo).

Điều 129 Luật SHTT được xây dựng dưới hình thức mô tả cách sử dụng một dấu hiệu như thế nào thì sẽ bị coi là thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Theo tinh thần của Điều 129 Luật SHTT có thể rút ra rằng hành vi sử dụng một dấu hiệu cho hàng hoá, dịch vụ mà khiến cho một nhãn hiệu đang được bảo hộ của người khác bị mất khả năng phân biệt hoặc người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ hoặc hiểu sai lệch về mối quan hệ

giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu (đối với nhãn hiệu nổi tiếng) thì hành vi đó bị coi là xâm phạm QSHCN của nhãn hiệu đang được bảo hộ.

Vấn đề của Điều 129 là không quy định thế nào là "sử dụng" dấu hiệu bị coi là xâm phạm.

Trong khi đó, tại Khoản 5 Điều 124 khi quy định về quyền sử dụng nhãn hiệu của chủ sở hữu có liệt kê những hành vi được coi là sử dụng nhãn hiệu đang được bảo hộ như sau: gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh; lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán hàng hoá mang nhãn hiệu được bảo hộ. Câu hỏi ở đây là liệu người bị cho là thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thực hiện những hành vi như mô tả tại Khoản 5 Điều 124 đối với dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm thì có bị coi là "sử dụng dấu hiệu" như quy định tại Điều 129 hay không?

Xét về bản chất hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là hành vi sử dụng một dấu hiệu theo cách giống như chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng khiến cho nhãn hiệu bị mất khả năng phân biệt, không còn khả năng phân biệt nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ, làm cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ hoặc. Trường hợp nhãn hiệu bị xâm phạm là nhãn hiệu nổi tiếng thì hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng còn khiến cho người tiêu dùng lầm tưởng giữa chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng và người bị nghi ngờ thực hiện hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu có mối quan hệ với nhau, người bị nghi ngờ thực hiện hành vi xâm phạm được hưởng lợi từ danh tiếng của nhãn hiệu nổi tiếng. Từ đó có thể suy luận, một người sử dụng một dấu hiệu quy định tại Điều 129 Luật SHTT theo cách quy định tại Điều 124 Luật SHTT thì nghĩa là người đó đang thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Theo Luật SHTT hàng hoá giả mạo nhãn hiệu là hàng hoá, bao bì của hàng hoá có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu. Tuy không có bất kỳ quy định pháp luật nào nhắc tới khái niệm hành vi giả mạo nhãn hiệu nhưng kết hợp giữa Điều 213 và Điều 129 Luật SHTT có thể suy luận là những hành vi được

liệt kê tại Điều 129 Luật SHTT được gọi chung là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, các hành vi đó được chia thành hai cấp độ: hành vi giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 129 (nhưng chưa đầy đủ do còn thiếu trường hợp sử dụng dấu hiệu khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ) và hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu không phải là hành vi giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 129 Luật SHTT. Thuật ngữ "dấu hiệu khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ" ở đây cũng cần phải xem xét vì về bản chất tất cả các dấu hiệu bị coi là xâm phạm nhãn hiệu nói chung đều khó phân biệt (không có khả năng phân biệt) với nhãn hiệu đang được bảo hộ. Trong trường hợp giả mạo nhãn hiệu (mức độ xâm phạm quyền rất cao) thì có lẽ nên quy định giống như thông lệ quốc tế về nhãn hiệu giả mạo [67, Điều 25 Khoản 2.a)(i)] nhãn hiệu giả mạo là nhãn hiệu trùng hoặc nhãn hiệu không thể phân biệt ở những yếu tố cơ bản nhất với nhãn hiệu đang được bảo hộ.

Hơn nữa, để hướng dẫn xác định hàng hoá giả mạo nhãn hiệu theo Điều 213 Luật SHTT, căn cứ xác định nhãn hiệu giả mạo trong văn bản dưới luật [20, Điều 11 khoản 5] đã mở rộng hơn nhiều so với quy định tại Điều 213, không chỉ giới hạn ở hàng hoá trùng hoặc khó phân biệt "chính mặt hàng đó" mà mở rộng thành sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc khó phân biệt "cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại".

Xem xét Điều 211 Luật SHTT về những hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính thì thấy xuất hiện hành vi xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, hành vi nhập khẩu, sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn mang nhãn hiệu giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này. Vậy mối liên quan giữa các hành vi liệt kê trong Điều 129 Luật SHTT và Điều 211 Luật SHTT là thế nào?

Có thể thấy, một dấu hiệu nếu tồn tại độc lập, chưa được sử dụng trên một hàng hoá hoặc cho một dịch vụ nhất định thì không đủ căn cứ để khẳng định dấu hiệu đó có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ. Nếu muốn truy cứu trách nhiệm pháp lý cả những chủ thể tạo ra những tem nhãn chứa dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu thì cần phải xác định được những tem nhãn đó được tạo ra nhằm mục đích gắn lên một hàng hoá hoặc sử dụng cho một dịch vụ nhất định và việc sử dụng như vậy có nguy cơ gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu.

Đối với hành vi cố ý xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại, xét về bản chất hành vi xuất khẩu không phải là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vì không khai thác thị trường nơi quyền được bảo hộ. Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng chưa có chỗ nào quy định hành vi xuất khẩu hàng hoá giả mạo là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Do thực tế là sau khi Mỹ rút khỏi Hiệp định TTP thì tương lai của hiệp định này trở nên không xác định, hơn nữa, yêu cầu về việc xử lý hình sự đối với hành vi cố ý xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại là một yêu cầu vượt xa những quy định mà Việt Nam đang áp dụng, nếu áp dụng thì ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, nếu không thực hiện cam kết này thì cũng không ảnh hưởng gì đến quyền của chủ nhãn hiệu cũng như người tiêu dùng tại Việt Nam nhưng nếu thực hiện cam kết này thì doanh nghiệp Việt Nam sẽ có thể bị ảnh hưởng, do vậy, tác giả đề xuất chưa đưa hành vi này vào Luật cho đến khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

Những hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử lý vi phạm hành chính được liệt kê trong Điều 11, 12, 13 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, trong đó, có hành vi hiện đang bị quy định phải bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 99/2013/NĐ-CP là hành vi quá cảnh hàng hoá mang dấu hiệu giả mạo hoặc tem, nhãn mang dấu hiệu giả mạo nhưng lại không hề được quy định trong Luật SHTT. Như vậy, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này trong Nghị định số 99/2013/NĐ-CP đã mở rộng so với quy định của Điều 211 Luật SHTT, không đảm bảo tính thống nhất của pháp luật. Hơn nữa, xét về bản chất việc thực hiện hành vi đó không xâm phạm đến quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu ở lãnh thổ Việt Nam, do vậy, cần phải loại bỏ khỏi Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.

Thêm vào đó, hiện tại, trong Luật SHTT không có quy định về việc truy cứu trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trên môi trường internet mà nội dung này được hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP trong khi theo TPP và EVFTA thì chúng ta có nghĩa vụ phải xử lý những hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu xảy ra ở môi trường số giống như ở môi trường thực. Do đó, nên đưa quy định của Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP vào Luật SHTT.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn trên, tác giả đề xuất quy định những hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu theo hướng kết hợp nội dung của Điều 124, 129 Luật SHTT, Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP) và Điều 11, 12 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP (phần có liên quan đến nhãn hiệu), cụ thể là:

"Các hành vi sau đây được thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép thì bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu:

1. Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng với hàng hóa, dịch vụ đang được bảo hộ theo nhãn hiệu đó;

2. Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hóa, dịch vụ đang được bảo hộ theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;

3. Sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hóa, dịch vụ đang được bảo hộ theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;

4. Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hóa, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hóa, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng.

5. Hành vi quy định tại mục 1) và hành vi sử dụng dấu hiệu chỉ khác biệt với nhãn hiệu được bảo hộ ở những chi tiết rất nhỏ, không phải là thành phần cơ bản của nhãn hiệu cho hàng hóa, dịch vụ trùng với hàng hóa, dịch vụ đang được bảo hộ theo nhãn hiệu đó được gọi là hành vi giả mạo nhãn hiệu. Nhãn hiệu được tạo ra bởi hành vi giả mạo nhãn hiệu được gọi là nhãn hiệu giả mạo. Hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu giả mạo gọi là hàng hoá giả mạo, dịch vụ giả mạo.

6. Các hành vi quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.

7. Sử dụng dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm

Những trường hợp bị coi là sử dụng dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm

- Sản xuất, lưu thông, bán, chào bán, quảng cáo để bán, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, trưng bày để bán hàng hoá, dịch vụ mang dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm;

- Đặt hàng, giao việc, thuê người khác sản xuất, bán, chào bán, quảng cáo để bán, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, trưng bày để bán hàng hoá, dịch vụ mang dấu hiệu bị nghi ngờ xâm phạm;

- Sản xuất bao gồm cả thiết kế, in ấn; nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu dự định được sử dụng để gắn lên hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự hoặc có liên quan với hàng hoá, dịch vụ trong danh mục của danh mục đang được bảo hộ của nhãn hiệu".

Ngoài ra, để phù hợp với logic bố trí các điều khoản trong những Mục phù hợp thì tác giả đề xuất chuyển điều 129 từ Mục 1 của Chương IX Luật SHTT sang Chương XVI Quy định chung về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Do khái niệm hàng hoá giả mạo nhãn hiệu đã được bổ sung vào điều luật về những trường hợp bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở trên nên tác giả đề xuất bỏ Điều 213 Luật SHTT, Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP.

Căn cứ vào các dạng hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu mới được đề xuất sửa đổi trong Điều 129 Luật SHTT thì cần sửa đổi những điều luật trong các văn bản hướng dẫn luật có liên quan đến điều này như Điều 11, 12, 13 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.

Hai là, bổ sung quy định về những hành vi không bị coi là hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và thể hiện ở dạng khái quát, mang tính nguyên tắc để có thể bao quát hết các trường hợp không bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

Quy định pháp luật hiện tại về vấn đề này còn chưa bao quát hết các trường hợp sử dụng một dấu hiệu nhưng không bị coi là xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đồng thời được quy định gián tiếp qua nội dung hạn chế quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu. Nên quy định thành một điều riêng trong LSHTT để rõ ràng hơn.

Ba là, phân định ranh giới hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bị xử lý bằng biện pháp hành chính và biện pháp hình sự

Từ quy định tại Điều 211 và 212 của Luật SHTT thì có thể rút ra là cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; cũng những hành vi đó nếu cấu thành tội phạm theo quy định của bộ luật hình sự thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng không tìm thấy quy định nào quy định ngưỡng giới hạn để bị xử phạt hành chính và vượt qua ngưỡng đó sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điều 11, 12 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo giá trị hàng hoá, dịch vụ vi phạm và cách tính dựa vào quy định tại Điều 28 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP. Mọi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu đều có thể bị xử phạt vi phạm hành chính nếu hành vi được thực hiện với mục đích kinh doanh mà không có giới hạn mức tối thiểu và tối đa giá trị hàng hoá, dịch vụ vi phạm. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chỉ giới hạn mức phạt tiền đối với hành vi xâm phạm là không quá hai trăm năm mươi triệu đồng đối với cá nhân và năm trăm triệu đồng đối với tổ chức. Trong khi đó hành vi được xác định sẽ bị xử lý hình sự theo Điều 212 Luật SHTT là khi cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm. Theo Điều 171 Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2009) quy định cá nhân sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi cá nhân cố ý xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở quy mô thương mại mà không có bất kỳ hướng dẫn nào về việc xác định quy mô thương mại. Có thể thấy căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành thì không thể xác định được trường hợp nào một hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải bị xử lý hình sự mà không phải là xử lý hành chính. Bởi lý do đó thực tế hiện nay đa phần các vụ việc xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được xử lý bằng biện pháp hành chính. Điều này dẫn đến hiệu quả trừng phạt, răn đe của pháp luật không cao, người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN trong những trường hợp nghiêm trọng đáng ra phải xử lý hình sự vẫn không phải chịu trách nhiệm hình sự. Các hành vi xâm phạm QSHCN đối với

nhãn hiệu vì thế vẫn không ngừng gia tăng do các biện pháp chế tài xử lý người thực hiện hành vi không đủ mạnh, không khiến cho bản thân họ cũng như những người khác trong xã hội thấy sợ để không dám thực hiện hành vi vi phạm.

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sửa đổi cơ bản trong cấu thành tội phạm tội xâm phạm QSHCN tại Điều 226, theo đó, sự không rõ ràng trong căn cứ truy tố tội phạm là "quy mô thương mại" của hành vi xâm phạm khiến khó truy cứu trách nhiệm người phạm tội đã được quy định cụ thể dựa vào một trong ba căn cứ số là số tiền thu lợi bất chính, số tiền gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc giá trị hàng hoá vi phạm. Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 đang bị tạm hoãn thi hành nhưng Điều 226 không thuộc vào các sai sót khiến Bộ luật Hình sự năm 2015 bị hoãn thi hành, do vậy, trong tương lai Điều luật này vẫn sẽ được áp dụng. Cách thức xây dựng cấu thành tội phạm trong Điều 226 rõ ràng đã giải quyết được vấn đề lâu nay vướng mắc là không có ranh giới phân định khi nào thì xử lý hành chính, khi nào thì xử lý hình sự hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là mọi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nếu thực hiện một cách cố ý và thuộc vào một trong ba trường hợp quy định tại Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015 căn cứ theo số tiền thu lợi bất chính, số tiền gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc giá trị hàng hoá vi phạm thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà không chỉ giới hạn ở hành vi giả mạo nhãn hiệu. Theo quan điểm của tác giả thì nên chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự với tội giả mạo nhãn hiệu vì mức độ xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu nghiêm trọng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, thiệt hại đến quyền lợi của chủ thể quyền, thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội hơn nữa với hành vi giả mạo nhãn hiệu thì có thể suy đoán lỗi là cố ý. Với hành vi xâm phạm nhãn hiệu không đến mức giả mạo nhãn hiệu thì xử lý đúng với bản chất là quan hệ dân sự giữa hai bên và không hình sự hoá quan hệ dân sự. Việc chỉ xử lý hình sự đối với tội giả mạo nhãn hiệu và là phù hợp với thông lệ quốc tế, với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam. Do vậy, để tên gọi Điều 226 phản ánh đúng nội dung thì cần điều chỉnh lại tên gọi là "tội giả mạo nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý" và thay cụm từ "cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu" thành "cố ý giả mạo nhãn hiệu".

Do sự thay đổi trong cấu thành tội phạm đối với tội xâm phạm QSHCN (Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015) nên khi Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực, để đảm bảo tính thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật hành chính, cần phải sửa đổi Điều 12 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, theo đó, căn cứ xác định hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính thay vì chỉ dựa vào giá trị hàng hoá, dịch vụ vi phạm thì có thể dựa vào khoản thu lợi bất chính hoặc số tiền gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu và ranh giới để xác định một hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự xác định theo giá trị hàng hoá, dịch vụ vi phạm hoặc khoản thu lợi bất chính hoặc số tiền gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu là khoản tiền tối thiểu theo quy định của Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị bổ sung vào Điều 226 căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi giả mạo nhãn hiệu liên quan đến tem, nhãn giả mạo, đồng thời quy định rõ trong Điều 13 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngưỡng cao nhất có thể bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi giả mạo nhãn hiệu liên quan đến tem, nhãn giả mạo (vượt ngưỡng đó sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự).

Bốn là, bổ sung quy định trong Luật bảo vệ người tiêu dùng 2012 quyền của người tiêu dùng được bồi thường thiệt hại khi bị do nhà kinh doanh cung cấp là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu

Khi hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu xảy ra, không chỉ chủ thể quyền bị thiệt hại mà người tiêu dùng - đối tượng nhãn hiệu tác động tới cũng bị ảnh hưởng theo. Người tiêu dùng lúc này bị mất phương hướng do nhãn hiệu không còn thực hiện được chức năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ, chức năng chỉ dẫn nguồn gốc và họ sẽ ra quyết định lựa chọn hàng hoá, dịch vụ trái với mong muốn của họ. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được sinh ra với mục đích để bảo vệ người tiêu dùng trong mối quan hệ với người cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Về nguyên tắc, trong mối quan hệ giữa chủ thể QSHCN đối với nhãn hiệu, người thực hiện hành vi xâm phạm nhãn hiệu, người tiêu dùng thì hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu cũng gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Bộ luật Dân sự năm 2015 trong Điều 608 quy định trách nhiệm bồi thường của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không đảm

bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ thì phải bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 cũng bỏ sót không nhắc tới trường hợp người tiêu dùng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại khi họ mua phải hàng hoá hoặc sử dụng dịch vụ không đúng như mong muốn của họ bởi họ bị nhầm lẫn do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây ra.

Tuy nhiên, có lẽ chỉ trong trường hợp giả mạo nhãn hiệu thì người tiêu dùng mới có quyền đòi bồi thường thiệt hại vì bản thân người tiêu dùng cũng có nghĩa vụ phải kiểm tra hàng hoá, dịch vụ trước khi tiếp nhận... tức là họ cũng phải có trách nhiệm đối với lựa chọn của mình. Nhưng trong trường hợp giả mạo nhãn hiệu thì chính vì chủ ý lừa dối, cố tình gây nhầm lẫn của người bán/người cung cấp dịch vụ (thể hiện bằng việc sử dụng hàng hoá mang nhãn hiệu giả mạo) thì người tiêu dùng không thể nhận biết được hậu quả là họ bị nhầm lẫn.

Tác giả kiến nghị bổ sung trong Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trường hợp người tiêu dùng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do họ bị nhầm lẫn trong lựa chọn hàng hoá, dịch vụ gây ra bởi hành vi giả mạo nhãn hiệu.

Năm là, sửa đổi quy định về giải quyết xung đột quyền giữa các đối tượng SHTT

Quy định giải quyết xung đột QSHTT hiện tại chưa bao quát hết các trường hợp xung đột quyền và mới được quy định ở cấp độ nghị định. Tác giả đề xuất sửa Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP và bổ sung toàn bộ nội dung của điều luật này vào LSHTT khi tiến hành sửa LSHTT.

Nội dung đề xuất sửa như sau: "1. Quyền sở hữu trí tuệ có thể bị huỷ bỏ hiệu lực hoặc bị cấm sử dụng nếu xung đột với quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác được xác lập trước."

Sáu là, phân định rõ các khái niệm hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và hàng giả mạo nhãn hiệu làm cơ sở cho việc xác định hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các Điều 156, 157 và 158 và Điều 171 Bộ luật Hình sự 2009.

Hiện tại khái niệm hàng giả được quy định tại điểm đ) g), h) Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP trong đó bao gồm cả hàng giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điều 213 Luật SHTT. Tuy nhiên, ngoại trừ hàng giả mạo nhãn hiệu đã được xác định rõ thì rất nhiều trường hợp hàng giả khác quy định trong Khoản 8 Điều 3 cũng có thể là hàng hoá mang nhãn hiệu xâm phạm QSHCN

như hàng hoá có bao bì hàng hoá giả mạo tên thương nhân, tem, nhãn, bao bì giả. Nghị định số 185/2013/NĐ-CP chỉ mới xác định trường hợp giả mạo nhãn hiệu theo Điều 213 Luật SHTT thì xử lý theo quy định của pháp luật SHTT.

Theo quy định của pháp luật thì hành vi sản xuất và buôn bán hàng giả và hành vi giả mạo nhãn hiệu đều có thể bị xử phạt vi phạm hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự bởi các điều luật khác nhau. Căn cứ xác định hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo tội liên quan đến hàng giả quy định tại Điều 156 đến Điều 158 Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 (Điều 192 đến 195 Bộ luật Hình sự 2015) và tội liên quan đến hàng giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 (Điều 226 Bộ luật Hình sự 2015). Vấn đề là phải xác định rõ trong trường hợp nào thì hành vi sản xuất và buôn bán hàng giả sẽ bị xử lý theo một trong các Điều 156 đến 158 hoặc 171 vì có thể xảy ra trường hợp một người thực hiện hành vi giả mạo nhãn hiệu nhưng đồng thời hàng hoá mang nhãn hiệu giả mạo đó cũng thuộc đối tượng là những hàng hoá quy định tại Điều 156 đến 158.

Trước đây tại Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BTC-BCA-KHCNMT đã từng phân loại hàng giả rất rõ ràng, theo đó hàng giả có thể chia thành các nhóm cụ thể gồm có hàng giả về nội dung (giả về chất lượng hoặc công dụng), hàng giả về hình thức (giả về nhãn hiệu, kiểu dáng công, nguồn gốc, xuất xứ hàng hoá) và hàng giả cả về nội dung và hình thức [4]. Thông tư này hiện đã hết hiệu lực. Để giải quyết được sự không rõ ràng giữa khái niệm hàng giả với hàng xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và hàng giả mạo nhãn hiệu nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cứu trách nhiệm pháp lý (hành chính, hình sự) đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm thì tác giả đề xuất sử dụng cách thức phân loại hàng giả như trong Thông tư nêu trên vào Nghị định số 185/2013/NĐ-CP thay thế cho Điều 3 nhưng có điều chỉnh theo hướng giới hạn hàng giả về SHTT chỉ là hàng mang nhãn hiệu giả mạo theo quy định của Luật SHTT.

Bây là, loại bỏ quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ thể thực hiện hành vi quá cảnh hàng hóa xâm phạm QSHCN nhãn hiệu.

Để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật thì văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn phải phù hợp với văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, liên quan đến hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu

bị xử lý hành chính thì văn bản dưới luật cụ thể là Nghị định số 99/2013/NĐ-CP đã mở rộng hơn so với quy định của Luật SHTT, xử phạt vi phạm hành chính đối với cả hành vi quá cảnh hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Quy định như vậy vừa không đảm bảo sự thống nhất của pháp luật, vừa không hợp lý vì thực chất hành vi quá cảnh hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu không xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu do hàng hóa không được tiêu thụ ở thị trường nội địa và do vậy cần phải loại bỏ khỏi quy định pháp luật.

Tám là, sửa đổi quy định liên quan đến giám định sở hữu công nghiệp, cung cấp ý kiến chuyên môn hỗ trợ hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Muốn phát triển tổ chức giám định, trước tiên cần có giải pháp nâng số lượng giám định viên và tạo cơ chế cho những người này có thể tiến hành hoạt động giám định độc lập, giám định theo vụ việc. Để tận dụng được những chuyên gia có kinh nghiệm trong khi chưa thể phát triển ngay được các tổ chức giám định mới thì tác giả đề xuất bổ sung hình thức giám định theo vụ việc tiến hành bởi những cá nhân đang làm việc trong các cơ quan có liên quan đến hoạt động xác lập và bảo vệ QSHTT, có trình độ chuyên môn và năng lực để thực hiện công việc giám định nhãn hiệu.

Để tránh tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi" trong bảo hộ QSHCN đối với nhãn hiệu, tác giả đề xuất giới hạn phạm vi cung cấp ý kiến chuyên môn hỗ trợ cho quá trình xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu của Cục SHTT chỉ dừng lại ở việc cho ý kiến về phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đang được bảo hộ. Nếu chỉ giới hạn nội dung cung cấp ý kiến chuyên môn của Cục SHTT như vậy sẽ đảm bảo tính khách quan trong việc đưa ra kết luận giám định, tạo điều kiện cho sự gia tăng về số lượng của tổ chức, cá nhân giám định, chất lượng hoạt động giám định và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thực thi quyền SHTT trước các quyết định xử lý xâm phạm, giải quyết tranh chấp nhãn hiệu.

Chín là, sửa đổi những quy định trong Luật SHTT có dẫn chiếu tới pháp luật tố tụng dân sự cho phù hợp với những thay đổi của pháp luật tố tụng dân sự

Do các thủ tục xử lý hành vi xâm phạm QSHCN bằng biện pháp dân sự được thực hiện theo quy định của Luật SHTT và Bộ luật Tố tụng dân sự trong khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vừa có hiệu lực thay thế cho Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2003 nên có những quy định dẫn chiếu Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2003 trong Luật SHTT không còn phù hợp, cần phải sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất cũng như khả năng áp dụng pháp luật.

Mười là, giới hạn phạm vi hàng hóa xuất khẩu phải chịu kiểm soát biên giới về SHTT

Hiện tại văn bản hướng dẫn luật Hải quan đang mở rộng đối tượng hàng hóa phải chịu kiểm soát biên giới về sở hữu trí tuệ, theo đó, theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 13/2015/TT-BTC hàng hoá xuất khẩu phải chịu kiểm soát biên giới về sở hữu trí tuệ là những hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm nhãn hiệu chứ không chỉ giới hạn ở hàng hoá giả mạo nhãn hiệu như quy định của Luật SHTT và Luật Hải quan. Quy định như vậy một mặt không đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật đồng thời cũng chưa phù hợp với năng lực của cơ quan thực thi quyền vì để xác định có hay không hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong trường hợp không phải là giả mạo nhãn hiệu thì cần phải có kiến thức chuyên môn sâu trong khi mặt bằng chung cán bộ hải quan chưa thể thực hiện được công việc này. Hơn nữa, quy định như hiện tại cũng vượt quá chuẩn mực quy định trong TRIPS, vì lẽ đó, nên giới hạn phạm vi hàng hóa xuất khẩu phải chịu kiểm soát biên giới về SHTT chỉ còn đối với hàng hóa có dấu hiệu giả mạo mà thôi.

Mười một là, bổ sung quy định về thời hạn cơ quan hải quan ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với hàng hóa giả mạo về SHTT sau khi tạm dừng hàng.

Khoản 4 Điều 216 của Luật Sở hữu trí tuệ có quy định về việc áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT như sau: *"Trong quá trình thực hiện biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu phát hiện hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này thì cơ quan hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật này"*. Tuy nhiên, trong Luật Sở hữu trí tuệ cũng như trong các văn bản pháp luật về hải quan đều chưa có quy định về thời hạn cơ quan hải quan ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với hàng hóa giả mạo về SHTT sau khi tạm dừng hàng. Việc bổ sung quy định về thời hạn này trong các văn bản pháp luật có liên quan là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động xử lý hành vi xâm phạm quyền, đồng thời tránh cản trở một cách bất hợp lý đến hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Mười hai là, giới hạn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bị xử lý bằng biện pháp hành chính.

Trong các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu thì biện pháp hành chính được sử dụng nhiều nhất thể hiện thông qua con số thống kê các vụ việc xâm phạm quyền, hàng giả đối với NH được các cơ quan có liên quan xử lý. Việc xử lý bằng biện pháp hành chính chiếm ưu thế vì một số lý do sau: xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính thường nhanh hơn biện pháp dân sự, phù hợp với thực trạng năng lực của cơ quan thực thi trong xử lý xâm phạm QSHTT. Tuy nhiên, việc xử lý bằng biện pháp hành chính cũng có hạn chế là dễ dẫn đến tình trạng hành chính hoá quan hệ dân sự, không có quy định về bồi thường thiệt hại, không đủ hiệu quả răn đe đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm, có sự tham gia của quá nhiều các cơ quan có thẩm quyền (5 cơ quan có thẩm quyền) trong khi thẩm quyền của các cơ quan này là ngang nhau dễ dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, xử lý không hiệu quả (và thực tế đã là như vậy), không đủ năng lực xử lý.

Bởi lý do đó, tác giả đề xuất giới hạn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bị xử lý bằng biện pháp hành chính ở các hành vi giả mạo nhãn hiệu. Việc điều chỉnh như vậy đảm bảo các quan hệ QSHCN đối với nhãn hiệu vốn có bản chất dân sự được giải quyết bằng con biện pháp dân sự thông qua toà án, nhà nước chỉ dùng quyền lực công can thiệp thông qua biện pháp hành chính vào mỗi quan hệ đó khi nó xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, của xã hội. Hành vi giả mạo nhãn hiệu là cấp độ cao của hành vi xâm phạm nhãn hiệu, khi xảy ra nó gây thiệt hại lớn cho chủ thể quyền, người tiêu dùng, ảnh hưởng xấu tới môi trường kinh doanh lành mạnh nên cần thiết phải sử dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm.

Việc thu gọn thẩm quyền của các cơ quan hành chính trong việc xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu còn góp phần nâng cao năng lực của hệ thống toà án trong việc giải quyết các tranh chấp về QSHTT và cũng phù hợp với xu thế chung của thế giới là chủ yếu giải quyết tranh chấp về QSHTT thông qua toà án. Khi không thể sử dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu các chủ thể có liên quan sẽ phải tìm đến toà án để giải quyết.

Để thực hiện giải pháp này, tác giả đề nghị sửa Khoản 1 Điều 211 của Luật SHTT như sau:

"Điều 211. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc xã hội thuộc một trong các hành vi sau đây bị xử phạt vi phạm hành chính:

a) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;

b) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn hoặc vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này."

Mười ba là, áp dụng biện pháp buộc người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải xin lỗi, cải chính công khai.

Về nguyên tắc xác định thiệt hại, Điều 204 Luật SHTT có xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHTT bao gồm thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần. Chủ thể QSHCN đối với nhãn hiệu không được ghi nhận thiệt hại về tinh thần trong khi trên thực tế đối với những nhãn hiệu nổi tiếng khi nhãn hiệu của họ bị xâm phạm thì uy tín, danh tiếng của họ cũng bị ảnh hưởng rất nhiều, người tiêu dùng có những nhìn nhận sai lệch về sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt trong trường hợp sản phẩm mang nhãn hiệu xâm phạm quyền của người khác lại có chất lượng kém thì uy tín của chủ nhãn hiệu bị xâm phạm càng bị ảnh hưởng xấu. Vì lẽ đó, cần thiết áp dụng biện pháp dân sự buộc xin lỗi, cải chính công khai người có nhãn hiệu bị xâm phạm để phần nào lấy lại danh dự, uy tín cho họ cũng như là một hình thức để công khai hành vi xâm phạm nhằm ngăn chặn những hành vi xâm phạm khác sẽ được thực hiện trong tương lai.

Mười bốn là, điều chỉnh thẩm quyền của toà án nhân dân để đẩy mạnh việc xử lý hành vi xâm phạm sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu thông qua hệ thống toà án nhân dân

Hiện nay, một số lý do khiến cho việc giải quyết tranh chấp thông qua toà án ít được các đối tượng lựa chọn có thể kể đến là thời gian kéo dài, các thẩm phán ít kinh nghiệm giải quyết vụ việc liên quan đến QSHTT, hệ thống cơ quan hành chính giải quyết nhanh chóng và hiệu quả hơn. Có một thực tế là các vụ

việc xâm phạm QSHTT ít được mang tới toà án thì các thẩm phán lại càng ít có cơ hội cọ xát, tích lũy kinh nghiệm trong việc giải quyết những vụ việc tương tự.

Ngoài những hạn chế, bất cập nêu trên thì cơ cấu bộ máy của Toà án nhân dân cấp huyện hiện nay còn đơn giản nên khó khăn trong việc đầu tư, đào tạo chuyên ngành cho các Thẩm phán, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, đặc biệt là việc giải quyết, xét xử các loại vụ việc đòi hỏi chuyên môn sâu và những kỹ năng nghiệp vụ đặc thù như các vụ việc về sở hữu trí tuệ.

Kinh nghiệm ở rất nhiều quốc gia cho thấy việc thành lập toà án chuyên trách về sở hữu trí tuệ là một giải pháp rất hiệu quả để giải quyết các tranh chấp QSHTT. Trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, tuy các vụ việc xử lý hành vi xâm phạm QSHTT được toà án giải quyết còn chiếm số lượng rất khiêm tốn nhưng nếu như biện pháp hành chính được giới hạn lại chỉ áp dụng đối với hành vi giả mạo nhãn hiệu như đề xuất phía trên thì chắc chắn số lượng vụ việc cần được giải quyết sẽ tăng lên. Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, các chủ thể nước ngoài tham gia đầu tư ở thị trường Việt Nam ngày càng tăng, những chủ thể này có truyền thống sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền của mình, ưu chuộng lựa chọn giải quyết tranh chấp tại toà thì cũng là một nguồn tiềm năng để tăng số lượng vụ việc liên quan đến QSHTT cần được toà án giải quyết.

Theo ý kiến của tác giả, giải pháp trước mắt để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHTT nói chung và QSHCN đối với nhãn hiệu nói riêng bằng biện pháp dân sự thì cần điều chỉnh để cấp xét xử đầu tiên đối với vụ việc liên quan đến QSHTT là cấp tỉnh, bố trí thẩm phán chuyên trách SHTT, giải pháp lâu dài là thành lập toà chuyên trách về SHTT để nâng cao chất lượng của việc giải quyết các tranh chấp về QSHTT tại toà án.

4.3.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đảm bảo sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia

Một là, sửa đổi, bổ sung pháp luật Hải quan về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Hiện nay giữa Luật SHTT và Luật Hải quan năm 2014 đang có sự không thống nhất. Trong Khoản 4 Điều 216 Luật SHTT quy định về quyền chủ động của cơ quan hải quan trong xử lý xâm phạm nhãn hiệu "*Trong quá trình thực hiện biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu phát hiện hàng*

hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này thì cơ quan hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật này" thì Luật Hải quan năm 2014 không thấy có nội dung nào quy định về vấn đề này.

Trách nhiệm của cơ quan Hải quan trong việc chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát biên giới tại cửa khẩu đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu còn được quy định tại Hiệp định TRIPS, Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA, do vậy, để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật cần thiết phải quy định trách nhiệm chủ động của cơ quan Hải quan trong xử lý xâm phạm nhãn hiệu giả mạo. Trách nhiệm chủ động của cơ quan Hải quan không chỉ dừng lại ở việc chủ động xử lý hàng hoá giả mạo mà còn trong việc chủ động phối hợp với chủ thể quyền trong việc phát hiện và xử lý hành vi xâm phạm.

Ngoài ra, quy định về chế độ kiểm soát hải quan theo yêu cầu của chủ SHTT trong pháp luật Việt Nam hiện vượt xa yêu cầu của Hiệp định TPP ở một số nội dung như: phạm vi kiểm soát là toàn bộ lĩnh vực SHTT, không hạn chế ở hàng hóa xâm phạm NH và hàng sao lậu bản quyền; đối tượng kiểm soát không chỉ là hàng nhập khẩu, mà cả hàng xuất khẩu; có thủ tục kiểm tra, giám sát. Vì vậy, nên chăng xem xét thu hẹp phạm vi kiểm soát cho phù hợp với năng lực thực tế của cơ quan Hải quan.

Từ những phân tích nêu trên tác giả đề xuất khi sửa Luật SHTT, Luật Hải quan cần xem xét thu hẹp phạm vi, đối tượng và thủ tục kiểm soát không cần thiết sao cho phù hợp với năng lực của cơ quan hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại mặt khác cần bổ sung vào Luật Hải quan nội dung liên quan đến trách nhiệm chủ động của cơ quan Hải quan trong xử lý hàng hoá giả mạo nhãn hiệu tại cửa khẩu.

Hai là, phân biệt mức xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong trường hợp người vi phạm biết và không biết về hành vi mình thực hiện là hành vi vi phạm pháp luật.

Bổ sung vào Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây ra theo hướng có sự phân biệt về mức bồi thường thiệt hại do thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu giữa trường hợp người vi phạm biết và không biết về hành vi mình thực hiện là hành vi vi phạm pháp luật để phù hợp với quy

định của Hiệp định EVFTA. Quy định như vậy đảm bảo phân hóa được trách nhiệm của người thực hiện hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để áp dụng những biện pháp chế tài phù hợp.

Ba là, cho phép lựa chọn hình thức bồi thường thiệt hại theo luật định.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN bằng biện pháp dân sự thì pháp luật nên quy định chủ thể quyền được lựa chọn hình thức bồi thường thiệt hại theo luật định (như quy định trong Hiệp định TPP) mà không phải chỉ giới hạn trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ luật định thì Toà án mới ấn định mức bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên khoản bồi thường này nên phải quy định sao cho đủ bù đắp thiệt hại và có tính răn đe để phòng ngừa hành vi xâm phạm. Thực ra quy định này cũng hợp lý vì nó tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên. Mặc dù Hiệp định TPP chưa có hiệu lực và cũng chưa chắc liệu Hiệp định TPP sẽ có hiệu lực hay không, nhưng kể cả trong trường hợp không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ tương thích với quy định của hiệp định này thì việc cho phép lựa chọn hình thức bồi thường thiệt hại theo luật định sẽ gỡ bỏ gánh nặng cho chủ thể quyền phải chứng minh thiệt hại - một trong những lý do khiến nhiều chủ thể quyền không lựa chọn biện pháp dân sự để xử lý hành vi xâm phạm QSHCN.

Bốn là, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, xử lý hành vi xâm phạm bao gồm cả xâm phạm QSHTT, thông thường pháp luật các quốc gia đều quy định Toà án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án. Luật SHTT trong Điều 206 có quy định hai trường hợp có thể yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là (i) khi đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể QSHTT; (ii) hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời.

Về thời điểm có thể yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì hiện nay pháp luật chỉ cho phép chủ thể quyền yêu cầu khi hoặc sau khi khởi kiện tại Toà án.

Có một vấn đề đặt ra là trên thực tế có những trường hợp chủ thể quyền

chỉ có nhu cầu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình hoặc tránh những hậu quả xấu có thể xảy ra thì họ chỉ muốn Toà án áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để bảo vệ mà không khởi kiện về vụ án.

Ngoài ra, Hiệp định EVFTA quy định chủ thể quyền có thể yêu cầu Toà án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất kỳ thời điểm nào (không phụ thuộc vào việc đã khởi kiện hay chưa) miễn là có bằng chứng chứng minh tính hợp lý làm căn cứ cho yêu cầu của mình. Hiệp định EVFTA còn quy định các trường hợp có thể yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời rộng hơn rất nhiều so với quy định tại Điều 206 Luật SHTT.

Để các quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có tính hợp lý, pháp luật quốc gia thống nhất với pháp luật quốc tế, tác giả kiến nghị sửa đổi Điều 206 Luật SHTT, Khoản 2 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo hướng cho phép chủ thể quyền có quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bổ sung các trường hợp có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tương thích với quy định của Hiệp định EVFTA theo hướng quy định một phần liên quan đến việc áp dụng các quy định khác trong Bộ luật TTDS và quy định những nội dung chi tiết tương thích với EVFTA trong Luật SHTT.

Năm là, bổ sung biện pháp bồi thường bằng tiền thay thế các biện pháp khắc phục khác.

Hiện tại trong khi pháp luật Việt Nam đã có quy định về biện pháp bồi thường bằng tiền nhưng là một biện pháp độc lập chứ không phải là biện pháp thay thế cho các biện pháp khắc phục khác trong khi theo Hiệp định EVFTA thì cho phép bồi thường bằng tiền là biện pháp thay thế cho các một số biện pháp khắc phục nhất định với điều kiện việc này không tạo cơ hội cho bên phải bồi thường tiếp tục thực hiện hành vi xâm phạm. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý vì mục đích cuối cùng là chủ thể quyền vẫn được bồi thường cho những thiệt hại do hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu gây ra vẫn đạt được trong khi dù các biện pháp khắc phục khác (ví dụ như đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xảy ra vi phạm) đáng ra cần phải được áp dụng nhưng đã không được áp dụng mà được thay bằng tiền nhưng việc này hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền đồng thời cũng không gây những ảnh hưởng, tác động xấu tới hoạt động kinh doanh bình thường

của bên thực hiện hành vi xâm phạm, cũng không ảnh hưởng tới người lao động của chủ thể kinh doanh đó.

Kết luận chương 4

Chương 4 luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay.

Các quan điểm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu được đề xuất trên cơ sở các đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật SHTT nói riêng nhằm hướng tới việc đảm bảo sự phù hợp, khả thi với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam đồng thời phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế.

Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải được thực hiện một cách toàn diện về cả nội dung và hình thức thể hiện của pháp luật, trong đó, phải đề cập được toàn bộ các nội dung của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu như xác định hành vi xâm phạm, các biện pháp xử lý xâm phạm, các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm, căn cứ xác định thiệt hại, bồi thường thiệt hại, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các chủ thể hỗ trợ hoạt động xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, đồng thời, phải tập trung đề xuất xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, loại bỏ các văn bản pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu và xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan. Mục tiêu quan trọng là xây dựng được hệ thống pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu toàn diện, đồng bộ, phù hợp, khoa học, công khai và minh bạch.

Các giải pháp được đề xuất để hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong giai đoạn hiện nay bao gồm các giải pháp tổng thể và các giải pháp cụ thể.

KẾT LUẬN

Nhãn hiệu là một loại QSHTT đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của chủ sở hữu nhãn hiệu nói riêng và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia nói chung. Nhãn hiệu cùng với các đối tượng SHTT khác đã và đang khẳng định vai trò là một công cụ hữu hiệu trong phát triển kinh tế - xã hội. Xử lý một cách hiệu quả hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu chính là bảo vệ tốt công cụ để phát triển kinh tế - xã hội.

Pháp luật chính là cơ sở pháp lý để tiến hành các biện pháp xử lý các hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên, xã hội không đứng yên mà vận động không ngừng. Các quy định pháp luật có thể phù hợp ở giai đoạn nhất định nhưng sau đó lại cần phải được thay đổi để phù hợp với những biến chuyển của các quan hệ xã hội cũng như yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu phải thường xuyên được hoàn thiện để đáp ứng với sự thay đổi của các quan hệ pháp luật chịu sự điều chỉnh của nó, đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế. Luận án đã tiếp cận và cố gắng làm rõ khía cạnh lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu.

Về lý luận, luận án đã làm rõ cơ sở lý luận của hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu về khái niệm, đặc điểm, nội dung điều chỉnh và vai trò của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu; các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện và các điều kiện bảo đảm cho sự hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu để làm cơ sở đánh giá thực trạng và mức độ hoàn thiện từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam. Luận án cũng đã nghiên cứu các cam kết liên quan đến xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu trong các điều ước quốc tế Việt Nam mới ký kết hoặc tham gia và pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu của một số nước trên thế giới để rút ra những giá trị tham khảo hữu ích phục vụ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Về thực tiễn, trên cơ sở nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, luận án đánh giá những thành tựu, hạn chế trong các quy định pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế đó. Kết quả của việc đánh giá thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu là cơ sở để luận án đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích toàn diện những vấn đề lý luận, tham khảo có chọn lọc pháp luật nước ngoài, đối chiếu với các quy định của các điều ước quốc tế có liên quan, căn cứ vào thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm QSHCN đối với nhãn hiệu, luận án đề xuất các quan điểm và các nhóm giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường kinh doanh lành mạnh, góp phần thu hút đầu tư và đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả các cam kết quốc tế, thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hà Thị Nguyệt Thu (2013), "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trong kinh tế thị trường", *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (6), tr.57-61.
2. Hà Thị Nguyệt Thu (2013), "Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế", *Nghiên cứu Lập pháp*, (14/246), tr.47-51.
3. Hà Thị Nguyệt Thu (2016), "Một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam", *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử*.
4. Hà Thị Nguyệt Thu (2017), "Vai trò của yếu tố lỗi trong xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (kỳ 329-330), tr.109-115.
5. Hà Thị Nguyệt Thu (2017), "Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, (3), tr.58-61.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Đỗ Thị Anh (2014), *Thực thi pháp luật của Hải quan Việt Nam về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa xuất nhập khẩu*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Quế Anh (2014), "Hiệp định TRIPS: Những tác động tới quy định về tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong Bộ luật Hình sự 1999" *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, (30), (2), tr.1-11.
3. Nguyễn Thị Quế Anh (2014), "Một vài suy nghĩ về khái niệm hàng giả trong bối cảnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, (30), (1), tr.44-53.
4. Nguyễn Thị Quế Anh và Nguyễn Tiến Vinh (2015), *Pháp luật chống hàng giả gây hại sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng ở Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX (2006), *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII (2016), *Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII (2017), *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, tại trang <http://dangcongsan.vn>, [truy cập ngày 6/10/2014].

9. Bộ Khoa học và Công nghệ (2008), *Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN* ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp và được sửa đổi bằng *Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN* ngày 27/3/2009, *Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN* ngày 13/02/2012, Hà Nội.
10. Bộ Khoa học và Công nghệ (2014), *Quyết định số 69/QĐ-BKHCN* ngày 15/01/2014 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ, đăng tại <https://www.most.gov.vn>, [truy cập ngày 9/3/2016]
11. Bộ Khoa học và Công nghệ (2015), *Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN* ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Hà Nội.
12. Bộ Khoa học và công nghệ (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình Hành động về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 - 2010 và Chương trình phối hợp giai đoạn II (2012 - 2015)*, Hà Nội.
13. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 13/2015/TT-BTC* ngày 30/1/2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
14. Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công An, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2000), *Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BTC-BCA-BKHCNMT* ngày 27/4/2000 của Bộ thương mại, Bộ tài chính, Bộ công an, Bộ khoa học công nghệ môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg, tại trang <http://noip.gov.vn>, [truy cập ngày 15/9/2004]
15. Chính phủ (1999), *Nghị định số 12/1999/NĐ-CP* của Chính phủ ngày 06/3/1999 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tại trang <http://noip.gov.vn>, [truy cập ngày 03/9/2015].

16. Chính phủ (2005), *Tờ trình số 41/CP-KTTH của Quốc hội về dự án Luật Sở hữu trí tuệ* ngày 11/4/2005, Hà Nội
17. Chính phủ (2006), *Nghị định số 103/2006/NĐ-CP* ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
18. Chính phủ (2006), *Nghị định 105/2006/NĐ-CP* ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
19. Chính phủ (2010), *Nghị định số 97/2010/NĐ-CP* ngày 21/9/2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Hà Nội.
20. Chính phủ (2010), *Nghị định số 119/2010/NĐ-CP* ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
21. Chính phủ (2010), *Nghị định số 122/2010/NĐ-CP* ngày 31/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
22. Chính phủ (2013), *Nghị định số 99/2013/NĐ-CP* ngày 29/8/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Hà Nội.
23. Chính phủ (2013), *Nghị định số 185/2013/NĐ-CP* ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đăng tại <https://www.customs.gov.vn>, [truy cập ngày 15/6/2015]

24. Phạm Đình Chương (2006), "Hiệp định về sở hữu trí tuệ của WTO: các vấn đề pháp lý và thực tiễn đặt ra cho Việt Nam", *Hội thảo khoa học Việt Nam gia nhập WTO: thuận lợi, thách thức và vai trò của Quốc hội*, Văn phòng Quốc hội, Hà Nội, tr.143-202.
25. Phạm Đình Chương (2013), "Giới thiệu chung về tài sản trí tuệ", *Hội thảo Kỹ thuật xác định giá trị tài sản trí tuệ*, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ và Cục Phát triển Thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (2013), "Quyền sở hữu trí tuệ ở Hàn Quốc", <http://www.ipo.gov.uk/ipkorea.pdf>, [truy cập ngày 24/8/2016].
27. Cục Cảnh sát kinh tế (2015), "Tình hình tội phạm sở hữu trí tuệ ở Việt Nam; các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan đến tội phạm sở hữu trí tuệ; phương hướng, chủ trương giải quyết vấn đề tội phạm này hiện tại và trong thời gian tới", *Toạ đàm Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ và vai trò của báo chí*, Hà Nội.
28. Cục Sở hữu công nghiệp và Cục bản quyền tác giả (2002), *Các Điều ước Quốc tế về Sở hữu Trí tuệ trong quá trình hội nhập*, NXB Bản đồ, Hà Nội.
29. Cục Sở hữu trí tuệ (2003), *Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm kiến nghị việc sửa đổi Nghị định 12/1999/NĐ-CP về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, Hà Nội.
30. Cục Sở hữu trí tuệ (2006), *Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng đề án nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Hà Nội.
31. Cục Sở hữu trí tuệ (2016), *Sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Khóa học bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho đại biểu quốc hội, Hà Nội.
32. Cục Sở hữu trí tuệ (2016), *Báo cáo thực trạng hoạt động và những giải pháp phát triển Cục Sở hữu trí tuệ trong giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
33. Cục Sở hữu trí tuệ (2017), *Báo cáo đánh giá chính sách pháp luật về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.

34. Cục Sở hữu trí tuệ (2017), *Dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Sở hữu trí tuệ*, đăng tại <http://most.gov.vn>, truy cập ngày 28/3/2017.
35. Hà Hùng Cường (2015), "Hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", tại trang <http://www.ncplp.org.vn>, [truy cập ngày 1/8/2015].
36. Nguyễn Bá Diên (2001), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế*, Nghiên cứu khoa học cấp đặc biệt Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
37. Nguyễn Bá Diên (2010), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
38. Trần Minh Dũng (2004), *Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp hành chính*, Luận văn thạc sĩ quản lý khoa học và công nghệ, Viện Chiến lược và Chính sách khoa học, công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
39. Trần Minh Dũng (2010), "Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính", tại trang <http://thanhttra.most.gov.vn>, [Truy cập ngày 7/5/2017].
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Nguyễn Minh Đoan (2011), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Vũ Thị Phương Giang (2008), *Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

45. Lê Thị Nam Giang (2009), "Nguyên tắc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu trí tuệ và lợi ích của xã hội", tại trang <http://www.phapluatsohuutritue.vn>, [truy cập ngày 10/5/2014].
46. Dương Tử Giang, Phạm Vũ Khánh Toàn (2011), "Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát Luật Sở hữu trí tuệ và các kiến nghị" do nhóm tác giả phối hợp với Công ty luật Baker & Mc Kenzie thực hiện năm 2011 trong khuôn khổ Dự án USAID, tại trang <http://vibonline.com.vn> [truy cập ngày 10/8/2015].
47. Nguyễn Thị Thanh Hà (2016), *Bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: pháp luật của Việt Nam và tác động của Hiệp định TPP*, Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
48. Đoàn Thị Ngọc Hải (2016), "Hoàn thiện quy định của pháp luật về kiểm soát biên giới bảo vệ quyền SHTT của cơ quan Hải quan", tại trang <http://moj.gov.vn>, [truy cập ngày 15/9/2016].
49. Lê Hồng Hạnh (2004), "Các khái niệm chuẩn xác - điều kiện tiên quyết cho việc giải quyết có hiệu quả tranh chấp SHTT", *Tạp chí Luật học*, (6), tr.43-49.
50. Lê Hồng Hạnh, Đinh Thị Mai Phương và nhóm tác giả (2004), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Thanh Hảo (2009), "Tiêu dùng quốc tế: chống thực phẩm độc với trẻ em", tại trang <http://vietnamnet.vn/bvkh/2009/03/836118/>, [truy cập ngày 8/5/2017].
52. Khương Thị Minh Hằng (2016), "Tình hình thực thi quyền sở hữu trí tuệ năm 2015", *Hội nghị chia sẻ thông tin thực thi quyền sở hữu trí tuệ giữa các giảng viên chính*, trong khuôn khổ Dự án "Tăng cường năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam", Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
53. Hoàng Phước Hiệp (2006), "Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới và vấn đề sửa đổi hệ thống thực thi cam kết gia nhập WTO", *Hội thảo về gia nhập WTO*, Văn phòng Quốc hội, Hà Nội.
54. Chí Hiếu (2007), "Yêu cầu của "TRIPS, "BTA" và vấn đề hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ", *Thông tin khoa học xét xử*, (5), Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao.

55. Tiến Hiếu (2008), "Nước mắm thật, nhãn giả: tội gì?", tại trang <http://plo.vn/ban-doc/nuoc-mam-that-nhan-gia-toi-gi-267934.html>, [truy cập ngày 02/3/2016].
56. Hội đồng Bộ trưởng (1982) *Nghị định số 197-HĐBT ngày 14-12-1982 của Hội đồng bộ trưởng ban hành điều lệ về nhãn hiệu hàng hoá*, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn>, [truy cập ngày 02/4/2015].
57. Hội đồng Bộ trưởng (1983), *Nghị định số 46-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 10/5/1983 quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*, tại trang www.moj.gov.vn, [truy cập ngày 03/9/2014].
58. Hội đồng Bộ trưởng (1990), *Nghị định số 84-HĐBT ngày 20-3-1990 của Hội đồng bộ trưởng sửa đổi bổ sung Nghị định 84-HĐBT ngày 20-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng*, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn>, [truy cập ngày 02/4/2015].
59. Hội đồng Bộ trưởng (1991), *Nghị định 140/HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về việc kiểm tra, xử lý hoạt động sản xuất buôn bán hàng giả*, tại trang <http://moj.gov.vn>, [truy cập ngày 03/9/2014].
60. Hội đồng Nhà nước (1989), *Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp*, tại trang <http://moj.gov.vn>, [truy cập ngày 03/9/2014].
61. Đinh Thế Hưng (2010), "Bảo vệ người tiêu dùng bằng pháp luật hình sự", Kiểm sát, *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (9), tr.27-30.
62. Nguyễn Thị Hương (2015), *Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong môi trường Internet*, Luận văn thạc sĩ khoa học quản lý, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
63. Tạ Duy Khánh (2012), *Xử lý xâm phạm nhãn hiệu bằng tài phán Tòa án*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

64. Vũ Đức Khiển (Chủ nhiệm đề tài) (2005), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*, Báo cáo phúc trình Đề tài KX 04.05 thuộc Chương trình KX-04, Hà Nội.
65. Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO và Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (2004), *Những điều cần biết về sở hữu trí tuệ*, Geneva.
66. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2008), "Báo cáo tình hình thực hiện cam kết về sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO", đăng tại <http://www.nciec.gov.vn>, [truy cập ngày 12/6/2014].
67. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2015), "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu", tại trang www.trungtamwto.vn, [truy cập ngày 12/4/2017].
68. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), "Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)", tại trang <http://www.trungtamwto.vn>, [truy cập ngày 7/9/2016].
69. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2017), "Hiệp định TPP", tại trang www.trungtamwto.vn, [truy cập ngày 08/01/2017].
70. Lê Văn Kiều (2008), "Tên thương mại và nhãn hiệu", tại trang http://www.khoahocvacongnghevietnam.com.vn/files/Ten_thuong_mai_va_nhan_hieu.doc, [truy cập ngày 01/4/2016].
71. Lê Việt Long (2009), *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
72. Lê Nét (2004), *Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Nguyễn Hồng Nhung (2016), "TPP - Tổng quan và khả năng tham gia của Việt Nam", Tài liệu Hội thảo *Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) - Cơ hội và thách thức*, Đà Nẵng.
74. Nguyễn Thị Pha (2011), *Hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

75. Hoàng Phê (2016), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
76. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), *Báo cáo rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU về sở hữu trí tuệ*, NXB Công Thương, Hà Nội
77. Nguyễn Thụy Phương (2007), "Quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ", *Thông tin khoa học xét xử*, (5), tr.20-27.
78. Đinh Thị Mai Phương (2007), "Hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (1/2007), tr.36-42.
79. Nguyễn Xuân Quang (2015), "Thực trạng bảo vệ quyền bằng biện pháp hành chính và giải pháp hoàn thiện pháp luật sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu", tại trang <http://tcdcpl.moj.gov.vn>, [truy cập ngày: 15/9/2016].
80. Nguyễn Xuân Quang (2015), Xử lý vi phạm nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
81. Hoàng Thị Kim Quế (2007), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
82. Quốc hội (1999), "Bộ luật Hình sự", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2015].
83. Quốc hội (2001), "Luật Hải quan", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 23/9/2015]
84. Quốc hội (2005), "Luật Sở hữu trí tuệ", tại trang <http://moj.gov.vn>, [truy cập ngày 16/6/2016].
85. Quốc hội (2009), "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 23/6/2014].
86. Quốc hội (2009), "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2015].
87. Quốc hội (2012), "Luật xử lý vi phạm hành chính", tại trang <http://www.moj.gov.vn>, [truy cập ngày 16/8/2016].

88. Quốc hội (2012), "Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2016].
89. Quốc hội (2013), "Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam", tại trang http://moj.gov.vn, [truy cập ngày 6/10/2014].
90. Quốc hội (2014), "Luật Hải quan", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2015].
91. Quốc hội (2015), "Bộ luật Dân sự", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 16/9/2016].
92. Quốc hội (2015), "Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015", tại trang <http://moj.gov.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2016].
93. Quốc hội (2015), "Luật Hình sự", đăng tại <http://vanban.chinhphu.vn>, [truy cập ngày 24/3/2017]
94. Shahid Alikhan (2007), "*Lợi ích kinh tế - xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển*", Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, tr 10-11.
95. Nguyễn Ngọc Sơn (2012), "Người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử*, đăng tại <http://www.nclp.or.vn>, [truy cập ngày 15/6/2016].
96. Nguyễn Thanh Tâm (2007), "Pháp luật về ở hữu công nghệ trong tiến trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế", *Tạp chí Luật học*, (01), tr.42-48.
97. Kiều Thanh (1999), "Quyền sở hữu tài sản vật chất và quyền sở hữu tài sản trí tuệ - Những khác biệt cơ bản", *Luật học*, (5), tr.46-47; 53.
98. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (2012), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về thực thi quyền sở hữu công nghiệp. Thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường năng lực thực thi cho hệ thống thanh tra khoa học - công nghệ*, Báo cáo tổng kết đề án, Hà Nội.
99. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (2014), *Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*, Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
100. Lê Xuân Thảo (2005), *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

101. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội
102. Đỗ Thị Minh Thủy (2014), "Giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Nhật Bản và một số gợi mở đối với Việt Nam", đăng tại <http://most.gov.vn>, [truy cập ngày 15/6/2016].
103. Tổ chức Thương mại thế giới (1994), *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)*, NXB Bản đồ, Hà Nội (Bản dịch tiếng Việt của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam).
104. Toà án nhân dân tối cao (1989), "Thông tư số 3-NCPL ngày 22/7/1989 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử một số tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ", tại trang <https://thuvienphapluat.vn>, [truy cập ngày 03/9/2014].
105. Toà án nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo phục vụ tổng kết 10 thi hành Luật sở hữu trí tuệ 2005*, Hà Nội
106. Phạm Vũ Khánh Toàn và Lê An (2013), "Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính", Hội thảo quốc tế *Sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: kinh nghiệm của Việt Nam, Lào và Campuchia*, Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
107. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội
108. Hoàng Văn Trục (2016), *Hội thảo Nâng cao năng lực thực thi bằng biện pháp hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)*, Hà Nội.
109. Nguyễn Tùng (2007), "Quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ", *Thông tin khoa học xét xử*, (5), tr.08-19.
110. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02/7/2002 của Ủy ban thường vụ quốc hội về xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
111. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2008), *Pháp lệnh số 04/2008/PL-UBTVQH12 ngày 02/4/2002 của Ủy ban thường vụ quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

112. Nguyễn Thị Hải Vân (2012), "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Hiệp định TRIPS, TRIPS Cộng và ACTA", *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, (1), tr.39-43, 53.
113. Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ (2008), *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng phương pháp xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu*, Đề tài khoa học cấp Viện, Hà Nội.
114. Viện Khoa học xét xử (2009), *Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội.
115. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2007), "So sánh hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam theo Hiệp định TRIPS-WTO", tại trang <http://www.vnep.org.vn>, [ngày truy cập 05/8/2014]
116. Thành Vĩnh (2007), "Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ" *Thông tin khoa học xét xử*, (5), tr.01-07.

*** Tài liệu tiếng Anh**

117. Arnord and Potter LLP, KPMG (2012), *"Intellectual Property Protection and Inforcement Manual: A Practical and Legal Guides for Protecting Your Intellectual Property Rights"*, U.S. Chamber of Commerce.
118. Astha Negi, Bhaskar Jyoti Thakuria (2010), "Principles Governing Damages in Trademark Infringement", *Journal of Intellectual Property Rights*, Vol 15, pp. 374-379.
119. Brian T. Yeh (2016), "Intellectual Property Rights Violations: Federal Civil Remedies and Criminal Penalties Related to Copyrights, Trademarks, Patents and Trade Secret", Congressional Research Service, tại trang <http://copyrightalliance.org>, [truy cập ngày 16/9/2016].
120. Charles W. Adams (2008), "Indirect infringement from a tort law perspective", University of Tulsa College of Law, xem tại <http://digitalcommons.law.utulsa.edu>, [truy cập ngày 23/6/2015].
121. Christoph Antons (2011), *Enforcement of Intellectual Property Rights*, Kluwer Law International BV, The Netherlands.

122. INTA Courts and Tribunals Subcommittees, "Case management procedures Report with Model case management procedures", tại trang www.inta.org, (truy cập ngày 16/9/2016).
123. Japan Custom Office (2009), "Report on IPR Enforcement in 2009 IP Protection The role of Japan Custom Office", tại trang <http://www.customs.go.jp> [truy cập ngày 16/9/2016].
124. John McDermott (2009), "Permitted Use of Trademarks in the United States", *Journal of Intellectual Property Association of Japan*, (5), (4), pp. 23-43.
125. Michael Blakeney (2008), *Guidebook of enforcement of intellectual property*, Queen Mary University, London.
126. Micheong Lee, Michael Mc Daniel, Seo-Young In (2016), "World Trademark Review - Year book 2014-2015", Global Guides for Practitioners, Globe Business Publishing Limited, tại trang www.worldtrademarkreview.com, [truy cập ngày 16/9/2016].
127. Nuno Pires de Carvalho (2006), *The TRIPS Regime of Trademarks and Designs*, Kluwer Law International, The Netherlands.
128. Sachiko Serita, Takeshi Kikuchi (2010), *Trademark Disputes and Their Handling*, Japan Patent Office, Asia-Pacific Industrial Property Center, Japan.
129. Satyapon Sachdecha (2012), "Anti counterfeiting 2009 - Global Guide", 187-190, tại trang www.WorldTrademarkReview.com, [truy cập ngày 19/6/2016].
130. Shahid Alikhan (2000), *Socio-economic benefits of intellectual property protection in developing countries*, World Intellectual Property Organization, Geneva.
131. Tyson Smith (2000), Googling a Trademark: A Comparative Look at Keyword Use in Internet Advertising, *Texas International Law Journal*, (46), (tr.231-256), US.
132. Vichai Ariyanuntaka, "TRIPS and the Specialised Intellectual Property Court in Thailand", <http://www.thailawforum.com/articles/trips-vichai.html> [Cập nhật 14/9/2016].

133. World Intellectual Property (2008), "WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use", tại trang <http://www.wipo.int>, [truy cập ngày 15/6/2015].
134. Xuan Li and Carlos M. Correa (2009), *Intellectual Property Enforcement International Perspectives*, Edward Elgar Publishing, England.
135. XiaoqingFeng (2014), *Internationalization and local elements: Research on Recent Amendments to the Trademark Law of China*, Article 2, Volume 7, Issue 2, Akron Intellectual Property Journal.